ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG

**TRƯỜNG TIỂU HỌC THÔNG BÌNH 1**

|  |
| --- |
|  |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC**

**VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**TỔ KHỐI 2**

**NĂM HỌC 2022- 2023**

**Tân Hồng, tháng 10 năm 2022**

TRƯỜNG TIỂU HỌC THÔNG BÌNH 1 **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TỔ 2 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Tân Hồng, ngày 18 tháng 10 năm 2022*

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**KHỐI LỚP 2**

**Năm học 2022– 2023**

**I. Căn cứ xây dựng kế hoạch**

- Kế hoạch số: 183/KH-THTB1 ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Trường Tiểu học Thông Bình 1 về kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2022-2023;

- KH số: 184/ KH-THTB1 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Trường Tiểu học Thông Bình 1 về việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm học 2022- 2023;

- Tình hình thực tế và nhiệm vụ năm học 2022-2023 của tổ khối Hai.

**II. Điều kiện thực hiện các môn học, hoạt động giáo dục**

**1. Đội ngũ giáo viên của tổ chuyên môn**

- Đội ngũ giáo viên của tổ:

+ Giáo viên chủ nhiệm: 3

+ Nhân viên thư viện: 01

+ Nhân viên thiết bị: 01

Đội ngũ giáo viên, nhân viên nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết nội bộ và luôn phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, có ý thức tổ chức kỉ luật, có tinh thần trách nhiệm cao trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Giáo viên trực tiếp giảng dạy đều có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn. Tay nghề giáo viên và chuyên môn nghiệp vụ của các tổ bộ môn ngày một nâng cao. Tất cả đội ngũ cán bộ giáo viên của tổ quyết tâm đổi mới giáo dục theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW về Đổi mới căn bản và toàn diện Giáo dục và Đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước với các nội dung cụ thể của ngành xác định đổi mới giáo dục tiểu học.

**2. Nguồn học liệu thiết bị, phương tiện dạy học, phòng học bộ môn:**

- Trường có đầy đủ phòng học đảm bảo cho 100% HS học 2 buổi/ ngày và có đủ các phòng chức năng. Cơ sở vật chất nhà trường cơ bản đáp ứng đủ cho việc dạy - học của giáo viên và học sinh

- Nguồn học liệu đa dạng: được nhà trường cung cấp đầy đủ sách giáo khoa, trang thiết bị, đồ dùng dạy học, tài liệu chuyên môn, tài liệu tập huấn các mô đun của Bộ GD ĐT, <https://chantroisangtao.vn/>, <https://hanhtrangso.nxbgd.vn/>,...

**3. Nội dung giáo dục địa phương, GD An toàn giao thông, các chủ đề hoạt động tập thể**

Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo tài liệu HD của SGD ĐT Đồng Tháp, PGD ĐT huyện Tân Hồng, nội dung được tổ chuyên môn thống nhất.

**4. Đối tượng học sinh, điều kiện địa phương**

83,3 % HS đúng độ tuổi, 100 % HS được trang bị đủ SGK, đồ dùng học tập, đa số phụ huynh đồng tình với sự lựa chọn Bộ sách Chân trời sáng tạo lớp 2 của UBND Tỉnh.

**5. Kế hoạch dạy học các môn, hoạt động giáo dục:**

- Môn Tiếng Việt ( Phụ lục 1)

- Môn Toán ( Phụ lục 2)

- Môn Tự nhiên và Xã hội ( Phụ lục 3)

- Môn Đạo đức ( Phụ lục 4)

- Môn Hoạt động trải nghiệm ( Phụ lục 5)

- Môn Thể giáo dục thể chất ( Phụ lục 6)

- Môn Âm nhạc ( Phụ lục 7)

- Môn Mĩ thuật ( Phụ lục 8)

- Kế hoạch bài dạy các môn học ( Phụ lục 9)

**III. Tổ chức thực hiện**

**1. Giáo viên**

- Giáo viên trực tiếp giảng dạy nghiên cứu kĩ tài liệu, sách giáo khoa để “Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục nhà trường theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học”

**2. Tổ trưởng**

- Triển khai đầy đủ chính xác kế hoạch dạy hoc các môn học, hoạt động giáo dục.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch dạy học của giáo viên trong tổ.

Trên đây là kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của tổ khối 2năm học 2022 - 2023. Kính trình Ban giám hiệu xem xét để tổ thực hiện./.

**DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG TỔ TRƯỞNG**

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Đặng Thị Hồng Nhung**

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**MÔN TIẾNG VIỆT**

Mỗi tuần: 10 tiết x 35 tuần = 350 tiết

**A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA MÔN HỌC:**

1. **ĐỌC**
2. KĨ THUẬT ĐỌC

- Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần khó, ít dùng). Thuộc bảng chữ cái tiếng Việt; biết phân biệt tên chữ cái, con chữ (a, bê, xê, xê hát,...) và âm (a, bờ, cờ,...) mà chữ cái và con chữ biểu hiện.

- Đọc đúng và rõ ràng các đoạn văn, câu chuyện, bài thơ, văn bản thông tin ngắn. Tốc độ đọc khoảng 60 – 70 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu, chỗ ngắt nhịp thơ.

- Bước đầu phân biệt được lời nhân vật trong đối thoại và lời người kể chuyện để đọc với ngữ điệu phù hợp.

- Biết đọc thầm.

- Nhận biết được thông tin trên bìa sách: tranh minh hoạ, tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản.

- Điền được những thông tin quan trọng vào phiếu đọc sách.

b) ĐỌC HIỂU

**\* Văn bản văn học**

*- Đọc hiểu nội dung*

+ Biết nêu và trả lời câu hỏi về một số chi tiết nội dung trong văn bản như: Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao?

+ Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản đơn giản dựa vào gợi ý.

*- Đọc hiểu hình thức*

+ Nhận biết được địa điểm, thời gian, các sự việc chính của câu chuyện.

+ Nhận biết được hình dáng, điệu bộ, hành động của nhân vật qua ngôn ngữ và hình ảnh.

+ Nhận biết được thái độ, tình cảm giữa các nhân vật thể hiện qua hành động, lời thoại.

+ Nhận biết được vần trong thơ.

*- Liên hệ, so sánh, kết nối*

+ Nêu được nhân vật yêu thích nhất và giải thích được vì sao.

***- Đọc mở rộng***

+ Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 văn bản văn học có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học.

+ Thuộc lòng ít nhất 6 đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 – 45 chữ.

**\* Văn bản thông tin**

*- Đọc hiểu nội dung*

+ Biết nêu và trả lời được câu hỏi về các chi tiết nổi bật của văn bản như: Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao?

+ Trả lời được văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý dựa vào gợi ý.

*- Đọc hiểu hình thức*

+ Nhận biết được một số loại văn bản thông tin đơn giản, thông dụng qua đặc điểm của văn bản: mục lục sách, danh sách học sinh, thời khoá biểu, thời gian biểu, văn bản giới thiệu loài vật, đồ vật hoặc văn bản hướng dẫn thực hiện một hoạt động.

+ Nhận biết được trình tự các sự việc, hiện tượng nêu trong văn bản.

*- Liên hệ, so sánh, kết nối*

+ Nêu được các thông tin bổ ích đối với bản thân từ văn bản.

+ Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thể hiện qua nhan đề, hình ảnh minh hoạ và chú thích hình ảnh.

*- Đọc mở rộng*

+ Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 18 văn bản thông tin có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.

1. **VIẾT**
2. KĨ THUẬT VIẾT

- Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.

- Viết hoa chữ cái đầu câu, viết đúng tên riêng người Việt và tên riêng địa lí phổ biến ở Việt Nam.

- Nghe – viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 50 – 55 chữ, tốc độ khoảng 50 – 55 chữ trong 15 phút. Viết đúng một số từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.

- Trình bày sạch sẽ, đúng quy định.

b) VIẾT ĐOẠN VĂN NGẮN

*- Quy trình viết*

+ Xác định được nội dung bằng cách trả lời câu hỏi: “Viết về cái gì?”; viết nháp; dựa vào hỗ trợ của giáo viên, chỉnh sửa được lỗi dấu kết thúc câu, cách viết hoa, cách dùng từ ngữ.

*- Thực hành viết*

+ Viết được 4 – 5 câu thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia dựa vào gợi ý.

+ Viết được 4 – 5 câu tả một đồ vật gần gũi, quen thuộc dựa vào gợi ý.

+ Viết được 4 – 5 câu nói về tình cảm của mình đối với người thân hoặc sự việc dựa vào gợi ý.

+ Viết được 4 – 5 câu giới thiệu về một đồ vật quen thuộc dựa vào gợi ý.

+ Biết đặt tên cho một bức tranh.

+ Biết viết thời gian biểu, bưu thiếp, tin nhắn, lời cảm ơn, lời xin lỗi.

**3. NÓI VÀ NGHE**

*a) Nói*

- Nói rõ ràng, có thói quen nhìn vào người nghe.

- Biết nói và đáp lại lời chào hỏi, chia tay, cảm ơn, xin lỗi, lời mời, lời đề nghị, chúc mừng, chia buồn, an ủi, khen ngợi, bày tỏ sự ngạc nhiên; đồng ý, không đồng ý, từ chối phù hợp với đối tượng người nghe.

- Kể được một câu chuyện đơn giản (có hình ảnh) đã đọc, nghe, xem; nói 1 – 2 câu kể về tình huống do em tưởng tượng.

- Nói ngắn gọn về một câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc theo lựa chọn của cá nhân (tên văn bản, nội dung văn bản, nhân vật yêu thích).

*b) Nghe*

*-* Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói. Đặt được câu hỏi về những gì chưa rõ khi nghe.

- Nghe một bài thơ hoặc bài hát, dựa vào gợi ý, nói một vài câu nêu cảm nhận của mình về bài thơ hoặc bài hát đó.

- Nghe câu chuyện, dựa vào gợi ý, nêu ý kiến về nhân vật chính hoặc một sự việc trong câu chuyện.

*c) Nói nghe tương tác*

+ Biết trao đổi trong nhóm về các nhân vật trong một câu chuyện dựa vào gợi ý.

+ Biết trao đổi trong nhóm về một vấn đề: chú ý lắng nghe người khác, đóng góp ý kiến của mình, không nói chen ngang khi người khác đang nói

**B. KẾ HOẠCH DẠY HỌC:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần**  **tháng** | **Chương trình và sách giáo khoa** | | | | | | | | **Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)**  (Những điều chỉnh về nội dung, thời lượng, thiết bị dạy học và học liệu tham khảo; xây dựng chủ đề học tập, bổ sung tích hợp liên môn; thời gian và hình thức tổ chức…) | | **Ghi chú** | |
| **Chủ đề/**  **Mạch nội dung** | **Tên**  **bài học** | | **Yêu cầu cần đạt** | | | **Tiết học/ Thời lượng** | |  |  | |
| **HỌC KÌ 1** | | | | | | | | | | | | |
| **1** | **1.EM**  **ĐÃ LỚN LÊN**  Chủ điểm *Em đã lớn hơn* hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, chămchỉ, trách nhiệm*; giúp HS nhận thức được mình đã lớn hơn so với năm học lớp Một; bước đầu thể hiện trách nhiệm với bản thân và gia đình bằng cách tham gia làm những việc nhàvừa sức; bước đầu biết quý trọng thời gian, lập thời  gian biểu và làm mọi việc theo thời gian biểu. | **Bài 1: Bé Mai đã lớn** | Đọc *Bé Mai đã lớn* | \*Nói với bạn một việc nhà em đã làm; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: Những việc nhà Mai đã làm giúp em lớn hơn trong mắt bố mẹ; biết liên hệ bản thân: tham gia làm việc nhà. Kể được tên một số việc em đã làm ở nhà và ở trường.  \* Biết viết chữ hoa A  \* Bước đầu làm quen với các khái niệm từ ngữ và câu; tìm và đặt câu với từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động.  \* Năng lực  - Năng lực chung:  + Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù:  - Viết đúng câu ứng dụng “Anh em thuận hòa” theo chữ cở nhỏ. Viết đúng mẫu, đều đẹp.  - Biết cảm thụ cái hay trong việc rèn chữ viết.  - Biết đặt câu với từ ngữ tìm được; biết chia sẻ với bạn suy nghĩ của em sau khi làm việc nhà  \* Phẩm chất  - Chăm chỉ: Chăm chỉ làm việc nhà, yêu quý cuộc sống.  - Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn  - Trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập, có trách nhiệm với bản thân | | 1/ 35 phút | | |  | |  | |
| Đọc *Bé Mai đã lớn* | 2/ 35 phút | | |
| Viết  chữ hoa *A* | 3/ 35 phút | | |  | |
| Từ và câu | 4/ 35 phút | | |  | |
| **Bài 2: Thời gian biểu** | Đọc *Thời gian biểu* | \* Nói với bạn những việc em làm trong một ngày; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: Thời gian biểu giúp em có thể thực hiện các công việc trong ngày một cách hợp lí, khoa học; biết liên hệ bản thân: lập thời gian biểu để thực hiện các công việc trong ngày.  \*Nghe – viết đúng đoạn văn; làm quen với tên gọi của một số chữ cái (BTb); phân biệt c/k (BTc).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học : Tích cực tham gia hoạt động nhóm  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  **-** Năng lực đặc thù:  + Mở rộng được vốn từ vẻ trẻ em (từ ngữ chỉ hoạt động, tính nết của trẻ em); đặt được câu với từ ngữ tìm được.  + Bày tỏ được sự ngạc nhiên, thích thú; biết nói và đáp lời khen ngợi.  + Tự giới thiệu được những điểm chính vẻ bản thân.  + Chia sẻ được một truyện đã đọc về trẻ em.  + Bước đầu nhận điện được các bạn trong lớp nhờ đặc điểm riêng.  \* Phẩm chất  - Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, yêu trường, yêu lớp   * Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn * Trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập, có trách nhiệm với bản thân | | 5/ 35 phút | | |  | |
| Nghe viết: *Bé Mai đã lớn.*  Bảng chữ cái. Phân biệt c/k | 6/ 35 phút | | |  | |
| Mở rộng vốn từ *Trẻ em* | 7/ 35 phút | | |  | |
| Nói và đáp lời bày tỏ sự ngạc nhiên, lời khen ngợi | 8/ 35 phút | | |  | |
| Nói, viết lời tự giới thiệu | 9/ 35 phút | | |  | |
| Đọc một truyện về trẻ em | 10/ 35 phút | | |  | |
| **2** | **Bài 3: Ngày hôm qua đâu rồi?** | Đọc Ngày hôm qua đâu rồi? | \* Biết cách xem lịch và nói được ích lợi của lịch; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: Chúng ta cần làm những việc có ích để không lãng phí thời gian; biết liên hệ bản thân: chăm chỉ học hành, không để lãng phí thời gian; tìm được 3 – 5 từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động có trong bài thơ.  \* Viết đúng kiểu chữ hoa *Ă, Â* và câu ứng dụng.  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học : Tích cực tham gia đọc bài, viết bài  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  **-** Năng lực đặc thù:  + Bước đầu làm quen với từ chỉ sự vật và câu giới thiệu. Tìm và đặt được câu giới thiệu một bạn cùng lớp.  + Trao đổi được những việc em cần làm đề không lãng phí thời gian cuối tuần.  **\*** Phẩm chất  - Chăm chỉ: Yêu quý thời gian, làm những việc có ích tránh lãng phí thời gian.  - Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn  - Trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập | | 1/ 35 phút | | |  | |
| Đọc Ngày hôm qua đâu rồi? | 2/ 35 phút | | |
| Viết chữ hoa Ă,Â | 3/ 35 phút | | |  | |
| Từ chỉ sự vật. Câu kiểu Ai là gì? | 4/ 35 phút | | |  | |
| **Bài 4: Út Tin** | Đọc Út Tin | \* Nói về những điểm đáng yêu ở một người bạn của em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Nét đáng yêu của Út Tin sau khi cắt tóc*; biết liên hệ bản thân: *tôn trọng nét đáng yêu của mỗi người; giữ gìn những nét đẹp đáng yêu*.  \* Nhìn – viết đúng đoạn thơ; làm quen với tên gọi của một số chữ cái (BTb); phân biệt *g/gh* (BTc)*.*  *\** MRVT về trẻ em (từ ngữ có tiếng *sách, học*); đặt câu với từ ngữ tìm được (BT 3,4).  \* Nghe – kể: *Thử tài* (BT5).  \*Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học : Tích cực tham gia hoạt động nhóm  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù:  + Lập được thời gian biều một buổi trong ngày.  + Chia sẻ được một bài đã đọc về trẻ em.  + Trang trí được thời gian biểu và nói với bạn một việc làm em viết trong thời gian biểu.  \* Phẩm chất  - Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập   * - Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn * - Trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập | | 5/ 35 phút | | |  | |
| Nhìn -viết: Bé Mai đã lớn. Bảng chữ cái. Phân biệt g/gh | 6/ 35 phút | | |  | |
| Mở rộng vốn từ Trẻ em (Tiếp theo) | 7/ 35 phút | | |  | |
| Nghe-kể: Thử tài | 8/ 35 phút | | |  | |
| Viết thời gian biểu | 9/ 35 phút | | |  | |
| Đọc bài đọc về trẻ em | 10/ 35 phút | | |  | |
| **3** | **2.MỖI NGƯỜI MỘT VẺ**  Chủ điểm *Mỗi người một vẻ* hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái,chăm chỉ, trách nhiệm;* giúp HS nhận thức được xung quanh ta, mỗi người, mỗi vật đềucó những đặc điểm riêng, đều có những nét đáng yêu; bước đầu biết tự tin và quý trọng bản thân, biết làm những việc có ích. | **Bài 1: Tóc xoăn và tóc thẳng** | Đọc *Tóc xoăn và tóc thẳng* | \* Chia sẻ điều em thích ở mỗi bạn trong nhóm; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Mỗi người đều có những đặc điểm riêng đáng yêu*; biết liên hệ bản thân: *tôn trọng nét riêng của bạn, rèn luyện để nét riêng của mình đáng yêu hơn*; biết thể hiện tình cảm tôn trọng, quý mến bạn qua việc thực hiện vẽ bạn và đặt tên cho bức vẽ.  \* Viết đúng kiểu chữ hoa B và câu ứng dụng.  \* Tìm và đặt được câu với từ ngữ chỉ hoạt động của người, con vật (BT 3,4).  - Đặt tên cho các kiểu tóc và nói về kiểu tóc em thích.  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học : Tích cực tham gia đọc bài, rèn chữ  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  **-** Năng lực đặc thù**:** Hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học (trí tưởng tượng về sự việc trong đời sống xã hội).  **\*** Phẩm chất  - Chăm chỉ: Biết thể hiện tình cảm tôn trọng, quý mến bạn bè.  - Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn  - Trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập | | 1/ 35 phút | | |  | |
| Đọc *Tóc xoăn và tóc thẳng* | 2/ 35 phút | | |
| Viết chữ hoa B | 3/ 35 phút | | |  | |
| Từ chỉ hoạt động. Câu kiểu Ai làm gì? | 4/ 35 phút | | |  | |
| **Bài 2: Làm việc thật là vui** | Đọc *Làm việc thật là vui* | - Nói về những việc em thích làm; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Xung quanh ta, mọi người, mọi vật đều làm việc. Công việc đem lại niềm vui cho mọi người, mọi vật*; biết liên hệ bản thân: *chăm chỉ học tập, rèn luyện sẽ có nhiều niềm vui*.  \* Nghe – viết đúng đoạn văn; làm quen với tên gọi một số chữ cái; phân biệt *s/x, en/ eng* (BTb, c).  \* MRVT về trẻ em (từ ngữ chỉ trẻ em, hoạt động của trẻ em); chọn từ ngữ phù hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh đoạn văn (Bt 3,4).  \* Nói và đáp lời khen ngợi, chúc mừng (BT5).  \* Nói, viết lời cảm ơn (BT6).  \* Chia sẻ một bài thơ đã đọc về trẻ em (BT1).  - Biết đặt tên cho một bức tranh tự vẽ (BT2).  \* Năng lực:  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học : Tích cực trong học tập.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Mở rộng được vốn từ về trẻ em (từ ngữ chỉ trẻ em, hoạt động của trẻ em).  \* Phẩm chất :  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm. | | 5/ 35 phút | | |  | |
| Nghe viết: Làm việc thật là vui. Bảng chữ cái. Phân biệt s/x, en/eng | 6/ 35 phút | | |  | |
| Mở rộng vốn từ Bạn bè | 7/ 35 phút | | |  | |
| Nói và đáp lời chúc mừng, lời khen ngợi | 8/ 35 phút | | |  | |
| Nói, viết lời cảm ơn | 9/ 35 phút | | |  | |
| Đọc một bài thơ về trẻ em | 10/ 35 phút | | |  | |
| **4** | **Bài 3: Những cái tên** | Đọc *Những cái tên* | \* Nói với bạn về tên của em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: Mỗi cái tên đều có ý nghĩa, gửi gắm những điều đẹp đẽ mẹ cha mong ước cho em; biết liên hệ bản thân: chăm chỉ rèn luyện để xứng với tên mình – mong ước mà cha mẹ gửi gắm; biết viết tên riêng đúng chính tả và trang trí bảng tên riêng của mình.  \* Viết đúng kiểu chữ hoa *C* và câu ứng dụng.  \* Biết biết hoa tên riêng của người. Nói với người thân về tên các bạn trong lớp (BT 3,4).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học : Tích cực tham gia đọc bài, rèn chữ, đặt câu  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù  + Viết hoa đúng tên riêng của người.  + Nói được với người thân về tên các bạn trong lớp.  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm. | | 1/ 35 phút | | |  | |
| Đọc *Những cái tên* | 2/ 35 phút | | |
| Viết chữ hoa C | 3/ 35 phút | | |  | |
| Viết hoa tên người | 4/ 35 phút | | |  | |
| **Bài 4: Cô gió** | Đọc *Cô gió* | \* Nói về lợi ích của gió đối với người và vật; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Ai cũng yêu quý cô gió vì cô luôn đi khắp đó đây để làm những việc có ích;* biết liên hệ bản thân: *yêu mến cuộc sống, luôn vui tươi, làm việc có ích*.  \* Nghe – viết đúng đoạn thơ; phân biệt *ai/ay* (BT b,c) *.*  *\** MRVT về trẻ em (từ ngữ chỉ phẩm chất); đặt câu với từ ngữ tìm được (BT 3,4).  \* Nghe – kể *Chuyện ở phố Cây Xanh* (BT 5).  \* Biết đặt tên cho bức tranh; giới thiệu với bạn bức tranh em thích (BT 6).  \* Chia sẻ bài văn đã đọc về trẻ em (BT1).  - Chơi trò chơi ***Gió thổi*** để nói về những đặc điểm riêng/ nét đáng yêu của các bạn trong lớp (BT 2).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học : Tích cực trong học tập.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  **-** Năng lực đặc thù: Mở rộng được vốn từ về trẻ em (từ ngữ chỉ phẩm chất của trẻ em).  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm. | | 5/ 35 phút | | |  | |
| Nhìn -viết: *Ai dậy sớm*  Phân biệt ai/ây | 6/ 35 phút | | |  | |
| Mở rộng vốn từ Bạn bè | 7/ 35 phút | | |  | |
| Nghe-kể: Chuyện ở phố Cây Xanh | 8/ 35 phút | | |  | |
| Đặt tên cho bức tranh | 9/ 35 phút | | |  | |
| Đọc một bài văn về trẻ em | 10/ 35 phút | | |  | |
| **5** | **3. BỐ MẸ YÊU THƯƠNG**  Chủ điểm *Bố mẹ yêu thương* hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *nhân ái, trách nhiệm* cho HS; giúp HS nhận thức được tình cảm của mình đối với bố mẹ và người thântrong gia đình; bước đầu thể hiện trách nhiệm với bố mẹ và người thân bằng các việc làm cụ thể. | **Bài 1: Bọ rùa tìm mẹ** | Đọc *Bọ rùa tìm mẹ* | \* Chia sẻ với bạn về các hình ảnh em thấy trong bức tranh, nêu được phỏng đoán của bản thân về nhân vật chính qua tên bài học, tên bài đọc và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lượt lời của các nhân vật, lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Mọi người cần quan tâm, chia sẻ, yêu thương, giúp đỡ người khác*; biết liên hệ với bản thân: *cần quan tâm, giúp đỡ bạn bè*; bước đầu biết đọc phân vai.  \* Viết đúng kiểu chữ hoa *D, Đ* và câu ứng dụng.  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia các hoạt động học tập ở nhà và ở trường, biết xử lý các tình huống liên quan đến bài học và điều chỉnh hành vi bản thân.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận, giúp đỡ nhau trong học tập. Biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của thầy cô.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Qua bài học biết áp dụng kiến thức vào thực tiễn. Tìm tòi, phát hiện, giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù:  + Nhận diện được từ chỉ màu sắc, hình dáng, tính tình.  + Nhận diện được câu kể và câu miêu tả đặc điểm (màu sắc); đặt được 1-2 câu miêu tả.  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, trách nhiệm. | | 1/ 35 phút | | |  | |
| Đọc *Bọ rùa tìm mẹ* | 2/ 35 phút | | |
| Viết chữ hoa D,Đ | 3/ 35 phút | | |  | |
| Từ chỉ đặc điểm. Câu kiểu Ai thế nào? | 4/ 35 phút | | |  | |
| **Bài 2: Cánh đồng của bố** | Đọc *Cánh đồng của bố* | - Giới thiệu với bạn về gia đình em, nêu được được phỏng đoán về nội dung bài qua tên bài đọc và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *tình cảm yêu thương, trìu mến vô bờ của bố dành cho con*; biết liên hệ bản thân: *yêu quý, kính trọng, biết ơn bố*.  \* Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt *ng/ngh; l/n, hỏi/ngã* (BT b,c).  \* Chia sẻ một truyện đã đọc về gia đình (BT1).  - Nói được 1 – 2 câu thể hiện tình cảm với bố mẹ hoặc người thân (BT 2).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia các hoạt động học tập ở nhà và ở trường, biết xử lý các tình huống liên quan đến bài học và điều chỉnh hành vi bản thân.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận, giúp đỡ nhau trong học tập. Biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của thầy cô.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Qua bài học biết áp dụng kiến thức vào thực tiễn. Tìm tòi, phát hiện, giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù :  + Mở rộng được vốn từ về gia đình (từ ngữ chỉ người trong gia đình); đặt và trả lời được câu hỏi về từ ngữ chỉ người thân – câu giới thiệu: Ai là gì?  + Biết nói lời chia tay và đáp lời không đồng ý.  + Viết được tin nhắn cho người thân theo gợi ý và tình huống đã cho.  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm. | | 5/ 35 phút | | |  | |
| Nghe - viết *Bọ rùa tìm m. Phân biệt ng/ngh; l/n, dấu hỏi/ dấu ngã* | 6/ 35 phút | | |  | |
| Mở rộng vốn từ *Gia đình* | 7/ 35 phút | | |  | |
| Nói và đáp lời chia tay, lời từ chối | 8/ 35 phút | | |  | |
| Viết tin nhắn | 9/ 35 phút | | |  | |
| Đọc một truyện về gia đình | 10/ 35 phút | | |  | |
| **6** | **Bài 3: Mẹ** | Đọc *Mẹ* | - Nói được việc người thân thường làm để chăm sóc em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài thơ qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài thơ, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, dòng thơ; đúng logic ngữ nghĩa; hiểu được nội dung bài thơ: Nỗi vất vả, cực nhọc của mẹ khi nuôi con và tình yêu thương vô bờ của mẹ dành cho cho con; biết liên hệ với bản thân: biết ơn, kính yêu mẹ; học thuộc lòng 6 dòng thơ cuối; nói được 1 – 2 câu về mẹ/ người thân theo mẫu.  \* Viết đúng kiểu chữ hoa *E, Ê* và câu ứng dụng.  \* Từ ngữ chỉ người trong gia đình; câu kể – dấu chấm (BT 3,4).  - Tham gia và thực hiện trò chơi *Bàn tay diệu kì:* biết cùng bạn thực hiện trò chơi theo lệnh của quản trò; nói được 1 – 2 câu điều mình thích nhất ở trò chơi.  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia các hoạt động học tập ở nhà và ở trường, biết xử lý các tình huống liên quan đến bài học và điều chỉnh hành vi bản thân.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận, giúp đỡ nhau trong học tập. Biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của thầy cô.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Qua bài học biết áp dụng kiến thức vào thực tiễn. Tìm tòi, phát hiện, giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Nhận diện được từ ngữ chỉ người trong gia đình, câu kể - dấu chấm.  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, trách nhiệm. | | 1/ 35 phút | | |  | |
| Đọc *Mẹ* | 2/ 35 phút | | |
| Viết chữ hoa E,Ê | 3/ 35 phút | | |  | |
| Từ chỉ sự vật. Dấu chấm | 4/ 35 phút | | |  | |
| **Bài 4: Con lợn đất** | Đọc *Con lợn đất* | - Chia sẻ với bạn cách em đã làm để thực hiện tiết kiệm; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Lời khuyên về cách tiết kiệm tiền và sử dụng tiền tiết kiệm qua bài văn tả con lợn (heo) đất của nhân vật – bạn nhỏ trong bài văn*; biết liên hệ bản thân: *biết tiết kiệm.*  *\** Nhìn – viết đúng đoạn thơ; phân biệt đúng *c/k; iu/ưu; d/v* (BT b,c)*.*  *\** MRVT về gia đình (từ ngữ chỉ người thân trong gia đình); chọn từ phù hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh đoạn văn (BT3,4).  \* Nghe – kể được từng đoạn của câu chuyện *Sự tích hoa cúc trắng* theo tranh và câu hỏi gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện (BT5).  \* Đặt được tên cho bức tranh; Viết được tên bức tranh (ảnh) qua BT 6.  \* Chia sẻ một bài đọc đã đọc về gia đình (BT 1).  - Vẽ con lợn đất và nói với bạn về bức vẽ của em(BT 2).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia các hoạt động học tập ở nhà và ở trường, biết xử lý các tình huống liên quan đến bài học và điều chỉnh hành vi bản thân.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận, giúp đỡ nhau trong học tập. Biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của thầy cô.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Qua bài học biết áp dụng kiến thức vào thực tiễn. Tìm tòi, phát hiện, giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Mở rộng được vốn từ về gia đình (từ ngữ chỉ người thân trong gia đình); chọn đúng từ ngữ phù hợp điền vào chỗ trống để hoàn chính đoạn văn; ngắt đúng đoạn văn.  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm. | | 5/ 35 phút | | |  | |
| Nhìn - viết *Mẹ* Phân biệt *c/k; iu/ưu, d/v* | 6/ 35 phút | | |  | |
| Mở rộng vốn từ *Gia đình (tiếp theo)* | 7/ 35 phút | | |  | |
| Nghe - kể *Sự tích hoa cúc trắng* | 8/ 35 phút | | |  | |
| Luyện tập đặt tên cho bức tranh | 9/ 35 phút | | |  | |
| Đọc một bài đọc về gia đình | 10/ 35 phút | | |  | |
| **7** | **4.ÔNG BÀ YÊU QUÝ**  Chủ điểm *Ông bà yêu quý* hướng đến việc: Bồi dưỡng phẩm chất *nhân ái, trách nhiệm* cho HS; giúp HS nhận thức được tình cảm của mình đối với ông bà và người thân trong gia đình, bước đầu thể hiện trách nhiệm với ông bà và người thân bằng các việc làm cụ thể. | **Bài 1: Cô chủ nhà tí hon** | Đọc *Cô chủ nhà tí hon* | - Biết ghép chữ cái thành những từ ngữ chỉ người trong gia đình; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Tình cảm yêu thương ông ngoại dành cho bạn nhỏ thể hiện qua những bài học đơn giản trong cuộc sống hằng ngày;* biết liên hệ bản thân: *yêu thương, kính trọng, biết ơn ông bà, bố mẹ*; kể được một số việc làm thể hiện sự kính trọng lễ phép về cha mẹ, thầy cô.  \* Viết đúng kiểu chữ hoa *G* và câu ứng dụng.  \* Tìm và đặt câu với từ ngữ chỉ hoạt động.Tưởng tượng là bạn nhỏ trong bài đọc, viết lời cảm ơn ông (BT3,4).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Tạo thói quen trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù:  + Tìm và đặt được câu với từ ngữ chỉ hoạt động.  + Biết tưởng tượng là bạn nhỏ trong bài đọc, viết được lời cảm ơn ông.  \* Phẩm chất  - Tích cực tham gia các công việc ở nhà và ở trường.  - Bồi dưỡng tình yêu trường gia đình, tính chăm chỉ, tự giác khi ở nhà. | | 1/ 35 phút | | |  | |
| Đọc *Cô chủ nhà tí hon* | 2/ 35 phút | | |
| Viết chữ hoa *G, Gọi dạ bảo vâng* | 3/ 35 phút | | |  | |
| Từ chỉ hoạt động Câu kiểu *Ai làm gì?* | 4/ 35 phút | | |  | |
| **Bài 2: Bưu thiếp** | Đọc *Bưu thiếp* | \* Nói với bạn về những điều em thấy trong tấm bưu thiếp; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Công dụng của bưu thiếp và cách làm bưu thiếp*; biết liên hệ bản thân: *sẽ học làm bưu thiếp, làm thiệp chúc mừng bạn bè, người thân*.  \* Nhìn – viết đúng đoạn văn; phân biệt *ng/ngh; iu/ưu; g/r* (BT b,c).  \* MRVT về gia đình (từ ngữ chỉ người thân: họ nội và họ ngoại). Đặt câu với từ ngữ tìm được (BT 3,4).  \* Biết nói và đáp lời chào qua tình huống cụ thể (BT 5).  \* Biết nói và viết lời xin lỗi (BT 6).  \* Chia sẻ với bạn một bài thơ đã đọc về gia đình (BT 1).  - Chia sẻ với bạn nhưng điều em sẽ viết trong bưu thiếp tặng người thân (BT 2).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Tạo thói quen trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù:  + Tìm và đặt được câu với từ ngữ chỉ hoạt động.  + Biết tưởng tượng là bạn nhỏ trong bài đọc, viết được lời cảm ơn ông.  \* Phẩm chất  - Tích cực tham gia các công việc ở nhà và ở trường.  - Bồi dưỡng tình yêu trường gia đình, tính chăm chỉ, tự giác khi ở nhà. | | 5/ 35 phút | | |  | |
| Nhìn - viết *Ông tôi.* Phân biệt *ng/ngh; iu/ưu, g/r* | 6/ 35 phút | | |  | |
| Mở rộng vốn từ *Gia đình (tiếp theo)* | 7/ 35 phút | | |  | |
| Nói và đáp lời chào hỏi | 8/ 35 phút | | |  | |
| Nói, viết lời xin lỗi | 9/ 35 phút | | |  | |
| Đọc một bài thơ về gia đình | 10/ 35 phút | | |  | |
| **8** | **Bài 3: Bà nội, bà ngoại** | Đọc *Bà nội, bà ngoại* | \* Nói với bạn vài điều em biết ông bà hoặc người thân; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Tình cảm yêu thương, quý mến của bạn nhỏ đối với bà nội, bà ngoại và tình cảm của bà nội, bà ngoại đối với bạn nhỏ*; biết liên hệ bản thân: *yêu quý, kính trọng, biết ơn ông bà*; kể được một số việc làm mà người thân đã chăm sóc, giúp đỡ em và một số việc em làm để giúp đỡ chăm sóc người thân.  \* Viết đúng kiểu chữ hoa *H* và câu ứng dụng.  \* Biết từ ngữ chỉ hoạt động và từ ngữ chỉ tình cảm của ông bà đối với con cháu; câu nói về tình cảm gia đình (BT 3,4).  - Nói và viết tên những người thân trong gia đình.  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Tạo thói quen trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù:  + Phân nhóm được từ ngữ chỉ hoạt động và từ ngữ chỉ tình cảm; tạo được câu mới từ từ ngữ đã cho; đặt được 1-2 câu nói về tình cảm gia đình.  + Nói và viết đúng tên những người thân trong gia đình.  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, trách nhiệm. | | 1/ 35 phút | | |  | |
| Đọc *Bà nội, bà ngoại* | 2/ 35 phút | | |
| Viết chữ hoa *H* | 3/ 35 phút | | |  | |
| Từ chỉ hoạt động. Câu kiểu *Ai thế nào?* | 4/ 35 phút | | |  | |
| **Bài 4: Bà tôi** | Đọc *Bà tôi* | \* Trao đổi với bạn về những điều em thấy trong bức tranh; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Tình cảm, sự quan tâm, chăm sóc của bà đối với cháu qua những việc làm quen thuộc mỗi ngày*; biết liên hệ: *quý trọng, kính yêu ông bà*.  \* Nghe – viết đúng đoạn văn; viết tên người thân theo thứ tự bảng chữ cái; phân biệt *l/n, uôn/uông* (BT b,c)*.*  *\** MRVT: Gia đình (từ ngữ chỉ tình cảm, hoạt động thể hiện tình cảm). Sắp xếp từ thành câu (BT3,4).  \* Xem và kể được đoạn, toàn bộ câu chuyện *Những quả đào* (BT 5).  \* Hiểu nội dung bưu thiếp; Viết được bưu thiếp chúc mừng sinh nhật người thân (BT 6).  \* Chia sẻ với bạn một bài văn đã tìm đọc về gia đình (BT 1).  - Hát bài hát về ông bà, nói 1 – 2 câu về bài hát (BT 2).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Tạo thói quen trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Mở rộng được vốn từ về gia đình (từ ngữ chỉ hoạt động, từ ngữ chỉ tình cảm); sắp xếp được từ thành câu.  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, trách nhiệm. | | 5/ 35 phút | | |  | |
| Nghe - viết *Bà tôi* Bảng chữ cái.Phân biệt *l/n, uôn/uông* | 6/ 35 phút | | |  | |
| Mở rộng vốn từ *Gia đình (tiếp theo)* | 7/ 35 phút | | |  | |
| Xem - kể: *Những quả đào* | 8/ 35 phút | | |  | |
| Viết bưu thiếp | 9/ 35 phút | | |  | |
| Đọc một bài văn về gia đình | 10/ 35 phút | | |  | |
| **9** | **ÔN TẬP GIỮA HK1**  Tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm* cho HS thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm *Em đã lớn hơn, Mỗi người một vẻ, Bố mẹ yêu thương, Ông bà yêu quý*; giúp HS hiểu được tình cảm gia đình, biết thể hiện trách nhiệm với người thân bằng các việc làm cụ thể. | **Ôn tập 1** | Luyện tập đọc lưu loát và đọc hiểu văn bản truyện | \* Luyện đọc các truyện đã học từ đầu học kì I: nhớ lại tên bài đọc dựa vào hình ảnh nhân vật; đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài; trao đổi với bạn về một nhân vật em thích (BT 1,2,3).  \* Luyện tập viết chữ hoa *Â, B, C, Đ, Ê, G, H* và luyện viết tên riêng địa danh (BT 4).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Mở rộng được vốn từ về người, sự vật, tên riêng,...  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm. | | 1/ 35 phút | | |  | |
| Luyện tập viết chữ hoa *Â, B,C, Đ, Ê, G, H* | 2/ 35 phút | | |
| **Ôn tập 2** | Luyện tập đọc lưu loát và đọc hiểu văn bản thông tin | \* Luyện đọc lại các văn bản thông tin đã học từ đầu học kì I: nhớ lại tên bài đọc dựa vào thông tin và hình ảnh gợi ý; đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài; trao đổi với bạn về một thông tin em thấy thú vị (BT 1,2,3).  \* Nghe – viết một đoạn trong bài đồng dao; phân biệt *ng/ngh; ch/tr*, *dấu hỏi/dấu ngã* (BT b,c).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Mở rộng được vốn từ về người, sự vật, tên riêng,...  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm. | | 3/ 35 phút | | |  | |
| Nghe - viết *Gánh gánh gồng gồng. Luyện tập phân biệt ng/ngh; ch/tr, dấu hỏi/ dấu ngã* | 4/ 35 phút | | |
| **Ôn tập 3** | Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu, học thuộc lòng văn bản thơ | \* Luyện đọc các bài thơ đã học từ đầu học kì I: thay thế hình ảnh bằng từ ngữ để hoàn chỉnh đoạn thơ, nhớ lại tên bài đọc dựa vào đoạn thơ; đọc thuộc lòng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài; trao đổi với bạn về một hình ảnh em thích (BT 1,2,3).  \* Xem – kể truyện *Vai diễn của Mít (Bt 4)*  *\** Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Mở rộng được vốn từ về người, sự vật, sự việc,...  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm. | | 5/ 35 phút | | |  | |
| Luyện tập xem - kể *Vai diễn của Mít* | 6/ 35 phút | | |
| **Ôn tập 4** | Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu văn bản miêu tả | \* Luyện đọc các bài văn miêu tả đã học từ đầu học kì I: nhớ lại tên bài đọc dựa vào từ ngữ chỉ đặc điểm của người, vật có trong bài đọc; đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài; trao đổi với bạn về một đặc điểm em thích ở một người, vật trong bài đọc (BT 1,2,3).  \* Luyện tập từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm; câu có từ ngữ chỉ sự vật), hoạt động, đặc điểm; câu *Ai là gì?* và *Ai làm gì?* (Bt 5,6)*.*  *\** Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Mở rộng được vốn từ về người, sự vật, sự việc,...  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm. | | 7/ 35 phút | | |  | |
| Luyện tập từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm Luyện tập câu Ai là gì?, Ai làm gì? | 8/ 35 phút | | |  | |
| **Ôn tập 5** | Luyện tập đọc lưu loát và đọc hiểu | \* Luyện tập đọc hiểu và trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc mới (Bt 1,2,3).  \* Viết được một bưu thiếp gửi người thân (BT 5).  - Trao đổi, chia sẻ với bạn về một truyện đã đọc (BT 6).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Mở rộng được vốn từ về người, sự vật, sự việc,...  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm. | | 9/ 35 phút | | |  | |
| Luyện tập viết bưu thiếp | 10/ 35 phút | | |  | |
| Chia sẻ về một truyện em thích |
| **10** | **5.NHỮNG NGƯỜI BẠN NHỎ**  Bồi dưỡng cho HS tình cảm thương yêu, quý mến bạn bè, lòng tri ân người khác: biết quý trọng tình bạn, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè; biết giữ gìn những đồ vật gần gũi, quen thuộc ở xung quanh mình; biết ơn những người đã vất vả, khó nhọc làm ra những vật dụng cần thiết cho học tập, sinh hoạt, vui chơi,… của các em. | **Bài 1: Cô chủ không biết quý tình bạn** | Đọc *Cô chủ không biết quý tình bạn* | \* Chia sẻ với bạn về một con vật nuôi; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung câu chuyện qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Ai cũng cần phải biết quý trọng, gìn giữ tình bạn*; biết liên hệ bản thân: *cần biết quý trọng bạn bè, giữ gìn tình bạn*; giải được câu đố, tìm thêm được câu đố về vật nuôi/ đồ vật trong nhà; nói được 1 – 2 câu về con vật.  \* Viết đúng kiểu chữ hoa *I* và câu ứng dụng.  Từ chỉ màu sắc của đồ vật; câu hỏi – dấu chấm hỏi (BT 3,4).  - Vẽ một con vật nuôi mà em thích và nói được 1 – 2 câu về bức vẽ của em.  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Tìm được từ ngữ chỉ màu sắc của đồ vật đã cho; nhận diện đúng câu hỏi, sử dụng đúng dấu chấm hỏi cuối câu, dấu chấm cuối câu kể.  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất biết giữ gìn, quý trọng tình bạn. | | 1/ 35 phút | | |  | |
| Đọc *Cô chủ không biết quý tình bạn* | 2/ 35 phút | | |
| Viết chữ hoa *I* | 3/ 35 phút | | |  | |
| Từ chỉ đặc điểm. Dấu chấm hỏi | 4/ 35 phút | | |  | |
| **Bài 2: Đồng hồ báo thức** | Đọc *Đồng hồ báo thức* | \* Giới thiệu một đồ vật trong nhà; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Các bộ phận chính của chiếc đồng hồ báo thức và công dụng của nó*; biết liên hệ bản thân: *giữ gìn, bảo vệ đồ dùng; học hành, làm việc đúng giờ*.  \* Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt *c/k*; *ay/ây, âc/ât* (BT b,c).  \* MRVT: Đồ vật (từ ngữ chỉ đồ dùng gia đình, đồ chơi); đặt, trả lời câu hỏi *Để làm gì?* (BT 3,4).  \* Biết nói và đáp lời xin lỗi, lời từ chối với những tình huống phù hợp (BT 5).  \* Biết tên các đồ vật quen thuộc và ích lợi của các đồ vật; Viết từ 3 - 4 câu giới thiệu đồ vật theo gợi ý (BT 6).  \* Chia sẻ với bạn một truyện đã đọc về đồ vật hoặc con vật (BT1).  - Chia sẻ cách giữ gìn đồ vật trong nhà (BT2).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Mở rộng được vốn từ về đồ vật (từ ngữ chỉ đồ dùng gia đình, đồ chơi); đặt, trả lời được câu hỏi Để làm gì?  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất biết giữ gìn, bảo vệ đồ dùng, đồ vật. | | 5/ 35 phút | | |  | |
| Nghe - viết *Đồng hồ báo thức.* Phân biệt *c/k; ay/ây, âc/ât* | 6/ 35 phút | | |  | |
| Mở rộng vốn từ *Đồ vật* | 7/ 35 phút | | |  | |
| Nói và đáp lời xin lỗi, lời từ chối | 8/ 35 phút | | |  | |
| Giới thiệu đồ vật quen thuộc | 9/ 35 phút | | |  | |
| Đọc một truyện về đồ vật hoặc con vật | 10/ 35 phút | | |  | |
| **11** | **Bài 3: Đồ đạc trong nhà** | Đọc *Đồ đạc trong nhà* | \* Hát bài hát có nhắc đến tên đồ vật; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Mọi đồ đạc trong nhà đều có ích lợi và gần gũi, thân quen với con người*; biết liên hệ bản thân: *cần yêu quý, bảo quản, giữ gìn mọi đồ vật*; biết gọi tên một số đồ dùng quen thuộc và nơi để đồ vật đó.  \* Viết đúng chữ hoa *K* và câu ứng dụng.  \* Từ ngữ chỉ đặc điểm của đồ vật (màu sắc, hình dáng); câu *Ai thế nào?* (BT 3,4).  - Chơi trò chơi ***Tìm đường đi***; nói tên những đồ vật thấy trên đường đi.  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Tìm được từ ngữ chỉ đặc điểm của đồ vật (màu sắc, hình dáng); đặt 1-2 câu về đồ vật theo mẫu.  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất biết yêu quý, bảo quản, giữ gìn mọi đồ vật. | | 1/ 35 phút | | |  | |
| Đọc *Đồ đạc trong nhà* | 2/ 35 phút | | |
| Viết chữ hoa *K* | 3/ 35 phút | | |  | |
| Từ chỉ đặc điểm. Câu kiểu *Ai thế nào?* | 4/ 35 phút | | |  | |
| **Bài 4: Cái bàn học của tôi** | Đọc *Cái bàn học của tôi* | \* Nói với bạn về cái bàn học của em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Hình dáng, công dụng của cái bàn học, tình cảm của bạn nhỏ đối với bàn học và bố mình*; biết liên hệ bản thân: *yêu quý, bảo quản, giữ gìn, sắp xếp bàn học gọn gàng, sạch sẽ, ngăn nắp*.  \* Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt *c/k; r/d, ai/ay* (BT b,c).  \* - MRVT: Đồ vật (đồ dùng học tập, đồ chơi); đặt câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm; đặt 1 - 2 câu về đồ dùng học tập (BT3,4).  \* Xem – kể truyện *Con chó nhà hàng xóm (đoạn, toàn bộ câu chuyện)* (BT5)*.*  *\** Luyện tập giới thiệu đồ vật quen thuộc (BT6).  \* Chia sẻ một bài đọc đã đọc về đồ vật hoặc con vật (BT 1,2).  - Chơi trò chơi ***Đi tìm kho báu***, nói về đồ vật có trong kho báu đã tìm.  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Mở rộng vốn từ về đồ vật (đồ dùng học tập, đồ chơi, đồ đạc trong nhà); đặt đươc 1-2 câu về đồ dùng học tập theo mẫu.  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất biết yêu quý, bảo quản, giữ gìn đồ vật. | | 5/ 35 phút | | |  | |
| Nghe - viết *Chị tẩy và em bút chì. Phân biệt c/k; d/r, ươn/ương* | 6/ 35 phút | | |  | |
| Mở rộng vốn từ *Đồ vật* | 7/ 35 phút | | |  | |
| Xem - kể: *Con chó nhà hàng xóm* | 8/ 35 phút | | |  | |
| Luyện tập giới thiệu đồ vật quen thuộc | 9/ 35 phút | | |  | |  | |
| Đọc một bài đọc về đồ vật hoặc con vật | 10/ 35 phút | | |  | |
| **12** | **6. NGÔI NHÀ THỨ HAI**  Hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ*; biết yêu quý thầy cô, bạn bè, quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè; ham học hỏi, yêu thích đọc sách. | **Bài 1: Bàn tay dịu dàng** | Đọc *Bàn tay dịu dàng* | \* Quan sát tranh, biết được việc làm trong tranh, dự đoán cảm xúc của các nhân vật trong tranh.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu được nội dung bài: *Thái độ trìu mến, thương yêu học sinh và sự chia sẻ của thầy giáo đã động viên An, giúp bạn cố gắng hơn trong học tập;* biết liên hệ với bản thân: *cần biết chia sẻ, động viên, an ủi bạn bè khi bạn gặp chuyện buồn*; viết được 1 – 2 câu an ủi, động viên (chia buồn).  \* Viết đúng kiểu chữ hoa *L* và câu ứng dụng.  \* Từ ngữ chỉ đặc điểm (từ ngữ có nghĩa trái ngược); câu bộc lộ cảm xúc một cách trực tiếp, dấu chấm than (BT3,4).  - Chơi trò chơi *Bàn tay dịu dàng*, nói về những việc người thân chăm sóc em.  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Tìm được từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau theo mẫu, nhận diện được câu cảm, sử dụng đúng dấu chấm than cuối câu cảm, dấm chấm cuối câu kể.  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ. | | 1/ 35 phút | | |  | |
| Đọc *Bàn tay dịu dàng* | 2/ 35 phút | | |
| Viết chữ hoa *L.* | 3/ 35 phút | | |  | |
| Từ chỉ đặc điểm. Dấu chấm than | 4/ 35 phút | | |  | |
| **Bài 2: Danh sách tổ em** | Đọc *Danh sách tổ em* | \* Giới thiệu được các thành viên trong tổ mình.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Danh sách tổ để biết thông tin về các thành viên và câu lạc bộ các bạn tham gia*; biết liên hệ bản thân: *hiểu biết thông tin về bạn bè để có thể chia sẻ, giúp đỡ nhau.*  *\** Nghe – viết đúng đoạn văn; luyện tập viết hoa tên người; phân biệt *ch/tr*, *ăc/ăt* (BT b,c).  \* Nghe – viết đúng đoạn văn; luyện tập viết hoa tên người; phân biệt *ch/tr*, *ăc/ăt* (BT b,c).  \* MRVT: Trường học (từ ngữ chỉ khu vực học tập, làm việc ở trường, người làm việc ở trường); câu giới thiệu (BT 3,4).  \* Nói và đáp lời chia buồn, lời chào trước khi ra về với tình huống cụ thể (BT5).  \* Luyện tập giới thiệu đồ vật quen thuộc (BT 6).  \* Chia sẻ một bài thơ đã đọc về trường học (BT1).  - Thực hành lập danh sách nhóm hoặc tổ (BT2).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Mở rộng vốn từ về trường học (từ ngữ chỉ khu vực học tập, làm việc ở trường, người làm việc ở trường); đặt được 1-2 câu giới thiệu theo mẫu.  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ. | | 5/ 35 phút | | |  | |
| Nghe - viết *Bàn tay dịu dàng* Bảng chữ cái. Phân biệt *ch/tr, ăc/ăt* | 6/ 35 phút | | |  | |
| Mở rộng vốn từ *Trường học* | 7/ 35 phút | | |  | |
| Nói và đáp lời chia buồn, lời chia tay | 8/ 35 phút | | |  | |
| Luyện tập giới thiệu đồ vật quen thuộc (tiếp theo) | 9/ 35 phút | | |  | |
| Đọc một bài thơ về trường học | 10/ 35 phút | | |  | |
| **13** | **Bài 3: Yêu lắm trường ơi!** | Đọc *Yêu lắm trường ơi!* | \* Biết chia sẻ với bạn một trò chơi ở trường. Quan sát tranh, nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Tình cảm yêu quý ngôi trường của bạn nhỏ*; biết liên hệ bản thân: *cần biết yêu quý ngôi trường của mình*; nói viết được 1 – 2 câu thể hiện tình cảm yêu quý, biết ơn thầy cô và các cô bác làm việc ở trường.  \* Viết đúng kiểu chữ hoa *M* và câu ứng dụng.  \* Bước đầu làm quen với từ ngữ chỉ đặc điểm của sự vật và câu hỏi về đặc điểm của sự vật. Tìm và đặt câu hỏi về đặc điểm của sự vật (BT 3,4).  - Hát một bài hát về trường học và nói về bài hát.  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Tìm được từ ngữ chỉ đặc điểm của sự vật và câu hỏi về đặc điểm của sự vật; tìm và đặt được câu hỏi về đặc điểm của sự vật.  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ. | | 1/ 35 phút | | |  | |
| Đọc *Yêu lắm trường ơi!* | 2/ 35 phút | | |
| Viết chữ hoa *M* | 3/ 35 phút | | |  | |
| Từ chỉ đặc điểm. Câu kiểu *Ai thế nào?* | 4/ 35 phút | | |  | |
| **Bài 4: Góc nhỏ yêu thương** | Đọc *Góc nhỏ yêu thương* | \* Giới thiệu được về nơi em thường đọc sách; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Thư viện xanh là thư viện ngoài trời, có nhiều góc đọc sách thú vị, là góc nhỏ yêu thương của các bạn học sinh trong trường;* biết liên hệ bản thân: *yêu quý thư viện*.  \* Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt *g/gh, au/âu, ac/at* (BT b,c).  **\*** MRVT: Trường học (từ ngữ chỉ đặc điểm); câu *Ai thế nào?* (BT 3,4).  \* Nghe – kể chuyện *Loài chim học xây tổ* (BT5).  \* Luyện tập giới thiệu đồ vật quen thuộc (BT6).  **\*** Chia sẻ một về bài văn về trường học đã tìm đọc (BT1).  -Trao đổi với bạn về cách bảo quản sách (BT2).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Mở rộng được vốn từ về trường học (từ ngữ chỉ đặc điểm), câu Ai thế nào?  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ. | | 5/ 35 phút | | |  | |
| Nghe - viết *Ngôi trường mới* Phân biệt *g/gh; au/âu, ac/at* | 6/ 35 phút | | |  | |
| Mở rộng vốn từ *Trường học* | 7/ 35 phút | | |  | |
| Nghe - kể *Loài chim học xây tổ* | 8/ 35 phút | | |  | |
| Luyện tập giới thiệu đồ vật quen thuộc (tiếp theo) | 9/ 35 phút | | |  | |
| Đọc một bài văn về trường học | 10/ 35 phút | | |  | |
| **14** | **7.BẠN THÂN Ở TRƯỜNG**  Hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm: nhận ra được ích lợi, yêu quý, biết giữ gìn những đồ dùng học tập quen thuộc; biết tôn trọng, quan tâm, chia sẻ với bạn bè. | **Bài 1: Chuyện của thước kẻ** | Đọc *Chuyện của thước kẻ* | \* Giới thiệu với bạn về một đồ dùng học tập mà em thích; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: Mỗi đồ vật đều có ích, không nên kiêu căng, chỉ nghĩ đến ích lợi của bản thân, coi thường người khác; biết liên hệ bản thân: không kiêu căng, tự phụ, biết quan tâm người khác. Biết đọc phân vai cùng với bạn.  \* Viết đúng kiểu chữ hoa *N* và câu ứng dụng (BT b,c).  \* Từ ngữ chỉ sự vật (đồ vật quen thuộc ở trường: tên, màu sắc); đặt và trả lời câu hỏi *Ai thế nào?* (BT3,4).  - Vẽ đồ dùng học tập, đặt tên và giới thiệu bức vẽ với người thân.  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Mở rộng được vốn từ về trường học (từ ngữ chỉ đặc điểm), câu Ai thế nào?  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm. | | 1/ 35 phút | | |  | |
| Đọc *Chuyện của thước kẻ* | 2/ 35 phút | | |
| Viết chữ hoa *N* | 3/ 35 phút | | |  | |
| Từ chỉ sự vật. Câu kiểu *Ai thế nào?* | 4/ 35 phút | | |  | |
| **Bài 2: Thời khoá biểu** | Đọc *Thời khoá biểu* | \* Kể tên các môn em học ở lớp Hai; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài.  - Đọc được thời khoá biểu theo 2 cách; hiểu nội dung bài đọc: Thời khoá biểu giúp em biết được các môn học trong ngày, trong tuần học; liên hệ bản thân: biết học và làm việc theo thời khóa biểu.  \* Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt *g/gh; ch/tr, ao/au* (BT b,c).  \* MRVT về đồ dùng học tập (giải ô chữ về đồ dùng học tập). Đặt và trả lời câu hỏi *Để làm gì?* (BT3,4).  \* Nói và đáp lời chào, nói lời khuyên bảo (BT 5).  \* Viết được đoạn văn tả đồ vật quen thuộc khoảng 4-5 câu (BT6).  \* Chia sẻ một truyện đã đọc về bạn bè (BT1).  - Chia sẻ với bạn cách em chuẩn bị sách vở hàng ngày, trang trí thời khoá biểu (BT2).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Mở rộng vốn từ về đồ dùng học tập (giải ô chữ về đồ dùng học tập); đặt và trả lời được câu hỏi Để làm gì?  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm. | | 5/ 35 phút | | |  | |
| Nghe - viết *Chuyện của thước kẻ* Phân biệt *g/gh; ch/tr, ao/au* | 6/ 35 phút | | |  | |
| Mở rộng vốn từ *Trường học (tiếp theo)* | 7/ 35 phút | | |  | |
| Nói và đáp lời chào, lời khuyên bảo | 8/ 35 phút | | |  | |
| Tả đồ vật quen thuộc | 9/ 35 phút | | |  | |
| Đọc một truyện về bạn bè | 10/ 35 phút | | |  | |
| **15** | **Bài 3: Khi trang sách mở ra** | Đọc *Khi trang sách mở ra* | \* Chia sẻ với bạn một vài điều thú vị em đọc được từ sách; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài thơ, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; giọng đọc vui tươi, hồn nhiên, thể hiện cảm xúc thú vị khi đọc bài; hiểu nội dung bài đọc: Sách là người bạn đem lại cho em những hiểu biết mới mẻ, thú vị; biết liên hệ bản thân: yêu quý, bảo quản giữ gìn sách, chăm đọc sách; nêu được nội dung về sách, báo theo mẫu.  \* Viết đúng kiểu chữ hoa *O* và câu ứng dụng.  \* Tìm từ ngữ chỉ đồ vật. Câu *Ai thế nào?* (BT3,4).  - Trao đổi về lợi ích của việc đọc sách.  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Tìm được từ ngữ chỉ đồ vật, đặt và trả lời câu hỏi về công dụng của đồ dùng học tập theo mẫu.  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm. | | 1/ 35 phút | | |  | |
| Đọc *Khi trang sách mở ra* | 2/ 35 phút | | |
| Viết chữ hoa *O* | 3/ 35 phút | | |  | |
| Từ chỉ sự vật. Câu kiểu *Ai thế nào?* | 4/ 35 phút | | |  | |
| **Bài 4: Bạn mới** | Đọc *Bạn mới* | \* Nói với bạn những điều em thấy thú vị ở một bạn trong lớp; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Những điều thú vị khi được làm quen với những người bạn mới*; biết liên hệ bản thân: quý mến, tôn trọng bạn bè.  \* Nghe – viết đúng đoạn thơ; phân biệt *g/gh*; *ay/ây, an/ang* (BT b,c).  **\*** Tìm từ ngữ chỉ hoạt động. Đặt và trả lời câu hỏi *Làm gì?* (BT 3,4).  **\*** Đọc – kể truyện *Chuyện của thước kẻ* (BT5).  **\*** Luyện tập tả đồ vật quen thuộc (BT6).  \* Chia sẻ một bài đã đọc về bạn bè (BT1).  - Giới thiệu với bạn về trang phục em thích (BT2).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Tìm được từ ngữ chỉ hoạt động; đặt và trả lời được câu hỏi Làm gì?  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm. | | 5/ 35 phút | | |  | |
| Nghe - viết *Mỗi người một vẻ* Phân biệt *g/gh; ay/ây, an/ang* | 6/ 35 phút | | |  | |
| Mở rộng vốn từ *Trường học (tiếp theo)* | 7/ 35 phút | | |  | |
| Đọc - kể *Chuyện của thước kẻ* | 8/ 35 phút | | |  | |  | |
| Luyện tập tả đồ vật quen thuộc | 9/ 35 phút | | |  | |
| Đọc một bài đọc về bạn bè | 10/ 35 phút | | |  | |
| **16** | **8.NGHỀ NÀO CŨNG QUÝ**  Hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm: giúp các em hiểu nghề nào cũng đáng quý, đáng trân trọng; bước đầu thể hiện trách nhiệm với bản thân và gia đình bằng cách tham gia làm những việc vừa sức; biết yêu thương bố mẹ, tự hào về nghề nghiệp của bố mẹ, người thân. | **Bài 1: Mẹ của Oanh** | Đọc *Mẹ của Oanh* | \* Chia sẻ với bạn về công việc của một người thân trong gia đình; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: Người làm nghề nào cũng đáng quý; biết liên hệ bản thân: kính trọng, biết ơn người lao động; giải được câu đố, nói được câu về nghề đã giải đố và tìm thêm được câu đố về nghề nghiệp.  \* Viết đúng kiểu chữ hoa *Ô, Ơ* và câu ứng dụng.  \* Từ ngữ chỉ hoạt động; đặt và trả lời câu hỏi *Ở đâu?* (BT 3,4).  - Kể tên một số người trong trường không làm công tác dạy học.  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Tìm được từ ngữ chỉ hoạt động; đặt được 2-3 câu có từ ngữ đã tìm được, đặt được câu hỏi Ở đâu? theo mẫu.  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. | | 1/ 35 phút | | | GD ĐP CĐ 6:  Tích hợp bộ phận, trực tiếp: - Hoạt động Khởi động (Tích hợp phần khởi động của Chủ đề 6)  - Hoạt động cùng sáng tạo (Tích hợp phần khám phá của Chủ đề 6) | |
| Đọc *Mẹ của Oanh* | 2/ 35 phút | | |  | |
| Viết chữ hoa *Ô, Ơ* | 3/ 35 phút | | |  | |
| Từ chỉ hoạt động. Đặt câu hỏi *Ở đâu?* | 4/ 35 phút | | |  | |
| **Bài 2: Mục lục sách** | Đọc *Mục lục sách* | \* Chia sẻ với bạn cách em tìm bài cần đọc trong một cuốn sách; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Mục lục sách giúp em tìm bài cần đọc một cách dễ dàng*; biết liên hệ bản thân: *chú ý cách tìm kiếm nhanh, gọn, hiệu quả*.  \* Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt *eo/oeo; d/r* và *ăc/ăt* (BT b,c).  **\*** MRVT về nghề nghiệp. Câu *Ai làm gì?* (BT3,4).  \* Nói và đáp lời cảm ơn (BT5).  **\*** Luyện tập tả đồ vật quen thuộc, viết được đoạn văn khoảng 4 - 5 câu (BT6).  \* Chia sẻ một bài thơ đã đọc về nghề nghiệp (BT1).  - Nói về cách tìm một bài thơ và một truyện ở mục lục sách (BT2).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Mở rộng được vốn từ về nghề nghiệp, (từ ngữ chỉ nghề nghiệp và từ ngữ chỉ hoạt động tương ứng); đặt được câu Ai làm gì? theo mẫu.  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. | | 5/ 35 phút | | |  | |
| Nghe - viết *Mẹ của Oanh* Phân biệt *eo/oeo; d/r, ăc/ăt* | 6/ 35 phút | | |  | |
| Mở rộng vốn từ *Nghề nghiệp* | 7/ 35 phút | | | GD ĐP CĐ 5:  Liên hệ GDHS nghề nghiệp- HĐ luyện tập thực hành : Tìm từ ngữ chỉ công việc, nghề nghiệp của mỗi người. | |
| Nói và đáp lời cảm ơn | 8/ 35 phút | | |  | |
| Luyện tập tả đồ vật quen thuộc (tiếp theo) | 9/ 35 phút | | |  | |
| Đọc một bài thơ về nghề nghiệp | 10/ 35 phút | | |  | |
| **17** | **Bài 3: Cô giáo lớp em** | Đọc *Cô giáo lớp em* | \* Trao đổi với bạn về một vài công việc ở trường của thầy cô giáo lớp em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: Cô giáo yêu thương và dạy em nhiều điều hay; biết liên hệ bản thân: yêu quý thầy cô, chăm chỉ học hành; viết được bưu thiếp chúc mừng/ cảm ơn thầy cô giáo.  \* Viết đúng kiểu chữ hoa *P* và câu ứng dụng.  \* Từ chỉ người và hoạt động của người. Câu chỉ hoạt động. Đặt và trả lời câu hỏi *Ở đâu?* (BT3,4)*.*  - Hát bài hát về thầy cô giáo và nói về bài hát.  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Tìm được từ ngữ chỉ người và hoạt động của người; đặt được câu chỉ hoạt động; đặt được câu hỏi cho bộ phận câu chỉ nơi chốn.  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. | | 1/ 35 phút | | |  | |
| Đọc *Cô giáo lớp em* | 2/ 35 phút | | |
| Viết chữ hoa *P* | 3/ 35 phút | | |  | |
| Từ chỉ người, hoạt động Đặt câu hỏi *Ở đâu?* | 4/ 35 phút | | |  | |
| **Bài 4: Người nặn tò he** | Đọc *Người nặn tò he* | \* Chia sẻ với bạn cách em tự làm một đồ chơi hoặc giới thiệu một đồ chơi em thích; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Đôi bàn tay khéo léo của bác Huấn tạo nên những món đồ chơi dân gian thật sinh động*; biết liên hệ bản thân: *kính trọng người lao động, yêu quý các sản phẩm họ làm ra*.  **\*** Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt *ng/ngh, s/x và uôc/uôt* (BT b,c).  **\*** MRVT về nghề nghiệp (từ ngữ chỉ người lao động, chỉ hoạt động lao động của người, chỉ vật dụng dùng khi lao động và nơi lao động). Điền từ ngữ tìm được phù hợp vào chỗ trống (BT 3,4).  \* Đọc – kể truyện *Mẹ của Oanh* (BT5).  \* Nói, viết từ 4-5 câu về một đồ chơi (BT6).  \* Chia sẻ một bài văn đã đọc về nghề nghiệp đã tìm đọc (BT1).  - Chơi trò chơi *Đoán nghề nghiệp qua hoạt động* (BT2).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Mở rộng được vốn từ về nghề nghiệp (từ ngữ chỉ lao động, chỉ hoạt động của người, chỉ vật dụng khi lao động và nơi lao động); điền từ ngữ đúng, phù hợp vào chỗ trống.  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. | | 5/ 35 phút | | | GD ĐP CĐ 6: Tích hợp bộ phận, trực tiếp: Hoạt động Vận dụng (Tích hợp phần Khám phá – lấy bài đọc Làng nghề dệt chiếu Định Yên – Chủ đề 6) | |
| Nghe - viết *Vượt qua lốc dữ* Phân biệt *ng/ngh; s/x, uôc/uôt* | 6/ 35 phút | | |  | |
| Mở rộng vốn từ: *Nghề nghiệp* | 7/ 35 phút | | |  | |
| Đọc - kể *Mẹ của Oanh* | 8/ 35 phút | | |  | |
| Luyện tập tả đồ vật quen thuộc (tiếp theo) | 9/ 35 phút | | |  | |
| Đọc một bài văn về nghề nghiệp | 10/ 35 phút | | |  | |
| **18** | **ÔN TẬP CUỐI**  **HK I**  Hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực* ở HS; rèn luyện và phát triển năng lực *tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm *Những người bạn nhỏ, Ngôi nhà thứ hai, Bạn thân ở trường, Nghề nào cũng quý*. | **Ôn tập 1** | Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu | \* Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc *Những người giữ lửa trên biển.*  - Luyện tập viết chữ hoa *I, K, L, M, N, P, Ơ* và luyện viết tên người.  \* Luyện tập từ chỉ sự vật, chỉ hoạt động, câu chỉ hoạt động (BT 3,4).  \* Luyện tập nói và đáp lời cảm ơn, lời khen ngợi (BT5).  - Chia sẻ một bài đọc về người lao động đã tìm đọc (BT6).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Tìm được từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động; đặt được 1-2 câu chỉ sự vật, hoạt động.  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. | | 1/ 35 phút | | |  | |
| Luyện tập viết chữ hoa *I, K, L, M, N, P Ơ* |
| Luyện tập từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động Luyện tập câu *Ai là gì?, Ai làm gì?* | 2/ 35 phút | | |
| Luyện tập nói và đáp lời cảm ơn, lời khen ngợi | 3/ 35 phút | | |
| Luyện tập chia sẻ bài đọc về người lao động |
| **Ôn tập 2** | Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu | \*Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc *Cánh cửa nhớ bà*.  \* Nghe – viết 2 khổ thơ (thể thơ 5 chữ) và luyện tập chính tả: *c/k, g/gh, ng/ngh, im/iêm, an/ ang, ch/tr, ui/uôi.*  - Luyện tập dấu chấm câu (dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than) (BT3)  \* Luyện tập viết 4 – 5 câu tả một đồ vật trong nhà dựa vào gợi ý1 (BT4).  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Viết được 4-5 câu tả một đồ vật trong nhà theo gợi ý. S  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. | | 4/ 35 phút | | |  | |
| Luyện tập nghe - viết *Cánh cửa nhớ bà* | 5/ 35 phút | | |
| Luyện tập phân biệt *c/k, g/gh, ng/ngh*; *ch/tr, ui/ uôi* |
| Luyện tập dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than |
| Luyện tập tả một đồ vật trong nhà | 6/ 35 phút | | |
| **Đánh giá cuối học kì 1** | Đọc thành tiếng *Cá chuồn tập bay* | \* Đọc đúng đoạn, bài *Cá chuồn tập bay*; tốc độ đọc khoảng 40 – 50 tiếng/ 1 phút (A).  - Đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi về nội dung bài *Bữa tiệc ba mươi sáu món* (B).  \* Nghe – viết được đoạn văn với tốc độ khoảng 40 – 45 chữ/ 15 phút; viết hoa đúng các chữ đầu câu; phân biệt được một số trường hợp chính tả *d/gi* thường gặp (C- 1,2,3)  \* Viết được 4 – 5 câu giới thiệu một đồ dùng học tập dựa vào gợi ý (BT4).  \* Nghe và trả lời được các câu hỏi về nội dung câu chuyện ***Dòng suối và viên nước đá***; nói được điều học được từ câu chuyện vừa nghe (D)  \* Năng lực  - Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học: Tích cực tham gia học tập, tham gia hoạt động nhóm và phát biểu ý kiến tốt.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực đặc thù: Viết được 4-5 câu tả một đồ vật trong nhà theo gợi ý. S  \* Phẩm chất  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. | | 7/ 35 phút | | |  | |
| Đọc hiểu *Bữa tiệc ba mươi sáu món* |
| Nghe - viết *Bữa tiệc ba mươi sáu món* Dấu chấm câu | 8/ 35 phút | | |
| Phân biệt *d/gi* |
| Giới thiệu một đồ dùng học tập | 9/ 35 phút | | |
| Nói và nghe *Dòng suối và viên nước đá* | 10/ 35 phút | | |
|  | | | | | | | | | | | | |
| **19** | **9.NƠI CHỐN THÂN QUEN**  Chủ điểm *Nơi chốn thân quen* hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, trách nhiệm*; giúp HS nhận ra trong nhà em, xung quanh nơi em ở, nơi nào cũng gần gũi, thân quen, đáng yêu, đáng trân quý; bước đầu tự hào về vẻ đáng yêu, đáng trân quý của những nơi thân quen, gắn bó; có ý thức giữ gìn vẻ đẹp ở những nơi chốn thân quen ấy. | **Bài 1: Khu vườn tuổi thơ** | Đọc *Khu vườn tuổi thơ* | | \* Chia sẻ với bạn về một khu vườn em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Trò chơi của bố giúp bạn nhỏ gắn bó với khu vườn nhà mình*; biết liên hệ bản thân: *yêu quý, bảo vệ nơi gắn bó*; ghép được các chữ cái đã cho thành tên loài hoa, nêu đặc điểm của loài hoa đó.  \* Viết đúng kiểu chữ hoa *Q* và câu ứng dụng.  \* Tìm được từ ngữ chỉ người và hoạt động tương ứng; nhận diện và bước đầu biết sử dụng câu đề nghị, dấu chấm than (BT3,4).  - Cùng bạn thực hiện trò chơi *Đôi bàn tay và chiếc mũi kì diệu*.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  **+** Năng lực ngôn ngữ:   * Phân biệt được lời của các nhân vật và người kể chuyện, biết ngắt nghỉ đúng câu, đúng logic ngữ nghĩa. * Mở rộng vốn từ chỉ người, tìm được từ ngữ chỉ người và hoạt động tương ứng, phát triển năng lực quan sát. * Nhận diện được và bước đầu biết sử dụng câu đề nghị, dấu chấm than. * Ghép được các chữ cái đã cho và thêm dấu thanh (nếu cần) để tạo thành từ ngữ chỉ tên loài hoa, nêu đặc đểm của loài hoa đó.   **\*** Phẩm chất:yêu quý, nhân ái, trách nhiệm, bảo vệ nơi gắn bó. | | | 1/ 35 phút |  | |  | |
| Đọc *Khu vườn tuổi thơ* | | 2/ 35 phút |
| Viết chữ hoa *Q* | | 3/ 35 phút |  | |
| Từ chỉ người, chỉ hoạt động. Dấu chấm than | | 4/ 35 phút |  | |
| **Bài 2: Con suối bản tôi** | Đọc *Con suối bản tôi* | | \* Giới thiệu với bạn một cảnh vật nơi em ở; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Con suối đã đem lại cho bản vẻ thanh bình, trù phú với bao nhiêu điều hữu ích*; biết liên hệ bản thân: *Yêu quý, bảo vệ vẻ đẹp nơi em gắn bó*.  \* Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt *eo/oe; iêu/ươu, ui/uôi* (BTb,c).  \* MRVT về nơi thân quen (BT3,4)  \* HS biết nói và đáp lời đề nghị, lời đồng ý (BT5).  \* Biết thuật việc được chứng kiến (BT6).  \* Học sinh biết Chia sẻ một truyện đã đọc về nơi thân quen, gắn bó; biết chia sẻ về một dòng sông hoặc ao, hồ mà em biết (BT 1,2).  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *eo/oe; iêu/ươu, ui/uôi*.  + Mở rộng được vốn từ về nơi thân quen (từ ngữ chỉ nơi chốn).  + Biết nói và đáp lời đề nghị, lời đồng ý.  \* Phẩm chất:  **-** Biết liên hệ bản thân: *Yêu quý, bảo vệ vẻ đẹp nơi em gắn bó*. | | | 5/ 35 phút |  | |  | |
| Nghe - viết *Con suối bản tôi* Phân biệt *eo/oe; iêu/ươu, ui/uôi* | | 6/ 35 phút |  | |
| Mở rộng vốn từ: *Nơi thân quen* | | 7/ 35 phút |  | |
| Nói và đáp lời đề nghị, lời đồng ý | | 8/ 35 phút |  | |
| Thuật việc được chứng kiến | | 9/ 35 phút |  | |
| Đọc một truyện về nơi thân quen, gắn bó | | 10/ 35 phút |  | |
| **20** | **Bài 3: Con đường làng** | Đọc *Con đường làng* | | \* Chia sẻ với bạn về con đường quen thuộc với em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: Vào mỗi buổi trong ngày, con đường làng đều có vẻ đẹp riêng. Ai đi xa cũng nhớ về con đường mình luôn gắn bó; biết liên hệ bản thân: Yêu quý và giữ gìn vẻ đẹp của con đường thân quen; hoàn thành được các câu nói về con đường em mơ ước.  \* Viết đúng kiểu chữ hoa *R* và câu ứng dụng.  \* Tìm được từ ngữ chỉ sự vật (cây cối), dấu phẩy (BT 3,4).  - Đóng vai hướng dẫn viên, giới thiệu về con đường nơi em ở.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Viết đúng chữ *R* hoa và câu ứng dụng.  + Nhận diện và sử dụng được từ ngữ chỉ sự vật (cây cối), dấu phẩy.  + Hoàn thành được các câu nói về con đường em mơ ước.  \* Phẩm chất:  - Biết liên hệ bản thân: *Yêu quý và giữ gìn vẻ đẹp của con đường thân quen*. | | | 1/ 35 phút |  | |
| Đọc *Con đường làng* | | 2/ 35 phút |
| Viết chữ hoa *R* | | 3/ 35 phút |  | |
| Từ chỉ sự vật. Dấu phẩy | | 4/ 35 phút |  | |
| **Bài 4: Bên cửa sổ** | Đọc *Bên cửa sổ* | | \* Chia sẻ với bạn những cảnh vật em nhìn thấy qua khung cửa nhà mình; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Bên khung cửa sổ nhà mình, Hà thấy được nhiều âm thanh và cảnh đẹp. Đây cũng là nơi bà thường đọc truyện cho Hà nghe*; biết liên hệ bản thân: *Yêu thương, giữ gìn từng góc nhỏ thân quen của ngôi nhà mình ở.*  \* HS biết Chia sẻ một bài đã đọc về nơi thân quen, gắn bó (BT1).  + Vẽ về nơi em thích trong ngôi nhà của mình. Đặt tên và giới thiệu bức vẽ với người thân (BT2).  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Nghe – viết đúng đoạn văn; viết hoa tên địa lí; phân biệt *ch/tr, ong/ông*.  + Mở rộng được vốn từ về nơi thân quen (từ ngữ chỉ tình cảm với nơi thân quen); dấu chấm, dấu phẩy; đặt và trả lời câu hỏi *Khi nào? Lúc nào? Bao giờ?*  + Kể được truyện *Khu vườn tuổi thơ* đã đọc.  + Viết được 4 – 5 câu thuật việc đã chứng kiến theo gợi ý.  + Thực hiện được trò chơi *Họa sĩ nhí*; đặt được tên và giới thiệu được bức vẽ với người thân.  \* Phẩm chất:  - Biết liên hệ bản thân: *Yêu thương, giữ gìn từng góc nhỏ thân quen của ngôi nhà mình ở*. | | | 5/ 35 phút |  | |
| Nghe - viết *Bên cửa sổ.* Viết hoa tên địa lí. Phân biệt *ch/tr, ong/ông* | | 6/ 35 phút |  | |
| Mở rộng vốn từ: *Nơi thân quen( tiếp theo)* | | 7/ 35 phút |  | |
| Đọc - kể *Khu vườn tuổi thơ* | | 8/ 35 phút |  | |
| Luyện tập thuật việc được chứng kiến | | 9/ 35 phút |  | |
| Đọc một bài đọc về nơi thân quen, gắn bó | | 10/ 35 phút |  | |
| **21** | **10. BỐN MÙA TƯƠI ĐẸP**  Chủ điểm *Bốn mùa tươi đẹp* hướng đến việc hình thành cho HS phẩm chất *yêu thiên nhiên*; giáo dục HS có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây cối, cảnh vật xung quanh mình. | **Bài 1: Chuyện bốn mùa** | Đọc *Chuyện bốn mùa* | | \* Kể tên các mùa trong năm; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: Mỗi mùa trong năm đều có vẻ đẹp riêng, đều có ích cho cuộc sống; biết liên hệ bản thân: Yêu quý thiên nhiên, cảnh vật bốn mùa; kể tên được một số loại hoa, quả thường có trong mỗi mùa.  \* HS Viết đúng kiểu chữ hoa *S* và câu ứng dụng.  \* HS tìm được từ ngữ chỉ đặc điểm của các mùa; đặt được câu về đặc điểm của sự vật; đặt và trả lời được câu hỏi về hình dáng của sự vật. Nói được 1 – 2 câu về một mùa em thích (BT 3,4).  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Kể được tên một số loại hoa, quả thường có trong mỗi mùa.  + Viết đúng chữ *S* hoa và câu ứng dụng.  + Tìm được từ ngữ chỉ đặc điểm của các mùa; đặt được câu về đặc điểm của sự vật; đặt và trả lời được câu hỏi về hình dáng của sự vật.  + Nói được 1 – 2 câu về một mùa mình thích.  \* Phẩm chất:  - Biết liên hệ bản thân: *Yêu quý thiên nhiên, cảnh vật bốn mùa*. | | | 1/ 35 phút |  | |
| Đọc *Chuyện bốn mùa* | | 2/ 35 phút |
| Viết chữ hoa *S* | | 3/35 phút |  | |
| Từ chỉ đặc điểm. Câu kiểu *Ai thế nào?* | | 4/35 phút |  | |
| **Bài 2: Đầm sen** | Đọc *Đầm sen* | | \* Nói về một loài hoa mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Vẻ đẹp của đầm sen và hoạt động hái sen*; biết liên hệ bản thân: *Trân trọng, yêu quý người lao động, yêu và bảo vệ thiên nhiên tươi đẹp.*  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *êu/uê*; *l/n*, *in/inh*.  + Mở rộng được vốn từ về bốn mùa (từ ngữ chỉ đặc điểm thời tiết); đặt được câu hỏi *Vì sao? Do đâu? Nhờ đâu?*.  + Biết nói và đáp lời mời, lời khen ngợi.  Viết được 4 – 5 câu thuật việc đã chứng kiến theo gợi ý.  + Chia sẻ được một bài thơ đã đọc về bốn mùa.  + Trao đổi được về 1 – 2 món ăn làm từ sen.  \* Phẩm chất:  - Biết liên hệ bản thân: *Trân trọng, yêu quý người lao động, yêu và bảo vệ thiên nhiên tươi đẹp*. | | | 5/35 phút |  | |
| Nghe - viết *Đầm sen* Phân biệt *êu/uê; l/n, in/inh* | | 6/35 phút |  | |
| Mở rộng vốn từ: *Bốn mùa* | | 7/35 phút |  | |
| Nói và đáp lời mời, lời khen ngợi | | 8/35 phút |  | |
| Luyện tập thuật việc được chứng kiến *(tiếp theo)* | | 9/35 phút |  | |
| Đọc một bài thơ về bốn mùa | | 10/35 phút |  | |
| **22** | **Bài 3: Dàn nhạc mùa hè** | Đọc *Dàn nhạc mùa hè* | | \* Đố bạn về các mùa; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: Miêu tả vẻ đẹp thú vị của thiên nhiên mùa hè, bày tỏ tình yêu vạn vật quanh mình, thiên nhiên thanh bình; biết liên hệ bản thân: yêu mến mùa hè, yêu mến vạn vật quanh mình; nêu được một số từ ngữ chỉ đặc điểm của bầu trời, cây cối, hoa quả mùa hè.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Nêu được một số từ ngữ chỉ đặc điểm của bầu trời, cây cối, hoa quả mùa hè.  + Viết đúng chữ *T* hoa và câu ứng dụng.  + Tìm được từ ngữ chỉ đặc điểm, câu kể và dấu chấm.  + Nói được những âm thanh mình yêu thích vào mùa hè.  \* Phẩm chất:  - Biết liên hệ bản thân: Yêu mến mùa hè, vạn vật quanh mình. | | | 1/35 phút |  | |
| Đọc *Dàn nhạc mùa hè* | | 2/35 phút |
| Viết chữ hoa *T* | | 3/35 phút |  | |
| Từ chỉ đặc điểm. Dấu chấm | | 4/35 phút |  | |
| **Bài 4: Mùa đông ở vùng cao** | Đọc *Mùa đông ở vùng cao* | | \* Nói với bạn về bức tranh minh hoạ mùa đông ở vùng cao (màu sắc, cây cối, hoa màu,…); nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Miêu tả vẻ đẹp của mùa đông ở vùng núi cao, bày tỏ tình yêu vẻ đẹp thanh bình của thiên nhiên đất nước*; biết liên hệ bản thân: *Yêu quý vẻ đẹp của mỗi mùa.*  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *d/gi*; *iu/iêu*, *oăn/oăng*.  + Mở rộng được vốn từ về bốn mùa (từ ngữ chỉ sự vật và chỉ màu sắc); đặt được câu hỏi *Khi nào?*; ghép được từ ngữ thành câu, sắp xếp câu thành đoạn văn.  + Nghe – kể được từng đoạn của câu chuyện *Sự tích mùa xuân và bộ lông trắng của thỏ* theo tranh và từ ngữ gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.  + Viết được 4 – 5 câu thuật việc đã chứng kiến theo gợi ý.  + Chia sẻ được một bài văn đã đọc về bốn mùa.  + Chia sẻ được điều mình biết về một mùa trong năm.  \* Phẩm chất:  - Biết liên hệ ản thân: *Yêu quý vẻ đẹp của mỗi mùa*. | | | 5/35 phút |  | |
| Nghe - viết *Mưa cuối mùa*  Phân biệt d/gi, iu/iêu, oăn, oăng | | 6/35 phút |  | |
| Mở rộng vốn từ: *Bốn mùa ( tiếp theo)* | | 7/35 phút |  | |
| Nghe -k*ể: Sự tích mùa xuân và bộ lông trắng của thỏ* | | 8/35 phút |  | |
| Luyện tập thuật việc được chứng kiến (tiếp theo) | | 9/35 phút |  | |
| Đọc một bài văn về bốn mùa | | 10/35 phút |  | |
| **23** | **11. THIÊN NHIÊN MUÔN MÀU**  Chủ điểm *Thiên nhiên muôn màu* hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, trách nhiệm;* góp phần bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên: *yêu quý cây cối, con vật, sông suối, núi rừng,…*; có ý thức tự giác tham gia hoạt động bảo vệ thiên nhiên: không phá tổ chim, không bẻ cành, hái hoa; cổ vũ những người bảo vệ thiên nhiên. | **Bài 1: Chuyện của vàng anh** | Đọc  *Chuyện của vàng anh* | | \* Chia sẻ về những âm thanh nghe được trong thiên nhiên; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Kể về sự thay đổi tuyệt vời của vạn vật theo thời gian, bày tỏ sự yêu mến những thay đổi tuyệt vời đó*; biết liên hệ bản thân: *Quý trọng thời gian*; bước đầu biết đọc phân vai.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Bước đầu biết đọc phân vai.  + Viết đúng chữ *U, Ư* hoa và câu ứng dụng.  + Tìm được từ ngữ chỉ con vật; đặt và trả lời câu hỏi *Con gì?*  + Thực hiện được trò chơi *Ca sĩ nhí*; giới thiệu được về một loài chim có trong bài hát.  \* Phẩm chất:  - Biết liên hệ bản thân: *Qúy trọng thời gian*.  - Bồi dưỡng phẩm chất *nhân ái, trách nhiệm* góp phần bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên: *yêu quý cây cối, con vật, sông suối, núi rừng,...*; có ý thức tự giác tham gia hoạt động bảo vệ thiên nhiên: không phá tổ chim, không bẻ cành, hái hoa; cổ vũ những người bảo vệ thiên nhiên. | | | 1/35 phút |  | |
| Đọc  *Chuyện của vàng anh* | | 2/35 phút |
| Viết chữ hoa U, Ư | | 3/35 phút |  | |
| Từ chỉ sự vật. Câu kiểu *Ai làm gì?* | | 4/35 phút |  | |
| **Bài 2: Ong xây tổ** | Đọc *Ong xây tổ* | | 5/35 phút |  | |
| Nghe - viết  *Ong xây tổ* Phân biệt *ua/uơ, r/d/gi, ên/ênh* | | 6/35 phút |  | |
| Mở rộng vốn từ: *Thiên nhiên* | | 7/35 phút |  | |
| Nói và đáp lời đồng ý, lời không đồng ý | | 8/35 phút |  | |
| Thuật lại việc được tham gia | | 9/35 phút |  | |
| Đọc một truyện về thiên nhiên | | 10/35 phút |  | |
| **24** | **Bài 3: Trái chín** | Đọc *Trái chín* | | \* Đố bạn về các loại trái cây; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: Miêu tả vẻ đẹp, đặc điểm riêng của các loại trái cây khi chín; biết liên hệ bản thân: Yêu quý vẻ đẹp của thiên nhiên quanh mình; biết nêu màu sắc của một số loại hoa, quả thường gặp và nói được câu tả màu sắc của loại hoa, quả đó.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Viết đúng chữ *V* hoa và câu ứng dụng.  + Tìm được từ ngữ chỉ màu sắc, điền đúng dấu chấm, dấu chấm than và đặt được câu thể hiện sự ngạc nhiên.  + Thực hiện được trò chơi *Nhìn hình đoán trái*.  \* Phẩm chất:  - Biết liên hệ bản thân: *Yêu quý vẻ đẹp của thiên nhiên quanh mình*; biết nêu màu sắc của một số loại hoa, quả thường gặp và nói được câu tả màu sắc của loại hoa, quả đỏ.  - Bồi dưỡng phẩm chất *nhân ái, trách nhiệm* góp phần bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên: *yêu quý cây cối, con vật, sông suối, núi rừng,...*; có ý thức tự giác tham gia hoạt động bảo vệ thiên nhiên: không phá tổ chim, không bẻ cành, hái hoa; cổ vũ những người bảo vệ thiên nhiên. | | | 1/35 phút |  | |
| Đọc *Trái chín* | | 2/35 phút |
| Viết chữ hoa V | | 3/35 phút |  | |
| Từ chỉ đặc điểm. Câu kiểu Ai thế nào?; dấu chấm, dấu chấm than | | 4/35 phút |  | |
| **Bài 4: Hoa mai vàng** | Đọc *Hoa mai vàng* | | \* Đố bạn về một loài hoa em thích; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Miêu tả vẻ đẹp của hoa mai vàng – loài hoa tiêu biểu cho Tết ở miền Nam*; biết liên hệ bản thân: *Yêu quý thiên nhiên tươi đẹp*.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *ao/oa; ch/tr, ich/it*.  + Mở rộng được vốn từ về thiên nhiên (từ ngữ chỉ màu sắc); đặt được câu có từ ngữ chỉ màu sắc của cây cối hoặc con vật.  + Nghe – kể được từng đoạn văn của câu chuyện *Sự tích cá thờn bơn* theo tranh và từ ngữ gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.  + Viết được 4 – 5 câu thuật việc được tham gia theo gợi ý.  + Chia sẻ được một bài đã đọc về thiên nhiên.  + Kể được tên các con vật theo gợi ý.  \* Phẩm chất:  - Biết liên hệ bản thân: *Yêu quý thiên nhiên tươi đẹp*.  - Bồi dưỡng phẩm chất *nhân ái, trách nhiệm* góp phần bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên: *yêu quý cây cối, con vật, sông suối, núi rừng,...*; có ý thức tự giác tham gia hoạt động bảo vệ thiên nhiên: không phá tổ chim, không bẻ cành, hái hoa; cổ vũ những người bảo vệ thiên nhiên. | | | 5/35 phút |  | |
| Nghe - viết *Hoa mai vàng*  Phân biệt ao/oa; ch/tr; ich/ít | | 6/35 phút |  | |
| Mở rộng vốn từ: *Thiên nhiên ( tiếp theo)* | | 7/35 phút |  | |
| Nghe -k*ể: Sự tích cá thờn bơn* | | 8/35 phút |  | |
| Luyện tập thuật việc được tham gia | | 9/35 phút |  | |
| Đọc một bài đọc về thiên nhiên | | 10/35 phút |  | |
| **25** | **12. SẮC MÀU THIÊN NHIÊN**  Chủ điểm *Sắc màu quê hương* hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất *yêu nước, trách nhiệm*; giúp HS nhận thức được sự giàu đẹp của quê hương, bước đầu thể hiện tình yêu quê hương, nơi mình sống bằng các việc làm cụ thể (kính trọng, biết ơn người lao động; tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi…). | **Bài 1: Quê mình đẹp nhất** | Đọc *Quê mình đẹp nhất* | | \* Nói với bạn về cảnh đẹp nơi em sống; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: Tình yêu quê hương của hai bạn nhỏ; biết liên hệ bản thân: Yêu quý quê hương; biết đóng vai nhân vật để nói và đáp lời cảm ơn phù hợp.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Biết đóng vai nhân vật để nói và đáp lời cảm ơn phù hợp.  + Viết đúng chữ *X* hoa và câu ứng dụng.  + Tìm được từ ngữ chỉ hoạt động; đặt được câu bày tỏ sự ngạc nhiên, vui mừng.  + Chọn được một bức tranh về cảnh đẹp thiên nhiên và nói được về bức tranh đó.  \* Phẩm chất:  - Biết liên hệ bản thân: *Yêu quý quê hương*.  - Bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, trách nhiệm*; giúp HS nhận thức được sự giàu đẹp của quê hương, bước đầu thể hiện tình yêu quê hương, nơi mình sống bằng các việc làm cụ thể (kính trọng, biết ơn người lao động; tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi…). | | | 1/35 phút | GD ĐP CĐ 4: Tích hợp bộ phận vào hoạt động khởi động: Nói với bạn về cảnh đẹp nơi em sống.  -Tích hợp vào hoạt động vận dụng (liên hệ giáo dục học sinh). | |
| Đọc *Quê mình đẹp nhất* | | 2/35 phút |
| Viết chữ hoa X | | 3/35 phút |  | |
| Từ chỉ hoạt động. Dấu chấm than | | 4/35 phút |  | |
| **Bài 2: Rừng ngập mặn Cà Mau** | Đọc *Rừng ngập mặn Cà Mau* | | \* Nói một vài điều em biết về rừng, nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Cung cấp thông tin về hệ sinh thái phong phú của rừng ngập mặn Cà Mau – nơi cực Nam của Tổ quốc*; biết liên hệ bản thân: *Yêu quê hương, ham thích tìm hiểu về thế giới tự nhiên.*  *\** Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Nghe – viết đúng đoạn văn; viết đúng các tên riêng địa lí; phân biệt được *r/d/gi*, *im/iêm*.  + Mở rộng được vốn từ về quê hương (từ ngữ chỉ sự vật, chỉ tình cảm đối với quê hương); đặt và trả lười được câu hỏi *Ở đâu?, Để làm gì?*.  + Biết nói và đáp lời cảm ơn.  + Viết được 4 – 5 câu thuật việc đã tham gia theo gợi ý.  + Chia sẻ được một bài thơ đã đọc về quê hương.  + Thực hiện được trò chơi *Nhà nông nhí*; nói về một loài cây mà mình biết.  \* Phẩm chất:  - Biết liên hệ bản thân: *Yêu quê hương, ham thích tìm hiểu về thế giới tự nhiên*.  - Bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, trách nhiệm*; giúp HS nhận thức được sự giàu đẹp của quê hương, bước đầu thể hiện tình yêu quê hương, nơi mình sống bằng các việc làm cụ thể (kính trọng, biết ơn người lao động; tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi…). | | | 5/35 phút |  | |
| Nghe - viết *Rừng ngập mặn Cà Mau* Viết hoa tên địa lí;phân biệt *r/d/gi;i/iêm* | | 6/35 phút |  | |
| Mở rộng vốn từ: *Quê hương* | | 7/35 phút |  | |
| Nói và đáp lời cảm ơn | | 8/35 phút |  | |
| Luyện tập thuật việc được tham gia (Tiếp theo) | | 9/35 phút |  | |
| Đọc một bài thơ về quê hương | | 10/35 phút |  | |
| **26** | **Bài 3: Mùa lúa chín** | Đọc *Mùa lúa chín* | | \* Tìm từ ngữ tả mùi hương của một loại cây, hoa, quả.  - Đọc trôi chảy bài thơ, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Miêu tả vẻ đẹp của đồng lúa chín và bày tỏ lòng biết ơn những người nông dân đã làm ra hạt lúa*; biết liên hệ bản thân: *Kính trọng, biết ơn người nông dân*; biết chia sẻ tranh (hoặc ảnh) về cảnh vật ở quê hoặc nơi mình sống, nói câu bày tỏ cảm xúc về cảnh vật đó.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Viết đúng chữ *Y* hoa và câu ứng dụng.  + Tìm được từ ngữ chỉ sự vật và màu sắc tương ứng của sự vật; đặt được câu tả cảnh đẹp.  + Thực hiện được trò chơi *Ca sĩ nhí*; nói được câu thể hiện cảm xúc của mình khi hát.  \* Phẩm chất:  - Biết liên hệ bản thân: *Kính trọng, biết ơn người nông dân*; biết chia sẻ tranh (hoặc ảnh) về cảnh vật ở quê hoặc nơi mình sống, nói câu bày tỏ cảm xúc về cảnh vật đó.  - Bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, trách nhiệm*; giúp HS nhận thức được sự giàu đẹp của quê hương, bước đầu thể hiện tình yêu quê hương, nơi mình sống bằng các việc làm cụ thể (kính trọng, biết ơn người lao động; tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi…). | | | 1/35 phút |  | |
| Đọc *Mùa lúa chín* | | 2/35 phút |
| Viết chữ hoa Y | | 3/35 phút |  | |
| Từ chỉ sự vật, đặc điểm. Câu kiểu Ai thế nào? | | 4/35 phút |  | |
| **Bài 4: Sông Hương** | Đọc *Sông Hương* | | \* Đố bạn về tên dòng sông; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Miêu tả vẻ đẹp thơ mộng, luôn luôn biến đổi theo thời gian của sông Hương, bày tỏ tình yêu sông Hương*; biết liên hệ bản thân: *Yêu quý và gìn giữ vẻ đẹp của quê hương, đất nước*.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *eo/oe*; *iu/iêu*, *an/ang*.  + Mở rộng được vốn từ về quê hương (nhận biết và biết cách viết tên riêng của dòng sông, ngọn núi, bãi biển); đặt được câu giới thiệu một cảnh sông nước hoặc núi non.  + Nghe – kể được từng đoạn câu chuyện *Sự tích Hồ Gươm* theo tranh và từ ngữ gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.  + Viết được 4 – 5 câu thuật việc đã tham gia theo gợi ý.  + Chia sẻ được một bài văn đã đọc về quê hương.  + Nói được về vẻ đẹp sông Hương với người thân.  \* Phẩm chất:  - Biết liên hệ bản thân: *Yêu quý và giữ gìn vẻ đẹp của quê hương, đất nước*.  - Bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, trách nhiệm*; giúp HS nhận thức được sự giàu đẹp của quê hương, bước đầu thể hiện tình yêu quê hương, nơi mình sống bằng các việc làm cụ thể (kính trọng, biết ơn người lao động; tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi…). | | | 5/35 phút |  | |
| Nghe - viết *Sông Hương*  Phân biệt eo/oe; iu/iêu; an/ang | | 6/35 phút |  | |
| Mở rộng vốn từ: *Quê hương ( tiếp theo)* | | 7/35 phút |  | |
| Nghe -k*ể: Sự tích Hồ Gươm* | |  | | | 8/35 phút |  | |
| Luyện tập thuật việc được tham gia (Tiếp theo) | | 9/35 phút |  | |
| Đọc một bài văn về quê hương | | 10/35 phút |  | |
| **27** | **ÔN TẬP GIỮA HK2** | **Ôn tập 1** | Luyện tập đọc lưu loát và đọc hiểu văn bản truyện | | \* HS Ôn luyện lại các truyện đã học từ đầu học kì II: nhớ lại tên bài đọc dựa vào hình ảnh nhân vật; đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài; trao đổi với bạn về một nhân vật trong truyện.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Viết đúng các chữ *Q, R, S, T, Ư, V, X, Y* hoa và viết đúng tên riêng địa lí.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng cho HS phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm: *Nơi chốn thân quen, Bốn mùa tươi đẹp, Thiên nhiên muôn màu, Sắc màu quê hương*. | | | 1/35 phút |  | |
| Luyện tập viết chữ hoa: *Q, R, S, T, Ư, V, X, Y* | | 2/35 phút |
| **Ôn tập 2** | Luyện tập đọc lưu loát và đọc hiểu văn bản thông tin | | \* Ôn luyện lại các văn bản thông tin đã học từ đầu học kì II: nhớ lại tên bài đọc dựa vào thông tin và hình ảnh gợi ý; đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài; trao đổi với bạn về một thông tin em biết thêm từ bài đọc.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Nghe – viết được một đoạn văn ngắn; đặt được câu phân biệt cặp từ *dây – giây;* phân biệt được *s/x*, *iên/iêng*.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng cho HS phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm: *Nơi chốn thân quen, Bốn mùa tươi đẹp, Thiên nhiên muôn màu, Sắc màu quê hương*. | | | 3/35 phút |  | |
| Luyện tập nghe - viế't *Chiều mùa hạ* Luyện tập phân biệt *d/gi; s/x, iên/iêng* | | 4/35 phút |
| **Ôn tập 3** | Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu, đọc thuộc lòng văn bản thơ | | \* Ôn luyện lại các bài thơ đã học từ đầu học kì I: đọc thuộc lòng đoạn thơ dựa vào tranh gợi ý; nêu tên bài thơ dựa vào hình ảnh và đoạn thơ đã đọc; trả lời câu hỏi về nội dung đoạn thơ; trao đổi với bạn về những câu thơ em thích.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Nghe – kể được từng đoạn của câu chuyện *Món quà quê* theo tranh và từ ngữ gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng cho HS phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm: *Nơi chốn thân quen, Bốn mùa tươi đẹp, Thiên nhiên muôn màu, Sắc màu quê hương*. | | | 5/35 phút |  | |
| Luyện tập nghe - kể *Món quà quê* | | 6/35 phút |
| **Ôn tập 4** | Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu văn bản miêu tả | | \* Ôn luyện lại các bài văn miêu tả đã học từ đầu học kì II: nhớ lại tên bài đọc dựa vào từ ngữ chỉ đặc điểm của sự vật có trong bài đọc; đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài; trao đổi với bạn về một hình ảnh em thích trong bài đọc.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Tìm được 2 – 3 từ ngữ chứa tiếng đã cho. Tìm đúng từ ngữ trả lời câu hỏi *Khi nào? Để làm gì?* phù hợp với nội dung câu đã cho; điền đúng dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm than.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng cho HS phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm: *Nơi chốn thân quen, Bốn mùa tươi đẹp, Thiên nhiên muôn màu, Sắc màu quê hương*. | | | 7/35 phút |  | |
| Luyện tập từ chỉ đặc điểm, dấu câu (dấu chấm than, dấu phẩy) | | 8/35 phút |
| **Ôn tập 5** | Luyện tập đọc lưu loát và đọc hiểu *Một ngày ở vườn quốc gia* | | \* HS Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc, chia sẻ một bài thơ đã đọc về thiên nhiên.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Viết được 4 – 5 câu về một chuyến tham quan theo gợi ý.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng cho HS phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm: *Nơi chốn thân quen, Bốn mùa tươi đẹp, Thiên nhiên muôn màu, Sắc màu quê hương*. | | | 9/35 phút |  | |
| Luyện tập thuật lại một việc được tham gia | | 10/35 phút |
| Luyện tập chia sẻ một bài thơ về thiên nhiên | |
| **28** | **13. BÁC HỒ KÍNH YÊU**  Chủ điểm Bác Hồ kính yêu hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; góp phần giúp HS có ý thức học tập, rèn luyện theo lời Bác Hồ dạy**.** | **Bài 1: Ai ngoan sẽ được thưởng** | Đọc *Ai ngoan sẽ được thưởng* | | \* Biết hát, đọc thơ về Bác Hồ; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Bác Hồ luôn yêu thương, quan tâm đến các cháu thiếu nhi, mong muốn các cháu thật thà, dũng cảm*; biết liên hệ bản thân: *Biết nhận lỗi nếu mắc lỗi; kính trọng, yêu quý Bác Hồ*; đọc được *5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng* và rút ra được nội dung liên hệ với nhân vật.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Viết đúng chữ *A* hoa (kiểu 2) và câu ứng dụng.  + Tìm được từ ngữ chỉ đặc điểm về Bác Hồ và từ ngữ chỉ tình cảm của thiếu nhi với Bác; đặt được câu về Bác Hồ.  + Trao đổi được về 1 – 2 việc làm của học sinh thực hiện *5 điều Bác Hồ dạy*.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; góp phần giúp HS có ý thức học tập, rèn luyện theo lời Bác Hồ dạy. | | | 1/35 phút |  | |
| Đọc *Ai ngoan sẽ được thưởng* | | 2/35 phút |
| Viết chữ hoa *A* (kiểu 2) | | 3/35 phút |  | |
| Từ chỉ đặc điểm. Câu kiểu *Ai thế nào?* | | 4/35 phút |  | |
| **Bài 2: Thư Trung thu** | Đọc *Thư Trung thu* | | \* Chia sẻ với bạn về một món quà Trung thu mà em thích; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Tình yêu thương, sự quan tâm của Bác Hồ dành cho các cháu thiếu nhi thể hiện qua Thư Trung thu*; biết liên hệ bản thân: *Kính yêu, biết ơn Bác Hồ, chăm chỉ học tập rèn luyện theo 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng*.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Nghe – viết đúng đoạn thơ; phân biệt được *uy/uyu*; *l/n*, *ươn/ương*.  + Mở rộng được vốn từ về Bác Hồ kính yêu (từ ngữ chỉ phẩm chất đạo đức, hoạt động); đặt được câu kể về việc thực hiện *5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng*; tìm được từ ngữ trả lời câu hỏi *Để làm gì?*.  + Biết nói lời từ chối; nói và đáp lời bày tỏ sự ngạc nhiên, vui mừng.  + Nhận diện được kiểu bài nói, viết về tình cảm với người em yêu quý.  + Chia sẻ được một truyện đã đọc về Bác Hồ.  + Đọc được *Thư Trung thu của Bác Hồ* cho người thân nghe; nói được suy nghĩ của mình sau khi đọc *Thư Trung thu* của Bác Hồ.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; góp phần giúp HS có ý thức học tập, rèn luyện theo lời Bác Hồ dạy. | | | 5/35 phút |  | |
| Nghe - viết *Thư Trung thu* Phân biệt *uy/uyu; l/n, ươn/ương* | | 6/35 phút |  | |
| Mở rộng vốn từ *Bác Hồ kính yêu* | | 7/35 phút |  | |
| Nói và đáp lời từ chối, lời bày tỏ sự ngạc nhiên, vui mừng | | 8/35 phút |  | |
| Nói, viết về tình cảm với người em yêu quý | | 9/35 phút |  | |
| Đọc một truyện về Bác Hồ | | 10/35 phút |  | |
| **29** | **Bài 3: Cháu thăm nhà Bác** | Đọc *Cháu thăm nhà Bác* | | \* Chia sẻ với bạn về tranh minh hoạ bài đọc; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy và ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, dấu câu; giọng đọc thong thả, tình cảm; hiểu nội dung bài thơ: Miêu tả vẻ đẹp của nhà sàn và thể hiện tình cảm của tác giả khi đến thăm nhà Bác Hồ; biết liên hệ bản thân: Kính yêu Bác Hồ; đọc, hát và nêu được suy nghĩ của bản thân về bài hát Tiếng chim trong vườn Bác (Hàn Ngọc Bích).  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Viết đúng chữ *Ă* hoa (kiểu 2) và câu ứng dụng.  + Tìm được từ ngữ chỉ tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi và tình cảm của thiếu nhi với Bác Hồ. Đặt được câu về những việc làm của Bác Hồ với thiếu nhi và câu bày tỏ tình cảm của thiếu nhi với Bác Hồ.  + Thực hiện được trò chơi *Hướng dẫn viên nhí*.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; góp phần giúp HS có ý thức học tập, rèn luyện theo lời Bác Hồ dạy. | | | 1/35 phút | Tích hợp GD ĐP CĐ2:  Liên hệ gián tiếp qua hoạt động Khám phá: GD ứng xử phù hợp khi tham quan di tích | |
| Đọc *Cháu thăm nhà Bác* | | 2/35 phút |
| Viết chữ hoa *Ă* (kiểu 2) | | 3/35 phút |  | |
| Từ chỉ tình cảm. Câu kiểu *Ai làm gì?, Ai thế nào?* | | 4/35 phút |  | |
| **Bài 4: Cây và**  **hoa bên lăng**  **Bác** | Đọc *Cây và hoa bên lăng Bác* | | \* Chia sẻ với bạn một vài điều em biết về Bác Hồ; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Cây và hoa cũng mang tình cảm thiêng liêng như của con người dành cho Bác*; biết liên hệ bản thân: *Kính yêu Bác Hồ; gìn giữ, bảo vệ khu di tích văn hoá, lịch sử.*  *\** Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Nghe – viết đúng đoạn văn; chọn được từ ngữ viết đúng; phân biệt được *ui/uy, s/x, ưc/ưt*.  + Mở rộng được vốn từ về Bác Hồ kính yêu (từ ngữ chỉ phẩm chất, đức tính; chỉ quê hương, đất nước); đặt câu về hoạt động của thiếu nhi trong ngày *Tết trồng cây*.  + Kể được truyện *Ai ngoan sẽ được thưởng* đã đọc.  + Nhận diện được kiểu bài nói, viết về tình cảm với bạn bè.  + Chia sẻ được một bài đã đọc về Bác Hồ.  + Vận dụng được hiểu biết về tên và hình ảnh một số loài cây, hoa để giải ô chữ.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; góp phần giúp HS có ý thức học tập, rèn luyện theo lời Bác Hồ dạy. | | | 5/35 phút | Tích hợp GD ĐP CĐ2:  Liên hệ gián tiếp qua hoạt động Khám phá: GD ứng xử phù hợp khi tham quan di tích | |
| Nghe - viết *Cây và hoa bên lăng Bác* Phân biệt *ui/uy;s/x, ưc/ưt* | | 6/35 phút |  | |
| Mở rộng vốn từ *Bác Hồ kính yêu (tiếp theo)* | | 7/35 phút |  | |
| Đọc - kể *Ai ngoan sẽ được thưởng* | | 8/35 phút |  | |
| Nói, viết về tình cảm với bạn bè | | 9/35 phút |  | |
| Đọc một bài đọc về Bác Hồ | | 10/35 phút |  | |
| **30** | **14. VIỆT NAM MẾN YÊU**  Chủ điểm Việt Nam mến yêu hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất yêu nước, nhân ái, trách nhiệm; góp phần hình thành và bồi dưỡng cho HS lòng tự hào về vẻ đẹp của Tổ quốc, về truyền thống, văn hoá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; bước đầu có ý thức giữ gìn cảnh đẹp, vẻ đẹp văn hoá, truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. | **Bài 1: Chuyện quả bầu** | Đọc *Chuyện quả bầu* | | \* Kể tên một vài dân tộc ít người mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về tên chủ điểm, về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: Các dân tộc trên đất nước Việt Nam là anh em một nhà, cùng chung một tổ tiên; biết liên hệ với bản thân: Yêu quý bạn bè, dân tộc anh em; biết tưởng tượng, hoàn thành các câu gợi ý để kể tiếp được câu chuyện một cách đơn giản.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  **+** Viết đúng chữ *Â* hoa (kiểu 2) và câu ứng dụng.  + Tìm được từ ngữ chỉ sự vật (con vật), từ ngữ chỉ đặc điểm; điền đúng dấu chấm, dấu phẩy.  + Thực hiện được trò chơi *Nhà văn nhí*; nói được với bạn về tên em đã đặt.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, trách nhiệm*; góp phần hình thành và bồi dưỡng cho HS lòng tự hào về vẻ đẹp của Tổ quốc, về truyền thống, văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; bước đầu có ý thức giữ gìn cảnh đẹp, vẻ đẹp văn hóa, truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. | | | 1/35 phút |  | |
| Đọc *Chuyện quả bầu* | | 2/35 phút |
| Viết chữ hoa *Â* (kiểu 2) | | 3/35 phút |  | |
| Từ chỉ sự vật, chỉ đặc điểm. Dấu chấm, dấu phẩy | | 4/35 phút |  | |
| **Bài 2: Sóng và cát ở Trường Sa** | Đọc *Sóng và cát ở Trường Sa* | | \* Nói với bạn về màu sắc của những sự vật trong thiên nhiên; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Miêu tả vẻ đẹp đặc biệt của sóng và cát ở các đảo Trường Sa; thể hiện tình cảm trân trọng của tác giả đối với những người làm nhiệm vụ canh giữ biển đảo*; biết liên hệ bản thân: *Yêu quý thiên nhiên, trân trọng những người làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.*  *\** Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *d/gi; iêu/ươu, oan/oang*.  + Mở rộng được vốn từ về đất nước (từ ngữ chỉ sự vật và chỉ đặc điểm); đặt được câu tả cảnh đẹp của Việt Nam.  + Biết nói và đáp lời an ủi, nói lời mời.  + Nhận diện được kiểu bài nói, viết về tình cảm với người thân.  + Chia sẻ được một bài thơ đã đọc về đất nước Việt Nam.  +Thực hiện được trò chơi *Họa sĩ nhí*; giới thiệu được về bức vẽ của mình.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, trách nhiệm*; góp phần hình thành và bồi dưỡng cho HS lòng tự hào về vẻ đẹp của Tổ quốc, về truyền thống, văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; bước đầu có ý thức giữ gìn cảnh đẹp, vẻ đẹp văn hóa, truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. | | | 5/35 phút |  | |
| Nghe - viết *Chim rừng Tây Nguyên* Phân biệt *d/gi; iêu/ươu, oan/oang* | | 6/35 phút |  | |
| Mở rộng vốn từ *Đất nước* | | 7/35 phút |  | |
| Nói và đáp lời an ủi, lời mời | | 8/35 phút |  | |
| Nói, viết về tình cảm với người thân | | 9/35 phút |  | |
| Đọc một bài thơ về đất nước Việt Nam | | 10/35 phút |  | |
| **31** | **Bài 3: Cây dừa** | Đọc *Cây dừa* | | \*Trao đổi với bạn về một loài cây được trồng nhiều ở địa phương em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài thơ, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, dòng thơ; đúng logic ngữ nghĩa; hiểu được nội dung: Bài thơ miêu tả và ca ngợi vẻ đẹp của cây dừa – một loài cây gắn bó với con người, đất nước Việt Nam; nhận diện được mối liên hệ giữa lời thơ và hình ảnh cây dừa; biết liên hệ với bản thân: Yêu quý những cảnh đẹp của Tổ quốc Việt Nam; viết 2 – 4 dòng thơ ngắn về một loài cây hoặc một loài hoa mình thích.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Viết đúng chữ *Q* hoa (kiểu 2) và câu ứng dụng.  + Tìm được các từ ngữ chỉ sự vật và hoạt động có trong bức tranh; đặt và trả lời được câu hỏi *Ở đâu?*; điền đúng dấu chấm, dấu phẩy.  + Kể được tên một số món ăn, đồ dùng, đồ chơi làm từ cây dừa.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, trách nhiệm*; góp phần hình thành và bồi dưỡng cho HS lòng tự hào về vẻ đẹp của Tổ quốc, về truyền thống, văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; bước đầu có ý thức giữ gìn cảnh đẹp, vẻ đẹp văn hóa, truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. | | | 1/35 phút |  | |
| Đọc *Cây dừa* | | 2/35 phút |
| Viết chữ hoa *Q* (kiểu 2) | | 3/35 phút |  | |
| Từ chỉ sự vật, chỉ hoạt động. Câu kiểu *Ai làm gì?*; dấu chấm, dấu phẩy | | 4/35 phút |  | |
| **Bài 4: Tôi yêu Sài Gòn** | Đọc *Tôi yêu Sài Gòn* | | \* Ghép các chữ cái và thêm dấu thanh (nếu cần) để được tên tỉnh và thành phố; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Tình yêu, lòng quý trọng và biết ơn với cảnh vật, con người Sài Gòn của tác giả;* biết liên hệ với bản thân: *Yêu thương, quý trọng Tổ quốc Việt Nam*.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *eo/oe, s/x, ac/at*.  + Mở rộng được vốn từ về đất nước (từ ngữ chỉ tình cảm với đất nước); đặt được câu giới thiệu, bày tỏ tình cảm với một cảnh đẹp của đất nước.  + Kể được truyện *Chuyện quả bầu* đã đọc.  + Viết được 4 – 5 câu về tình cảm với người thân theo gợi ý.  + Chia sẻ được một bài văn đã đọc về đất nước Việt Nam.  + Nói được những điều em thích sau khi đọc bài *Tôi yêu Sài Gòn*.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, trách nhiệm*; góp phần hình thành và bồi dưỡng cho HS lòng tự hào về vẻ đẹp của Tổ quốc, về truyền thống, văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; bước đầu có ý thức giữ gìn cảnh đẹp, vẻ đẹp văn hóa, truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. | | | 5/35 phút |  | |
| Nghe - viết *Tôi yêu Sài Gòn* Phân biệt *eo/oe; s/x, ac/at* | | 6/35 phút |  | |
| Mở rộng vốn từ *Đất nước( tiếp theo)* | | 7/35 phút |  | |
| Đọc - kể *Chuyện quả bầu* | | 8/35 phút |  | |
| Luyện tập nói, viết về tình cảm với người thân | | 9/35 phút |  | |
| Đọc một bài văn về đất nước Việt Nam | | 10/35 phút |  | |
| **32** | **15. BÀI CA TRÁI ĐẤT**  Chủ điểm *Bài ca Trái Đất* hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; nhận thức về vẻ đẹp của Trái Đất, góp phần hình thành tinh thần trách nhiệm của một người công dân đối với Trái Đất (bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài động vật hoang dã). | **Bài 1: Cây nhút nhát** | Đọc *Cây nhút nhát* | | \* Đố bạn về các loài cây; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: Vì nhút nhát, cây xấu hổ đã bỏ lỡ cơ hội được ngắm một con chim đẹp; biết liên hệ với bản thân: Cần mạnh dạn, tự tin; biết tưởng tượng và kể tiếp câu chuyện bằng cách hoàn thành các câu gợi ý.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  **+** Viết đúng chữ *N* hoa (kiểu 2) và câu ứng dụng.  + Tìm được từ chỉ đặc điểm về thiên nhiên; đặt được câu tả cảnh đẹp thiên nhiên có bộ phận trả lười câu hỏi *Ở đâu?* hoặc *Khi nào?*.  + Thực hiện được trò chơi *Thẻ màu kì diệu*; nói được 1 – 2 câu tả cảnh đẹp thiên nhiên.  \* Phẩm chất:  - Mạnh dạn, tự tin.  - Bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; nhận thức về vẻ đẹp của Trái Đất, góp phần hình thành tinh thần trách nhiệm của một ngươi công dân đối với Trái Đất (bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài động vật hoang dã). | | | 1/35 phút |  | |
| Đọc *Cây nhút nhát* | | 2/35 phút |
| Viết chữ hoa *N* (kiểu 2) | | 3/35 phút |  | |
| Từ chỉ đặc điểm. Câu kiểu *Ai thế nào?* | | 4/35 phút |  | |
| **Bài 2: Bạn có biết?** | Đọc *Bạn có biết?* | | \* Chia sẻ với bạn một điều thú vị về một loài vật; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Thế giới thiên nhiên vô cùng diệu kì;* từ đó thể hiện tình yêu thiên nhiên và kích thích sự ham hiểu biết, tìm hiểu về thiên nhiên; biết liên hệ bản thân: *Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên tươi đẹp*.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *eo/oe, ch/tr, an/ang*.  + Mở rộng được vốn từ về Trái Đất (từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm của sự vật); sắp xếp từ ngữ thành câu.  + Biết nói và đáp lời không đồng ý, lời đề nghị với đối tượng bằng vai.  + Nhận diện được kiểu bài nói, viết về tình cảm với một sự việc.  + Chia sẻ được một truyện đã đọc về thiên nhiên.  + Thực hiện được trò chơi *Đố vui về các loài chim*.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; nhận thức về vẻ đẹp của Trái Đất, góp phần hình thành tinh thần trách nhiệm của một ngươi công dân đối với Trái Đất (bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài động vật hoang dã). | | | 5/35 phút |  | |
| Nghe - viết *Cây nhút nhát* Phân biệt *eo/oe; ch/tr, an/ang* | | 6/35 phút |  | |
| Mở rộng vốn từ *Trái Đất* | | 7/35 phút |  | |
| Nói và đáp lời không đồng ý, lời đề nghị | | 8/35 phút |  | |
| Nói, viết về tình cảm với một sự việc | | 9/35 phút |  | |
| Đọc một truyện về thiên nhiên | | 10/35 phút |  | |
| **33** | **Bài 3: Trái Đất xanh của em** | Đọc *Trái Đất xanh của em* | | \* Nói về một cảnh thiên nhiên; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: Ca ngợi vẻ đẹp của Trái Đất và khẳng định Trái Đất là của tất cả mọi người, chúng ta cần biết yêu quý và bảo vệ Trái Đất; biết liên hệ bản thân: cùng bạn bè yêu quý và bảo vệ Trái Đất – ngôi nhà chung; viết được 1 – 2 điều mình ước mong cho Trái Đất.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Viết đúng chữ *M* hoa (kiểu 2) và câu ứng dụng.  + Tìm được từ ngữ chỉ sự vật ở biển hoặc ở rừng; dặt được câu giới thiệu sự vật ở biển hoặc ở rừng; đặt được câu có từ ngữ trả lời câu hỏi *Ở đâu?* hoặc *Vì sao?*.  + Thực hiện được trò chơi *Họa sĩ nhí*; giới thiệu được về bức vẽ.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; nhận thức về vẻ đẹp của Trái Đất, góp phần hình thành tinh thần trách nhiệm của một ngươi công dân đối với Trái Đất (bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài động vật hoang dã). | | | 1/35 phút |  | |
| Đọc *Trái Đất xanh của em* | | 2/35 phút |
| Viết chữ hoa *M* (kiểu 2) | | 3/35 phút |  | |
| Từ chỉ sự vật. Câu kiểu *Ai là gì?* | | 4/35 phút |  | |
| **Bài 4: Hừng đông mặt biển** | Đọc *Hừng đông mặt biển* | | \* Chia sẻ với bạn về tên gọi và vẻ đẹp của một bãi biển mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Tả vẻ đẹp của cảnh biển lúc bình minh, thể hiện tình yêu thiên nhiên thanh bình, tươi đẹp*; biết liên hệ bản thân: *Yêu quý vẻ đẹp bình minh, vẻ đẹp của thiên nhiên*.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Nhìn – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *ui/uy*; *r/d/gi*, *iêc/iêt*.  + Mở rộng được vốn từ về Trái Đất (từ ngữ chỉ hoạt động bảo vệ môi trường); đặt được câu với từ ngữ cho sẵn, điền từ.  + Nghe – kể được từng đoạn của câu chuyện *Chuyện của cây sồi* theo tranh và từ ngữ gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.  + Viết được 4 – 5 câu về tình cảm với một sự việc theo gợi ý.  + Chia sẻ được một bài thơ đã đọc về thiê nhiên.  + Thực hiện được trò chơi *Họa sĩ nhí*; đặt tên, giới thiệu được bức vẽ với bạn hoặc người thân.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; nhận thức về vẻ đẹp của Trái Đất, góp phần hình thành tinh thần trách nhiệm của một ngươi công dân đối với Trái Đất (bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài động vật hoang dã). | | | 5/35 phút |  | |
| Nghe - viết *Hừng đông mặt biển* Phân biệt *ui/uy; r/d/gi, iêc/iêt* | | 6/35 phút |  | |
| Mở rộng vốn từ *Trái Đất (tiếp theo)* | | 7/35 phút |  | |
| Nghe - kể *Chuyện của cây sồi* | | 8/35 phút |  | |
| Luyện tập nói, viết về tình cảm với một sự việc | | 9/35 phút |  | |
| Đọc một bài thơ về thiên nhiên | | 10/35 phút |  | |
| **34** | **Bài 5: Bạn biết phân loại rác không?** | Đọc *Bạn biết phân loại rác không?* | | \* Quan sát tranh và bày tỏ ý kiến về hành động của các bạn nhỏ trong tranh; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: Hướng dẫn cách phân loại rác; cần giữ gìn môi trường xanh – sạch – đẹp; biết liên hệ bản thân: Vận dụng cách phân loại rác để giữ gìn môi trường; viết được 2 – 3 điều nên và không nên làm để bảo vệ môi trường.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Viết đúng chữ *V* hoa (kiểu 2) và câu ứng dụng.  + Phân biệt được từ ngữ chỉ sự vật, chỉ hoạt động; đặt được câu đề nghị.  + Chia sẻ được với bạn cách làm một đồ dùng từ vỏ chai, vỏ hộp.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; nhận thức về vẻ đẹp của Trái Đất, góp phần hình thành tinh thần trách nhiệm của một ngươi công dân đối với Trái Đất (bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài động vật hoang dã). | | | 1/35 phút |  | |
| Đọc *Bạn biết phân loại rác không?* | | 2/35 phút |
| Viết chữ hoa *V* (kiểu 2) | | 3/35 phút |  | |
| Từ chỉ sự vật, hoạt động. Câu kiểu *Ai làm gì?* | | 4/35 phút |  | |
| **Bài 6: Cuộc giải cứu bên bờ biển** | Đọc *Cuộc giải cứu bên bờ biển* | | \* Chia sẻ với bạn những điều em thấy trong tranh; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Thông qua việc tham gia một hoạt động giải cứu con vật, HS biết thể hiện tinh thần trách nhiệm của mình với các vấn đề về bảo vệ môi trường và bảo vệ động vật hoang dã;* biết liên hệ bản thân: *Tham gia bảo vệ vạn vật xung quanh mình*.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *d/gi; ch/tr, dấu hỏi/ dấu ngã*.  + Mở rộng được vốn từ về Trái Đất (từ ngữ chỉ các hiện tượng trong tự nhiên); đặt được câu theo mẫu *Ai thế nào?*  + Nói được 2 – 3 câu về nội dung từng tranh của câu chuyện *Ngày như thế nào là đẹp?*; kể được từng đoạn của câu chuyện theo tranh và từ ngữ gợ ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.  + Viêt được 4 – 5 câu về tình cảm với một sự việc theo gợi ý.  + Chia sẻ được một bài văn đã đọc về thiên nhiên.  + Giới thiệu được về mọt con vật sống ở biển hoặc đảo mà em biết.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; nhận thức về vẻ đẹp của Trái Đất, góp phần hình thành tinh thần trách nhiệm của một ngươi công dân đối với Trái Đất (bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài động vật hoang dã). | | | 5/35 phút |  | |
| Nghe - viết *Rừng trưa. Phân biệt d/gi; ch/tr, dấu hỏi/dấu ngã* | | 6/35 phút |  | |
| Mở rộng vốn từ *Trái Đất (tiếp theo)* | | 7/35 phút |  | |
| Xem - kể *Ngày như thế nào là đẹp?* | | 8/35 phút |  | |
| Luyện tập nói, viết về tình cảm với một sự việc *(tiếp theo)* | | 9/35 phút |  | |
| Đọc một bài văn về thiên nhiên | | 10/35 phút |  | |
| **35** | **ÔN TẬP CUỐI**  **HK 2** | **Ôn tập 1** | Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu | | \* Đọc đúng đoạn bài với tốc độ 60 – 70 tiếng/ phút; đọc hiểu và trả lời câu hỏi về bài đọc Những đám mây sẽ kể.  \* HS luyện tập viết chữ A, Ă, Â, Q, N, M, V hoa (kiểu 2) và tên riêng địa lí.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Điền đúng các từ ngữ chỉ đặc điểm; điền đúng dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm than; viết hoa đúng các chữ đầu câu; viết được 2 – 3 câu nói về tình cảm với người thân có dùng dấu phẩy hoặc dấu chấm than.  + Chia sẻ được một bài thơ đã đọc về cảnh đẹp thiên nhiên.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng cho HS phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực*. | | | 1/35 phút |  | |
| Luyện tập viết chữ hoa: *A, Ă, Â, Q, N, M, V*(kiểu 2) | | 2/35 phút |
| Luyện tập từ chỉ đặc điểm. Dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm than | | 3/35 phút |
| Luyện tập chia sẻ một bài thơ về cảnh đẹp thiên nhiên | |
| **Ôn tập 2** | Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu | | -Đọc đúng đoạn bài với tốc độ 60 – 70 tiếng/ phút; đọc hiểu và trả lời câu hỏi về bài đọc Khu rừng Hạnh Phúc.  \* Nghe – viết một đoạn thơ lục bát, tốc độ khoảng 50 – 55 chữ/ 15 phút; viết đúng một số từ dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng phương ngữ.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Luyện tập phân biệt chính tả *d/gi*; *ch/tr*; *iên/iêng*, *dấu hỏi/ dấu ngã*.  + Viết được 4 – 5 câu tả một đồ chơi của em.  + Biết nói và đáp lời cảm ơn, lời chào, lời đề nghị.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng cho HS phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực*. | | | 4/35 phút |  | |
| Luyện tập nghe - viết *Tiếng chim buổi sáng* | | 5/35 phút |
| Luyện tập phân biệt *d/gi; ch/tr, iên/iêng, dấu hỏi/dấu* | |
| Luyện tập tả một đồ chơi của em | | 6/35 phút |
| Luyện tập nói và đáp lời cảm ơn, lời chia tay, lời đề nghị | |
| **Ôn cuối học kì II** | Đọc thành tiếng Người thiếu niên anh hùng | | \* Đọc đúng đoạn/ bài *Người thiếu niên anh hùng*; tốc độ đọc 60 – 70 chữ/ 1 phút.  - Đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi về nội dung bài *Một chuyến đi*.  \* Năng lực  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Nghe – viết được đoạn văn với tốc độ khoảng 50 – 55 chữ/ 15 phút; viết hoa đúng các chữ đầu câu; viết đúng được một số trường hợp chính tả *d/gi* thường gặp; viết đúng một số tiếng dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ.  + Đặt được câu phân biệt cặp từ *dàn – giàn*.  + Điền đúng dấu chấm câu (dấu chấm, chấm than); viết hoa đúng các chữ đầu câu.  + Viết được 4 – 5 câu thuật lại việc làm góp phần giữ gìn trường lớp xanh, sạch, đẹp theo gợi ý.  + Nghe và trả lời được các câu hỏi về nội dung truyện *Kiến và ve*; nói được điều học được từ câu chuyện.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng cho HS phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực*. | | | 7/35 phút |  | |
| Đọc hiểu Một chuyến đi | |
| Luyện tập nghe – viết *Tiếng chim buổi sáng* | | 8/35 phút |
| Luyện tập phân biệt *d/gi; ch/tr, iên/iêng, dấu hỏi/dấu* | |
| Thuật việc được tham gia | | 9/35 phút |
| Nói và nghe Kiến và ve | | 10/35 phút |

**MÔN TOÁN**

Mỗi tuần: 5 tiết x 35 tuần = 175 tiết

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA MÔN HỌC:**

1. Số và phép tính

a) Số tự nhiên

\* Số tự nhiên

- Số và cấu tạo thập phân của một số:

+ Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 1000.

+ Nhận biết được số tròn trăm.

+ Nhận biết được số liền trước, số liền sau của một số.

+ Thực hiện được việc viết số thành tổng của trăm, chục, đơn vị.

+ Nhận biết được tia số và viết được số thích hợp trên tia số.

- So sánh các số:

+ Nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi 1000.

+ Xác định được số lớn nhất hoặc số bé nhất trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 1000).

+ Thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 1000).

- Ước lượng số đồ vật: Làm quen với việc ước lượng số đồ vật theo các nhóm 1 chục.

\* Các phép tính với số tự nhiên

- Phép cộng, phép trừ:

+ Nhận biết được các thành phần của phép cộng, phép trừ.

+ Thực hiện được phép cộng, phép trừ (không nhớ, có nhớ không quá một lượt) các số trong phạm vi 1000.

+ Thực hiện được việc tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).

- Phép nhân, phép chia:

+ Nhận biết được ý nghĩa của phép nhân, phép chia.

+ Nhận biết được các thành phần của phép nhân, phép chia.

+ Vận dụng được bảng nhân 2 và bảng nhân 5 trong thực hành tính.

+ Vận dụng được bảng chia 2 và bảng chia 5 trong thực hành tính.

- Tính nhẩm:

+ Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 20.

+ Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm các số tròn chục, tròn trăm trong phạm vi 1000.

- Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép tính đã học:

+ Nhận biết ý nghĩa thực tiễn của phép tính (cộng, trừ, nhân, chia) thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.

+ Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có một bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học) liên quan đến ý nghĩa thực tế của phép tính (ví dụ: bài toán về thêm, bớt một số đơn vị; bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị).

2. Hình học và đo lường

a) Hình học trực quan

\* Hình phẳng và hình khối

- Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng của một số hình phẳng và hình khối đơn giản:

+ Nhận biết được điểm, đoạn thẳng, đường cong, đường thẳng, đường gấp khúc, ba điểm thẳng hàng thông qua hình ảnh trực quan.

+ Nhận dạng được hình tứ giác thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.

+ Nhận dạng được khối trụ, khối cầu thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.

- Thực hành đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học:

+ Thực hiện được việc vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước.

+ Nhận biết và thực hiện được việc gấp, cắt, ghép, xếp và tạo hình gắn với việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.

+ Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến hình phẳng và hình khối đã học.

b) Đo lường

- Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng:

+ Nhận biết được về “nặng hơn”, “nhẹ hơn”.

+ Nhận biết được đơn vị đo khối lượng: kg (ki-lô-gam); đọc và viết được số đo khối lượng trong phạm vi 1000kg.

+ Nhận biết được đơn vị đo dung tích: l (lít); đọc và viết được số đo dung tích trong phạm vi 1000 lít.

+ Nhận biết được các đơn vị đo độ dài dm (đề-xi-mét), m (mét), km (ki-lô-mét) và quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài đã học.

+ Nhận biết được một ngày có 24 giờ; một giờ có 60 phút.

+ Nhận biết được số ngày trong tháng, ngày trong tháng (ví dụ: tháng Ba có 31 ngày; sinh nhật Bác Hồ là ngày 19 tháng 5).

+ Nhận biết được tiền Việt Nam thông qua hình ảnh một số tờ tiền.

- Thực hành đo đại lượng:

+ Sử dụng được một số dụng cụ thông dụng (một số loại cân thông dụng, thước thẳng có chia vạch đến xăng-ti-mét,...) để thực hành cân, đo, đong, đếm.

+ Đọc được giờ trên đồng hồ khi kim phút chỉ số 3, số 6.

- Tính toán và ước lượng với các số đo đại lượng:

+ Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo độ dài, khối lượng, dung tích đã học.

+ Thực hiện được việc ước lượng các số đo trong một số trường hợp đơn giản (ví dụ: cột cờ trường em cao khoảng 6m, cửa ra vào của lớp học cao khoảng 2m,...).

+ Tính được độ dài đường gấp khúc khi biết độ dài các cạnh.

+ Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo lường các đại lượng đã học.

3. Một số yếu tố thống kê và xác suất

a) Một số yếu tố thống kê

- Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu: Làm quen với việc thu thập, phân loại, kiểm đếm các đối tượng thống kê (trong một số tình huống đơn giản).

- Đọc biểu đồ tranh: Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ tranh.

- Nhận xét về các số liệu trên biểu đồ tranh: Nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh.

b) Một số yếu tố xác suất

Làm quen với các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện: Làm quen với việc mô tả những hiện tượng liên quan tới các thuật ngữ: có thể, chắc chắn, không thể, thông qua một vài thí nghiệm, trò chơi, hoặc xuất phát từ thực tiễn.

\* Hoạt động thực hành và trải nghiệm

Nhà trường tổ chức cho học sinh một số hoạt động sau và có thể bổ sung các hoạt động khác tuỳ vào điều kiện cụ thể.

- Hoạt động 1: Thực hành ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn, chẳng hạn:

+ Thực hành tính toán, đo lường và ước lượng độ dài, khối lượng, dung tích một số đồ vật trong thực tiễn; thực hành đọc giờ trên đồng hồ, xem lịch; thực hành sắp xếp thời gian biểu học tập và sinh hoạt của cá nhân hằng ngày, trong tuần,...

+ Thực hành thu thập, phân loại, ghi chép, kiểm đếm một số đối tượng thống kê trong trường, lớp.

- Hoạt động 2: Tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khoá (ví dụ: trò chơi học toán hoặc các hoạt động “Học vui – Vui học”,...) liên quan đến ôn tập, củng cố các kiến thức cơ bản.

1. **KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần, tháng | Chương trình và sách giáo khoa | | | | Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)  *(Những điều chỉnh về nội dung, thời lượng, thiết bị dạy học và học liệu tham khảo; xây dựng chủ đề học tập, bổ sung tích hợp liên môn; thời gian và hình thức tổ chức…)* | Ghi chú |
| Chủ đề/  Mạch nội dung | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Tiết học/  thời lượng |  |  |
| HỌC KÌ 1 | | | | | | |
| 1 | Ôn tập và bổ sung | Ôn tập các số đến 100 | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Đọc số, viết số.  - So sánh các số, thứ tự số.  - Đếm thêm 1, 2, 5, 10.  - Cấu tạo thập phân của số.  - Vị trí, số thứ tự.  - Làm quen với thuật ngữ “chữ số”.  \* Năng lực  *- Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *- Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/35 phút |  |  |
| Ôn tập các số đến 100 | 2/35 phút |
| Ước lượng | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết việc ước lượng.  - Vận dụng ước lượng số đồ vật theo nhóm chục.  \* | 1/ 35 phút |  |
| Số hạng – tổng | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết tên gọi các thành phần của phép tính cộng.  - Ôn tập phép cộng trong phạm vi 10, 100.  - Nhận biết tính chất giao hoán của phép cộng qua các trường hợp cụ thể, GV khái quát bằng lời (chưa nêu lên tính chất). Vận dụng tính chất giao hoán, tính toán hợp lí.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất: Bồi dưỡng kĩ năng giao tiếp toán học và tư duy lập luận toán học. | 1/ 35 phút |  |
| Số hạng – tổng | 2/ 35 phút |
| 2 | Số bị trừ - số trừ - Hiệu | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết tên gọi các thành phần của phép tính trừ.  - Ôn tập phép trừ trong phạm vi 10, 100.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất: Bồi dưỡng kĩ năng giao tiếp toán học và tư duy lập luận toán học. | 1/35 phút |  |  |
| Số bị trừ - số trừ - Hiệu | 2/35 phút |
| Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết nhiều hơn, ít hơn.  - Vận dụng GQVĐ liên quan: Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất: Bồi dưỡng kĩ năng giao tiếp toán học và tư duy lập luận toán học.  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/ 35 phút |  |
| Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu | 2/ 35 phút |
| Em làm được những gì ? | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Ôn tập tên gọi các thành phần của phép tính cộng và phép tính trừ.  - Củng cố ý nghĩa của phép cộng, phép trừ. Dựa vào hình ảnh, nói được tính huống dẫn đến phép cộng, phép trừ.  - Sử dụng sơ đồ tách – gộp số để nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất: Bồi dưỡng kĩ năng giao tiếp toán học và tư duy lập luận toán học.  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội. | 1/ 35 phút |  |
| 3 | Em làm được những gì ? | 2/ 35 phút |  |
| Điểm – đoạn thẳng | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết được điểm và đoạn thẳng.  - Sử dụng thước thẳng để đo và vẽ độ dài các đoạn thẳng không quá 20 cm.  - Làm quen với việc GQVĐ với các số đo theo đơn vị xăng-ti-mét.  - Thực hành về vị trí, phương hướng.  - Thực hành ước lượng và đếm số lượng của một nhóm đối tượng.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: Nhân ái, trách nhiệm (yêu thương và bỏ vệ thú vật quý hiếm), yêu nước (thông qua vẻ đẹp của tình Bình Thuận).  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/35 phút |  |
| Điểm – đoạn thẳng | 2/ 35 phút |
| Tia số - số liền trước – số liền sau | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết được tia số.  - Xác định được số trên tia số.  - So sánh được các số dựa trên tia số.  - Làm quen số liền trước, số liền sau, nhận biết quan hệ (lớn hơn, bé hơn) giữa số liền trước và số liền sau qua các trường hợp cụ thể.  - Xác định được số liền trước, số liền sau trên tia số.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất: Bồi dưỡng kĩ năng giao tiếp toán học và tư duy lập luận toán học.  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội. | 1/ 35 phút |  |
| Tia số - số liền trước – số liền sau | 2/ 35 phút |
| 4 | Đề - xi – mét | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết được đơn vị đo độ dài đề-xi-mét: tên gọi, kí hiệu, cách đọc, cách viết, độ lớn.  - Thực hiện được việc ước lượng và đo độ dài bằng thước thẳng với đơn vị đo là đề-xi-mét trên một số đồ vật quen thuộc như: sách giáo khoa, bàn học, đồ dùng học tập (phạm vi 100cm).  - So sánh độ dài của gang tay với 1 dm, 2 dm.  - Làm quen với việc GQVĐ với các số đo theo đơn vị đề-xi-mét, xăng-ti-mét (trong phạm vị 100).  - Sử dụng mối quan hệ giữa hai đơn vị đề-xi-mét và xăng-ti-mét để chuyển đổi đơn vị đo.  - Thực hiện các phép tính cộng, trừ với các các đơn vị đo độ dài đã học.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống. | 1/35 phút |  |  |
| Đề - xi – mét | 2/35 phút |
| Em làm được những gì? | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Ôn tập:  + Thực hiện các phép tính cộng, trừ trong phạm vi 100.  + Thực hành tính trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ.  + Nhận biết các hình tam giác, hình chữ nhật, hình dạng khối lập phương, khối hình hộp chữ nhật.  + Xác định thứ tự các số trên tia số, số liền trước, số liền sau, số có hai chữ số.  - Thực hành do độ dài với đơn vị đo xăng-ti-mét, đề-xi-mét.  - Biết GQVĐ trong bài toán thực tế.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất)  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống | 1/ 35 phút |  |
| Em làm được những gì? | 2/ 35 phút |
| Thực hành và trải nghiệm | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Ôn tập: Biết được các so sánh chiều cao của vật.  - Có hiểu biết về đặc điểm một số loại cây cỏ trong trường  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: có trách nhiệm (bảo vệ, chăm sóc cây làm sân trường xanh, sạch, đẹp), yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống; Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| 5 | Phép cộng, trừ qua 10 trong phạm vi 20 | Phép cộng có tổng bằng 10 | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Ôn tập:  + Tái hiện bảng cộng có tổng bằng 10, thực hiện các phép cộng trong bảng.  + Thực hiện các phép cộng không qua 10 trong phạm vi 20.  + Sử dụng đồ dùng học tập, thể hiện số trong phạm vi 20 (theo cấu tạo thập phân).  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).  - Tích hợp: Tiếng Việt | 1/35 phút |  |  |
| 9 cộng với một số | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thực hiện được phép tính 9 + 5.  - Khái quát hóa được cách tính 9 cộng với một số.  - Vận dụng:  + Thực hiện tính nhẩm 9 cộng với một số (cộng qua 10 trong phạm vi 20).  + Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng để kiểm chứng cách tính 9 cộng với một số.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/35 phút |  |
| 8 cộng với một số | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thực hiện được phép tính 8 + 5.  - Khái quát hóa được cách tính 7 cộng với một số.  - Vận dụng:  + Thực hiện tính nhẩm 8 cộng với một số, 9 cộng với một số (cộng qua 10 trong phạm vi 20).  + Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng để kiểm chứng cách tính 8 cộng với một số.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/ 35 phút |  |
| 7 cộng với một số, 6 cộng một số | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thực hiện được phép tính 7 + 5, 6 + 5.  - Khái quát hóa được cách tính 7 cộng với một số, 6 cộng với một số.  - Vận dụng:  + Thực hiện tính nhẩm 7 cộng với một số, 6 cộng với một số (cộng qua 10 trong phạm vi 20).  + Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng để kiểm chứng cách tính 7 cộng với một số, 6 cộng với một số.  - Phân biệt cách tính 9, 8, 7, 6 cộng với một số.  - Nhận biết tính chất giao hoán của phép cộng qua 10 trong phạm vi 20 qua các trường hợp cụ thể, vận dung so sánh kết quả các phép cộng.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/ 35 phút |  |
| 7 cộng với một số, 6 cộng một số | 2/ 35 phút |  |
| 6 | Bảng cộng | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Hệ thống hóa các phép cộng qua 10 trong phạm vi 20.  - Vận dụng bảng cộng:  + Tính nhẩm.  + So sánh kết quả của tổng.  + Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép cộng, làm quen với tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng qua các trường hợp cụ thể.  + Tính độ dài đường gấp khúc.  + Giải toán.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/35 phút |  |  |
| Bảng cộng | 2/35 phút |
| Bảng cộng | 3/ 35 phút |
| Đường thẳng – đường cong | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết hình ảnh đường thẳng, đường cong.  - Vận dụng: nhận ra hình ảnh đường thẳng, đường cong ở các đối tượng cụ thể trong cuộc sống.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/ 35 phút |  |
| Đường gấp khúc | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết hình ảnh đường gấp khúc.  - Tính được độ dài đường gấp khúc.  - GQVĐ liên quan đến đo độ dài đoạn thẳng, tính toán độ dài đường gấp khúc.  - Vận dụng: nhận ra hình ảnh đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc ở các đối tượng cụ thể trong cuộc sống.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/ 35 phút |  |
| 7 | Ba điểm thẳng hàng | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết ba điểm thẳng hàng.  - Sử dụng thước thẳng, kiểm tra ba đối tượng thẳng hàng.  - Nhận biết hình ảnh thẳng hàng trong cuộc sống.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/35 phút |  |  |
| Em làm được những gì? | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thực hiện việc tính nhẩm qua 10 trong phạm vi 20.  - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng.  - Tính toán với các số đo độ dài đã học.  - GQVĐ đơn giản có liên quan tới độ dài và thời gian.  - Vận dụng ba điểm thẳng hàng, GQVĐ đơn giản.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: Nhân ái  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/35 phút |  |
| Em làm được những gì? | 2/ 35 phút |
| Phép trừ có hiệu bằng 10. | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Hệ thống các phép trừ trong phạm vi 20, có hiệu là 10.  - Vận dụng để tính toán và giải toán.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).  - Tích hợp: Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| 11 trừ đi một số | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thực hiện được phép tính 11 -5.  - Khái quát hóa được cách tính 11 trừ đi một số.  - Vận dụng:  + Thực hiện tính nhẩm 11 trừ đi một số (trừ qua 10 trong phạm vi 20).  + Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ để kiểm chứng cách tính nhẩm 11 trừ đi một số.  + GQVĐ đơn giản liên quan đến tính toán và nhận biết hình.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| 8 | 12 trừ đi một số | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thực hiện được phép tính 12 -5.  - Khái quát hóa được cách tính 12 trừ đi một số.  - Vận dụng:  + Thực hiện tính nhẩm 12 trừ đi một số (trừ qua 10 trong phạm vi 20).  + Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ để kiểm chứng cách tính nhẩm 12 trừ đi một số.  + GQVĐ đơn giản liên quan đến tính toán.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội | 1/35 phút |  |  |
| 13 trừ đi một số | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thực hiện được phép tính 13 -5.  - Khái quát hóa được cách tính 13 trừ đi một số.  - Vận dụng:  + Thực hiện tính nhẩm 13 trừ đi một số (trừ qua 10 trong phạm vi 20).  + Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ để kiểm chứng cách tính nhẩm 13 trừ đi một số.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội | 1/35 phút |  |
| 14,15,16,17,18 trừ đi một số | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thực hiện được phép tính 16 -9.  - Khái quát hóa được cách tính 14, 15, 16, 17, 18 trừ đi một số.  - Vận dụng:  + Thực hiện trừ nhẩm qua 10 trong phạm vi 20 và phân biệt đối với các trường hợp cụ thể.  + Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ để kiểm chứng cách qua 10 trong phạm vi 20.  - GQVĐ đơn giản liên quan đến tính toán.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| 14,15,16,17,18 trừ đi một số | 2/ 35 phút |
| Bảng trừ | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Hệ thống hóa các phép trừ qua 10 trong phạm vi 20.  - Vận dụng bảng trừ:  + Tính nhẩm.  + So sánh kết quả của tổng, hiệu.  + Làm quen với quan hệ giữa phép cộng và phép trừ qua các trường hợp cụ thể.  + GQVĐ đơn giản liên quan đến số và phép tính.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/ 35 phút |  |
| 9 | Bảng trừ | 2/35 phút |  |
| Bảng trừ | 3/35 phút |
| Em giải bài toán | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Làm quen với thuật ngữ “Bài toán”.  - Bước đầu nhận biết phương pháp (4 bước) để giải bài toán có lời văn.  - Vận dụng giải và trình bày bài giải.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/ 35 phút |  |
| Em giải bài toán | 2/ 35 phút |  |
| Bài toán nhiều hơn | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết ý nghĩa bài toán nhiều hơn: Nếu thêm phần nhiều hơn vào số bé sẽ được số lớn.  - Vận dụng GQVĐ liên quan: Giải bài toán nhiều hơn.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/ 35 phút |  |
| 10 | Bài toán ít hơn | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết ý nghĩa bài toán nhiều hơn: Nếu bớt phần ít hơn ở số lớn sẽ được số bé.  - Vận dụng GQVĐ liên quan: Giải bài toán ít hơn.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/35 phút |  |  |
| Đựng nhiều nước, đựng ít nước | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Bước đầu hình thành biểu tượng về dung tích qua việc so sánh để nhận biết đựng nhiều hơn, ít hơn hay bằng nhau giữa hai đồ chứa chất lỏng.  - Biết cách so sánh dung tích các vật chứa.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống | 1/35 phút |  |
| Lít | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết đơn vị đo dung tích: lít; tên gọi, kí hiệu.  - Nhận biết được độ lớn của 1 lít.  - Sử dụng vật chứ 1 lít để xác định sức chứa của các vật khác.  - Xác định sức chứa của vật so với 1 lít.  - GQVĐ đơn giản liên quan đến sức chứa của vật.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| Em làm được những gì? | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Củng cố các kiến thức, kĩ năng về số và phép tính.  + Thứ tự các số; sử dụng các thuật ngữ số liền trước, số liền sau để diễn tả số.  + GQVĐ đơn giản liên quan đến quan hệ thứ tự của số.  + Cấu tạo số trong phạm vi 100 và các phép tính có liên quan.  + Tính nhẩm, tính viết trong phạm vi 100.  + Cộng trừ qua 10 torng phạm vi 20.  + Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính.  - Củng cố các kĩ ăng về hình học và đo lường.  + Thực hành xếp hình.  + GQVĐ đơn giản liên quan đến đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc.  + GQVĐ đơn giản liên quan đến độ dài.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: Trách nhiệm, chăm chỉ, yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/ 35 phút |  |
| Em làm được những gì? | 2/ 35 phút |
| 11 | Em làm được những gì? | 3/35 phút |  |
| Thực hành và trải nghiệm | \* Kiến thức, kĩ năng:  Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan dên các phép cộng, trừ qua 10 trong phạm vi 20.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: trách nhiệm  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống; Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/35 phút |
| Kiểm tra |  | 1/ 35 phút |
| Phép cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100 | Phép cộng có tổng là số tròn chục | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thực hiện được phép cộng có tổng là số tròn chục.  - Củng cố ý nghĩa của phép cộng, vận dụng GQVĐ đơn giản liên quan đến phép cộng.  - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+).  - GQVĐ đơn giản liên quan đến độ dài và đơn vị xăng-ti-mét.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |  |
| Phép cộng có tổng là số tròn chục | 2/ 35 phút |  |
| 12 | Phép cộng có nhớ trong phạm vi 100 | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100.  - Củng cố ý nghĩa của phép cộng, vận dụng GQVĐ dẫn đến phép cộng.  - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+).  - Bước đầu làm quen cách tính nhanh.  - Cộng các số đo dung tích với đơn vị đo lít.  - Ôn tập tính nhẩm trong phạm vi 20.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/35 phút |  |  |
| Phép cộng có nhớ trong phạm vi 100 | 2/35 phút |
| Phép cộng có nhớ trong phạm vi 100 | 3/ 35 phút |
| Em làm được những gì? | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Củng cố ý nghĩa của phép cộng: Dựa vào hình ảnh, nói được tình huống dẫn đến phép cộng.  - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+).  - Cộng các số đo chiều dài với đơn vị đo xăng-ti-mét.  - Cộng các số đo dung tích với đơn vị đo lít.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: Trách nhiệm, chăm chỉ, yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |
| Em làm được những gì? | 2/ 35 phút |
| 13 | Phép trừ có số bị trừ là số tròn chục | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thực hiện được phép trừ có số bị trừ là số tròn chục.  - Củng cố ý nghĩa của phép trừ, vận dụng vào GQVĐ đơn giản dẫn đến phép trừ.  - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (-).  - Bước đầu làm quen cách tính nhanh.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/35 phút |  |  |
| Phép trừ có số bị trừ là số tròn chục | 2/35 phút |
| Phép trừ có nhớ trong phạm vi 100 | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100.  - Nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ qua các trường hợp cụ thể.  - Vận dụng sơ đồ tách – gộp số để tìm kết quả, thành phần trong phép cộng, phép trừ.  - Vận dụng GQVĐ đơn giản dẫn đến phép trừ.  - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (-).  - Bước đầu làm quen cách tính nhanh.  - Ôn tập nhận dạng hình tam giác.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |
| Phép trừ có nhớ trong phạm vi 100 | 2/ 35 phút |
| Phép trừ có nhớ trong phạm vi 100 | 3/ 35 phút |
| 14 | Em làm được những gì? | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Tính nhẩm: cộng, trừ nhẩm các số trong phạm vi 20 và các số tròn chục.  - Thực hiện các phép cộng, trừ (không nhớ, có nhớ trong phạm vi 100).  - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+,-).  - Vận dụng sơ đồ tách – gộp số để tìm kết quả và tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ.  - GQVĐ đơn giản liên quan đến độ dài và thời gian (đo độ dài, cộng trừ các số đo độ dài với đơn vị đo xăng-ti-mét, xem lịch, xem đồng hồ).  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: Trách nhiệm, chăm chỉ, yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/35 phút |  |  |
| Em làm được những gì? | 2/35 phút |  |
| Thu thập, phân loại, kiểm điếm | \* Kiến thức, kĩ năng:  Thu thập được dữ liệu, phân loại và kiểm đếm các đối tượng thống kê trong một số tình huống quen thuộc.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| Biểu đồ tranh | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thu thập được dữ liệu, phân loại và kiểm đếm các đối tượng thống kê trong một số tình huống quen thuộc.  - Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ tranh.  - Nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh.  - Thể hiện kết quả kiểm đếm trên một số biểu đồ tranh cụ thể.  - Ôn tập: các ngày trong tuần.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học.  3. Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| Biểu đồ tranh | 2/ 35 phút |
| 15 | Biểu đồ tranh | 3/35 phút |  |
| Có thể, chắc chắn, không thể | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Làm quen với các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện.  - Làm quen với việc mô tả những hiện tượng liên quan đến các thuật ngữ: có thể, chắc chắn, không thể thông qua vài thí nghiệm, trò chơi hoặc xuất phát từ thực tiễn.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt. | 1/35 phút |  |
| Ngày giờ | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết được 1 ngày có 24 giờ. Cảm nhận được khoảng thời gian 1 giờ và 1 ngày. Làm quen với khoảng thời gian, bước đầu phân biệt thời điểm và khoảng thời gian.  - Nhận biết một ngày có các buổi: sáng, trưa, chiều, tối, đêm và hai cách đọc giờ vào buổi chiều, tối, đêm.  - Biết xem giờ trên đồng hồ diện tử.  - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thời gian.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: Chăm chỉ (quý trọng thời gian), trách nhiệm  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/ 35 phút |  |
| Ngày giờ | 2/ 35 phút |  |
| Ngày, tháng | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết được số ngày trong tháng.  - Biết xem lịch tháng.  - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thời gian.  - Nhận biết được một số ngày lễ quan trọng gần gũi với HS.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán học.  3. Phẩm chất:  - Phẩm chất: Chăm chỉ (quý trọng thời gian), trách nhiệm  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| 16 | Ngày , tháng | 2/ 35 phút |  |  |
| Em làm được những gì? | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Ôn tập cộng, trừ trong phạm vi 100.  - Ôn tập biểu đồ tranh.  - Ôn tập về ngày, giờ, xem lịch.  - Vận dụng GQVĐ đơn giản.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: Trách nhiệm, chăm chỉ, yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Thủ công. | 1/35 phút |
| Em làm được những gì? | 2/35 phút |
| Ôn tập học kỳ 1 | Ôn tập các số trong phạm vi 100 | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Ôn tập các số trong phạm vi 100: cấu tạo số, sơ đồ tách – gộp số, so sánh số, dãy số thứ tự theo quy luật, ước lượng,…  - Ôn tập cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100: tính nhẩm, tính viết, vận dụng sơ đồ tách – gộp số, mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ để tìm kết quả và tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ, biểu đồ tranh, vận dụng GQVĐ đơn giản,…  - Ôn tập hình học và đo lường: ngày, giờ, xem lịch, đo độ dài, cộng trừ số đo độ dài, ghép hình,…  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội. | 1/ 35 phút |  |  |
|  | Ôn tập các số trong phạm vi 100 | 2/ 35 phút |  |
| 17 | Ôn tập các số trong phạm vi 100 | 3/35 phút |  |
| Ôn tập phép cộng và phép trừ | 1/35 phút |  |  |
| Ôn tập phép cộng và phép trừ | 2/ 35 phút |  |
| Ôn tập phép cộng và phép trừ | 3/ 35 phút |  |
| Ôn tập phép cộng và phép trừ | 4/ 35 phút |
| 18 | Ôn tập hình học và đo lường | 1/ 35 phút |  |
|  | Ôn tập hình học và đo lường | 2/ 35 phút |
| Thực hành và trải nghiệm: Đi tàu trên sông | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Ôn tập: xem giờ, đặt giờ.  - Ôn tập: biểu đồ tranh.  - Ôn tập: GQVĐ.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống; Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| Thực hành và trải nghiệm: Đi tàu trên sông | 2/ 35 phút |
| Kiểm tra học kỳ 1 |  | 1/ 40 phút |  |
|  | | | | | | |
| 19 | Phép nhân, chép chia | Tổng các số hạng bằng nhau | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Dựa vào hình ảnh, tính tổng của nhiều số (theo thứ tự từ trái sang phải)  - Làm quen với tổng các số hạng bằng nhau.  - Dựa vào tổng các số hạng bằng nhau hoặc dựa vào hình ảnh, làm quen với cách nói: cái gì được lấy mấy lần.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên xã hội, Âm nhạc, Giáo dục thể chất. | 1/ 35 phút |  |  |
| Phép nhân | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết:  + Ý nghĩa của phép nhân: sự lặp lại, phép nhân là cách viết khác của tổng các số hạng bằng nhau.  + Dấu nhân.  + Thuật ngữ thể hiện phép nhân: cái gì được lấy mấy lần?  - Quan sát hình ảnh, nói được tình huống xuất hiện phép nhân, viết được phép nhân thích hợp.  - Viết tổng các số hạng bằng nhau thành phép nhân.  - Tính được kết quả phép nhân dựa vào việc tính tổng các số hạng bằng nhau.  - Làm quen bài toán về ý nghĩa của phép nhân, bước đầu phân biệt với bài toán về ý nghĩa của phép cộng.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước, trách nhiệm  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/ 35 phút |  |
| Phép nhân | 2/ 35 phút |
| Phép nhân | 3/ 35 phút |
| Thừa sổ - Tích | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết tên gọi các thành phần của phép nhân.  - Phân biệt tên gọi các thành phần phép cộng, phép trừ, phép nhân.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm, ham đọc sách  - Tích hợp: Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| 20 | Bảng nhân 2 | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thành lập bảng nhân 2.  - Bước đầu ghi nhớ bảng nhân 2.  - Vận dụng bảng nhân 2, tính nhẩm.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm, ham học  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống | 1/ 35 phút |  |  |
| Bảng nhân 2 | 2/ 35 phút |
| Bảng nhân 5 | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thành lập bảng nhân 5.  - Bước đầu ghi nhớ bảng nhân 5.  - Vận dụng bảng nhân 5, tính nhẩm.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm, ham học  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống | 1/ 35 phút |  |
| Bảng nhân 5 | 2/ 35 phút |
| Phép chia | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết:  + Ý nghĩa của phép chia: tương ứng với thao tác chia đều trong cuộc sống.  + Dấu chia.  + Thuật ngữ thể hiện phép chia: chia đều.  - Thao tác trên đồ dùng học tập: chia thành các phần bằng nhau, chia theo nhóm (HS làm quen với thuật ngữ, chưa cần phân biệt hai thuật ngữ này).  - Nhận biết mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia trên các trường hợp cụ thể. Tính được kết quả phép chia dựa vào phép nhân tương ứng.  - Làm quen bài toán về ý nghĩa của phép chia, bước đầu phân biệt với bài toán về ý nghĩa của phép nhân.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, trung thực (chia đều, công bằng)  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống | 1/ 35 phút |  |
| 21 | Phép chia | 2/ 35 phút |  |
| Phép chia | 3/ 35 phút |
| Số bị chia - Số chia -Thương | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết tên gọi các thành phần của phép chia.  - Phân biệt tên gọi các thành phần phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm, ham đọc sách  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống | 1/ 35 phút |  |
| Bảng chia 2 | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thành lập bảng chia 2.  - Khuyến khích thuộc bảng chia 2.  - Vận dụng bảng nhân 2, tính nhẩm.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống. | 1/ 35 phút |  |
| Bảng chia 2 | 2/ 35 phút |  |
| 22 | Bảng chia 5 | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thành lập bảng chia 5.  - Khuyến khích thuộc bảng chia 5.  - Vận dụng bảng nhân 5, tính nhẩm.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống. | 1/ 35 phút |  |  |
| Bảng chia 5 | 2/ 35 phút |
| Giờ, phút, xem đồng hồ | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết được 1 giờ có 60 phút.  - Được được giờ trên đồng hồ khi kim phút chỉ số 3, số 6. Đọc được giờ trên đồng hồ điện tử với số phút là :00, :15, :30.  - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thời gian.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: chăm chỉ (quý trọng thời gian), trách nhiệm  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/ 35 phút |  |
| Giờ, phút, xem đồng hồ | 2/ 25 phút |
| Giờ, phút, xem đồng hồ | 3/ 35 phút |
| 23 | Em làm được những gì? | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Củng cố ý nghĩa của phép nhân: sự lặp lại, phép nhân là cách viết khác của tổng các số hạng bằng nhau. Dựa vào hình ảnh, nói được tình huống dẫn đến phép nhân. Vận dụng các bảng nhân 2, nhân 5 để tính toán.  - Củng cố ý nghĩa của phép chia: chia đều. Dựa vào hình ảnh, nói được tình huống dẫn đến phép chia. Vận dụng các bảng chia 2, chia 5 để tính toán.  - Sử dụng mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia để tìm kết quả của phép chia.  - Nhận biết tính chất giao hoán của phép nhân qua các trường hợp cụ thể.  - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+,-), tính tổng của nhiều số hạng bằng nhau.  - Cảm nhận được sự tăng giảm của kết quả so với các thành phần tham dự phép tính (+, -, x :)  - Đọc giờ (kim phút chỉ số 12, 3, 6).  - Sử dụng từ ngữ diễn đạt thời điểm, khoảng thời gian.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: Trách nhiệm, chăm chỉ, yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/ 35 phút |  |  |
| Em làm được những gì? | 2/ 35 phút |
| Em làm được những gì? | 3/ 35 phút |
| Thực hành và trải nghiệm | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thực hành đọc giờ có gắn với buổi trong ngày, theo cách thể hiện của đồng hồ điện tử.  - Thực hành đặt giờ trên mô hình đồng hồ (bộ ĐDHT).  - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thời gian.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: yêu nước, có trách nhiệm.  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt | 1/ 35 phút |  |
| Đơn vị, chục, trăm, nghìn | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết tên gọi nghìn; quan hệ giữa nghìn và trăm, chục, đơn vị.  - Đếm, lập số, đọc, viết, cấu tạo thập phân của các số tròn chục (từ 110 dên 200) và các số tròn trăm trong phạm vi 1000.  - So sánh, xếp thứ tự các số tròn chục(từ 110 dên 200) và các số tròn trăm trong phạm vi 1000.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| 24 | Các số đến 1000 | Đơn vị, chục, trăm, nghìn | 2/ 35 phút |  |
| Đơn vị, chục, trăm, nghìn | 3/ 35 phút |
| Các số từ 101 đến 110 | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Đếm, lập số, đọc, viết, cấu tạo thập phân của các số từ 101 đến 110.  - Thứ tự các số từ 101 đến 110, nhận biết vị trí các số trên tia số.  - Làm quen khoảng thời gian.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| Các số từ 101 đến 110 | 2/ 35 phút |
| Các số từ 111 đến 200 | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết được các số từ 111 đến 200.  - Đếm, lập số, đọc, viết, cấu tạo thập phân của các số từ 111 đến 200.  - So sánh, xếp thứ tự, xác định vị trí các số (từ 111 đến 200) trên tia số.  - Làm quen khoảng thời gian.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| 25 | Các số từ 111 đến 200 (tiếp theo) | 2/ 35 phút |  |  |
| Các số có ba chữ số | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết được các số có ba chữ số gồm số trăm, số chục, số đơn vị; số tròn chục, số tròn trăm.  - Đếm, lập số, đọc, viết, cấu tạo thập phân của các số có ba chữ số.  - Số liền trước, số liền sau, xác định vị trí các số trên tia số.  - Ôn tập xếp hình.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| Các số có ba chữ số | 2/ 35 phút |
| Các số có ba chữ số | 3/ 35 phút |
| Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết giá trị của các chữ số theo vị trí của nó torng số có ba chữ số.  - Viết được một số dưới dạng tổng các trăm, chục, đơn vị và ngược lại, có tổng các trăm, chục, đơn vị thì viết được số.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; giải quyết vấn đề toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: ham học (thích đọc sách); có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| 26 | So sánh các số có ba chữ số | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Hệ thống cách so sánh số. Nhận biết các so sánh hai số: so sánh số trăm, số chục, số đơn vị.  - Xếp thứ tự các số, số bé nhất, số lớn nhất.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |  |
| So sánh các số có ba chữ số | 2/ 35 phút |  |
| Em làm được những gì? | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Ôn tập các số có ba chữ số.  + Mối quan hệ giữa trăm, chục, đơn vị.  + Khái quát hóa cách đếm, lập số, đọc, viết số, cấu tạo thập phân của số.  + Quan hệ thứ tự giữa các số: khái quát cách so sánh số, xếp thứ tự các số, nhận biết vị trí số trên tia số.  + GQVĐ đơn giản về nhiều hơn.  - Ôn tập độ dài đường gấp khúc, tính thời gian.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: Trách nhiệm, chăm chỉ, yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| Em làm được những gì? | 2/ 35 phút |
| Em làm được những gì? | 3/ 35 phút |
| 27 | Mét | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết được đơn vị đo độ dài mét: tên gọi, kí hiệu, cách đọc, cách viết, độ lớn.  - Thực hiện được viết ước lượng và đo độ dài bằng thước mét.  - So sánh độ dài của gang tay với 1 m.  - Làm quen với việc GQVĐ đơn giản liên quan đến các đơn vị đo độ dài. Sử dụng mối quan hệ giữa hai đơn vị mét và đề-xi-mét, mét và xăng-ti-mét để chuyển đổi đơn vị đo.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; giao tiếp toán học; giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |  |
| Mét | 2/ 35 phút |
| Ki-lô-mét | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết được đơn vị đo độ dài ki-lô-mét: tên gọi, kí hiệu, cách đọc, cách viết, độ lớn.  - Thực hiện được viết ước lượng bằng quãng đường khoảng 1 km.  - Làm quen với việc GQVĐ đơn giản với các số đo theo đơn vị ki-lô-mét.  - Sử dụng mối quan hệ giữa hai đơn vị ki-lô-mét và mét để chuyển đổi đơn vị đo.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| Ki-lô-mét | 2/ 35 phút |
| Khối trụ - Khối cầu | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận dạng khối trụ, khối cầu thông qua việc sử dụng đồ dùng học tập hoặc vật thật có trong cuộc sống.  - Sử dụng bộ ĐDHT môn Toán để nhận dạng hình khối trụ, khối cầu thông qua việc ghép đôi mô hình với vật thật. (Lưu ý: chỉ nhận dạng khối trụ, khối cầu thông qua đồ vật hay hình ảnh, không dạy đặc điểm về cạnh, mặt).  - Xếp dãy hình theo quy luật.  - GQVĐ đơn giản liên quan đến nhận dạng hình.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| 28 | Khối trụ - Khối cầu | 2/ 35 phút |  |
| Hình tứ giác | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận dạng, gọi đúng tên hình tứ giác thông qua việc sử dụng đồ dùng học tập hoặc vật thật có trong cuộc sống. (Lưu ý: chỉ nhận dạng khối trụ, khối cầu thông qua đồ vật hay hình ảnh, không dạy đặc điểm về cạnh, góc,…).  - Sử dụng bộ ĐDHT môn Toán để nhận dạng hình tứ giác thông qua việc ghép hình  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống | 1/ 35 phút |  |
| Xếp hình, gấp hình | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Ôn tập: Gọi tên các hình phẳng và hình khối đã học.  - Xếp hình: Dùng các hình trong bộ xếp hình để lắp ghép các hình mới.  - Gấp hình tứ giác từ các tờ giấy vuông.  \* Năng lự  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học, sử dụng cộng cụ phương tiện toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| Xếp hình, gấp hình | 2/ 35 phút |
| Em làm được những gì? | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Ôn tập về số:  + Đọc viết số, cấu tạo số, viết số thành các trăm, chục, đơn vị.  + Tia số.  + Số liền trước, số liền sau.  + So sánh các số.  - GQVĐ đơn giản liên quan phép tính nhân.  - Ôn tập về đọc biểu đồ tranh.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| 29 | Em làm được những gì? | 2/ 35 phút |  |
| Em làm được những gì? | 3/ 35 phút |
| Thực hành và trải nghiệm | \* Kiến thức, kĩ năng:  Ôn tập đo lường: Ước lượng và đo chiều dài một số đồ vật quen thuộc theo đơn vị mét; dùng gang tay để ước lượng.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: Yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống | 1/ 35 phút |  |
| Kiểm tra |  | 1/ 35 phút |  |
| Phép cộng không nhớ trong phạm vi 1000 | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thực hiện được phép cộng không nhớ trong phạm vi 1000 bằng cách đặt tính.  - Thực hiện cộng nhẩm các số tròn trăm.  - Vận dụng giải bài toán có lời văn.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống | 1/ 35 phút |  |
| 30 | Phép cộng, trừ trong phạm vi 1000 | Phép cộng không nhớ trong phạm vi 1000 | 2/ 35 phút |  |  |
| Phép trừ không nhớ trong phạm vi 1000 | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thực hiện được phép trừ không nhớ trong phạm vi 1000 bằng cách đặt tính.  - Thực hiện trừ nhẩm các số tròn chục, tròn trăm.  - Củng cố quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.  - Vận dụng giải bài toán có lời văn.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống | 1/ 35 phút |  |
| Phép trừ không nhớ trong phạm vi 1000 | 2/ 35 phút |
| Nặng hơn, nhẹ hơn | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Bước đầu hình thành biểu tưởng về khối lượng qua việc so sánh để nhận biệt nặng hơn, nhẹ hơn hay nặng bằng nhau giữa hai vật thông thường.  - Cảm nhận được độ nặng hơn, nhẹ hơn hay nặng bằng nhau giữa hai vật bằng các giác quan.  - Biết cách so sánh các vật nặng hơn, nhẹ hơn hay nặng bằng nhau từ hình ảnh bập bênh.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giao tiếp toán học; giải quyết vấn đề toán học.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất trung thực  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| Ki-lô-gam | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết đơn vị đo khối lượng: ki-lô-gam; tên gọi, kí hiệu.  - Làm quen với một số loại cân, quả cân, cách cân.  - Cảm nhận được độ lớn của 1 kg (mức độ nặng, nhẹ).  - Xác định vật nặng hơn, nhẹ hơn so với 1 kg.  - Thực hiện các phép tính cộng, trừ với đơn vị đo khối lượng ki-lô-gam.  - GQVĐ đơn giản liên quan đến đo khối lượng.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất trung thực  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống | 1/ 35 phút |  |
| 31 | Ki-lô-gam | 2/ 35 phút |  |
| Phép cộng có nhớ trong phạm vi 1000 | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thực hiện phép tính cộng có nhớ trong phạm vi 1000.  - Củng cố ý nghĩa của phép cộng, tên gọi các thành phần trong phép cộng, vận dụng vào GQVĐ dẫn đến phép cộng.  - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+).  - Bước đầu làm quen cách tính nhanh.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: Yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| Phép cộng có nhớ trong phạm vi 1000 | 2/ 35 phút |  |
| Phép cộng có nhớ trong phạm vi 1000 | 3/ 35 phút |  |
| Phép trừ có nhớ trong phạm vi 1000 | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Thực hiện phép tính trừ có nhớ trong phạm vi 1000.  - Củng cố ý nghĩa của phép trừ, tên gọi các thành phần trong phép trừ, vận dụng vào GQVĐ dẫn đến phép trừ.  - Bước đầu biết nhận xét (kiểm tra) các bài toán và sửa lại (nếu bài toán sai).  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: Yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| 32 | Phép trừ có nhớ trong phạm vi 1000 | 2/ 35 phút |  |  |
| Phép trừ có nhớ trong phạm vi 1000 | 3/ 35 phút |  |
| Tiền Việt Nam | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Nhận biết được đơn vị tiền tệ của Việt Nam là đồng.  - Nhận biết được một số tờ giấy bạc trong phạm vi 1000 đồng (100 đồng, 200 đồng, 500 đồng, 1000 đồng).  - Nắm được mối quan hệ trao đổi giữa giá trị (mệnh giá) của các loại giấy bạc đó.  - Biết làm các phép tính cộng, trừ trên các số với đơn vị là đồng.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học; giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: có trách nhiệm với gia đình (ý thức tiết kiệm tiền bạc), trung thực (thật thà, ngay thẳng trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày, mạnh dạn nói lên ý kiến của mình).  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| Em làm được những gì? | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Ôn tập về số và phép tính:  + Viết số theo cấu tạo thập phân của số, viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.  + So sánh, sắp thứ tự các số.  + Thực hiện các phép tính cộng, trừ.  + Vận dụng sơ đồ tách – gộp số để tìm thành phần trong phép cộng.  + GQVĐ đơn giản.  - Ôn tập về đo lường:  + Khối lượng: ki-lô-gam.  + Độ dài: mét.  - Sử dụng các thuật ngữ: có thể, chắc chắn, không thể để diễn đạt tình huống.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: Trách nhiệm, chăm chỉ, yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt. | 1/ 35 phút |  |
| Em làm được những gì? | 2/ 35 phút |
| 33 | Em làm được những gì? | 3/ 35 phút |  |
| Ôn tập các số trong phạm vi 1000 | \* Kiến thức, kĩ năng:  - Ôn tập về số và phép tính:  + Viết số theo cấu tạo thập phân của số, viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.  + Khái quát hóa cách đọc và viết số trong phạm vi 1000.  + Tia số.  + Ước lượng theo nhóm chục.  + Tính nhẩm.  + Thực hiện các phép tính cộng, trừ trong phạm vi 1000.  + Vận dụng mối liên hệ cộng, trừ để tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ.  + GQVĐ đơn giản.  - Ôn tập về hình học và đo lường:  + Nhận dạng, gọi tên: điểm, đoạn thẳng, đường gấp khúc, đường thẳng, đường cong, hình tam giác, hình tứ giác, hình vuông, hình chữ nhật, khối lập phương, khối hộp chữ nhật, khối trụ, khối cầu.  + Xếp hình.  + Tính độ dài đường gấp khúc.  + Tính toán với các đơn vị đo độ dài, đo khối lượng.  + Chuyển đổi đơn vị đo độ dài.  + Xem giờ, thời điểm, khoảng thời gian.  - Một số yếu tố thống kê, xác suất:  + Thu thập, phân loại, kiểm đếm, đọc, nhận xét đơn giản biểu đồ tranh.  + Mô tả khả năng xảy ra với các từ: có thể, chắc chắn, không thể.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; sử dụng công cụ và phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội. | 1/ 35 phút |  |
| Ôn tập các số trong phạm vi 1000 | 2/ 35 phút |
| Ôn tập phép cộng và phép trừ | 1/ 35 phút |  |
| Ôn tập phép cộng và phép trừ | 2/ 35 phút |  |
| 34 | Ôn tập cuối năm | Ôn tập phép cộng và phép trừ | 3/ 35 phút |  |  |
| Ôn tập phép nhân và phép chia | 1/ 35 phút |  |
| Ôn tập phép nhân và phép chia | 2/ 35 phút |  |
| Ôn tập phép nhân và phép chia | 3/ 35 phút |  |
| Ôn tập hình học và đo lường | 1/ 35 phút |  |
| 35 | Ôn tập hình học và đo lường | 2/ 35 phút |  |  |
| Ôn tập: Biểu đồ tranh- Có thể, chắc chắn, không thể | 1/ 35 phút |  |
| Thực hành và trải nghiệm | \* Kiến thức, kĩ năng:  Ôn tập về hình học: Tri giác các hình khối bằng xúc giác.  \* Năng lực  *\* Năng lực chung*:  - Năng lực tự chủ và tự học: Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.  *\* Năng lực đặc thù:* Sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giao tiếp toán học.  \* Phẩm chất:  - Phẩm chất: yêu nước  - Tích hợp: Toán học và cuộc sống; Tự nhiên và Xã hội | 1/ 35 phút |  |
| Thực hành và trải nghiệm | 2/ 35 phút |
| Kiểm tra cuối năm |  | 1/ 40 phút |  |

**MÔN ĐẠO ĐỨC**

Mỗi tuần: 1 tiết x 35 tuần: 35 tiết

**A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA MÔN HỌC:**

**1.Quý trọng thời gian:**

- Nêu được một số biểu hiện của việc quý trọng thời gian.

- Biết vì sao phải quý trọng thời gian.

- Thực hiện được việc sử dụng thời gian hợp lí.

2. **Nhận lỗi và sửa lỗi:**

- Nêu được một số biểu hiện của nhận lỗi, sửa lỗi.

- Biết vì sao phải nhận lỗi, sửa lỗi.

- Thực hiện được việc nhận lỗi và sửa lỗi.

- Đồng tình với việc biết nhận lỗi và sửa lỗi; không đồng tình với việc không biết nhận lỗi, sửa lỗi.

**3. Bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình:**

- Nêu được một số biểu hiện của việc biết bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình.

- Biết vì sao phải bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình.

- Thực hiện được việc bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình.

-Nhắc nhở bạn bè, người thân bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình.

**4. Kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè:**

- Nêu được một số biểu hiện của sựkính trọng thầy giáo,cô giáo và yêu quý bạn bè.

- Thực hiện được hành động và lời nói thể hiện sự kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè.

- Sẵn sàng tham gia hoạt động phù hợp với lứa tuổi để giúp đỡ các bạn gặp khó khăn hoặc có hoàn cảnh không may mắn, các bạn ở vùng sâu vùng xa hoặc vùng bị thiệt hại vì thiên tai.

**5. Thể hiện cảm xúc bản thân:**

- Phân biệt được cảm xúc tích cực (thích, yêu, tự tin, vui vẻ, vui sướng, phấn khởi,...), cảm xúc tiêu cực (giận dữ, buồn chán, sợ hãi, tự ti, thất vọng,...).

- Biết được ảnh hưởng của cảm xúc tích cực, cảm xúc tiêu cực đối với bản thân và mọi người xung quanh.

- Biết kiềm chế các cảm xúc tiêu cực.

**6. Tìm kiếm sự hỗ trợ:**

-Nêu được một số tình huống cần tìm kiếm sự hỗ trợ.

- Biết vì sao phải tìm kiếm sự hỗ trợ.

- Biết tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết.

**7. Quê hương em:**

- Nêu được địa chỉ của quê hương.

- Bước đầu nhận biết được vẻ đẹp của thiên nhiên và con người ở quê hương mình.

- Thực hiện được việc làm thiết thực, phù hợp với lứa tuổi thể hiện tình yêu quê hương: yêu thương gia đình; chăm sóc, bảo vệ vẻ đẹp thiên nhiên của quê hương; kính trọng, biết ơn những người có công với quê hương;…

**8. Tuân thủ quy định nơi công cộng:**

- Nêu được một số quy định cần tuân thủ ở nơi công cộng.

- Biết vì sao phải tuân thủ quy định nơi công cộng.

- Thực hiện được các hành vi phù hợp để tuân thủ quy định nơicông cộng.

- Đồng tình với những lời nói, hành động tuân thủ quy định nơi công cộng; không đồng tình với những lời nói, hành động vi phạm quy định nơi công cộng.

**B.KẾ HOẠCH DẠY HỌC:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, tháng** | **Chương trình và sách giáo khoa** | | | | **Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)**  *(Những điều chỉnh về nội dung, thời lượng, thiết bị dạy học và học liệu tham khảo; xây dựng chủ đề học tập, bổ sung tích hợp liên môn; thời gian và hình thức tổ chức…)* | **Ghi chú** |
| **Chủ đề/**  **Mạch nội dung** | **Tên bài học** | **Yêu cầu cần đạt** | **Tiết học/**  **thời lượng** |  |  |
| **HỌC KỲ 1** | | | | | | |
| 1 | **QUÝ TRỌNG THỜI GIAN** | Bài 1. Quý trọng  thời gian | - Nêu được một số biểu hiện của việc quý trọng thời gian.  - Biết vì sao phải quý trọng thời gian.  - Thực hiện được việc sử dụng thời gian hợp lí.  \* Năng lực:  - Tự chủ và tự học:Nhận ra được một số biểu hiện của quý trọng thời gian  - Năng lực điều chỉnh hành vi:Thể hiện được sự quý trọng thời gian, sử dụng thời gian hợp lí.  - Năng lực phát triển bản thân: Biết được vì sao phải quý trọng thời gian, sử dụng thời gian hợp lí  \* Phẩm chất:  - Chăm chỉ: Chủ động thực hiện được việc sử dụng thời gian một cách hợp lý và hiệu quả.  - Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn.  - Trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập, trong các hoạt động sinh hoạt của bản thân. | 1/ 35 phút |  |  |
| 2 | 2/ 35 phút |
| 3 | **NHẬN LỐI VÀ SỬA LỖI** | Bài 2: Nhận lỗi và  sửa lỗi | - Nêu được một số biểu hiện của nhận lỗi, sửa lỗi.  - Biết vì sao phải nhận lỗi, sửa lỗi.  - Thực hiện được việc nhận lỗi và sửa lỗi.  - Đồng tình với việc biết nhận lỗi và sửa lỗi; không đồng tình với việc không biết nhận lỗi, sửa lỗi.  - Năng lực:  *+* Năng lực tự chủ và tự học*:* Nhận ra được một số biểu hiện của biết nhận lỗi, sửa lỗi; lựa chọn và thực hiện được những hành động, lời nói thể hiện biết nhận lỗi, sửa lỗi.  + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*:* Đưa ra ý kiến và sắm vai để giải quyết tình huống thể hiện biết nhận lỗi, sửa lỗi.  +Năng lực điều chỉnh hành *vi:* Thực hiện được những lời nói, việc làm thể hiện biết nhận lỗi, sửa lỗi sau khi mắc lỗi.  *+* Nâng lực phát triển bản thân*:* Nêu hoặc thể hiện bằng ngôn ngữ, hành động để tỏ thái độ đổng tình với việc biết nhận lỗi, sửa lỗi; không đồng tình với việc không biết nhận lỗi, sửa lỗi.  - Phẩm chất:  + Trung thực: Biết nhận lỗi và sửa lỗi trong học tập, sinh hoạt.  + Trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập, trong các hoạt động sinh hoạt của bản thân.  +Chăm chỉ: Biết tích cực tham gia các công việc ở nhà và ở trường. | 1/ 35 phút |  |  |
| 4 | 2/35 phút |  |
| 5 | **BẢO QUẢN ĐỒ DÙNG CÁ NHÂN VÀ GIA ĐÌNH** | Bài 3: Bảo quản đồ dùng cá nhân | - Nêu được một số biểu hiện của việc biết bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình.  - Biết vì sao phải bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình.  - Thực hiện được việc bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình.  -Nhắc nhở bạn bè, người thân bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình.  - Nhận ra được một số biểu hiện của việc biết bảo quản đồ dùng cá nhân, gia đình; nêu được vì sao phải bảo quản đồ dùng cá nhân.  - Đưa ra ý kiến và sắm vai để giải quyết tình huống bảo quản đồ dùng cá nhân , gia đình đúng cách.  - Thực hiện được những việc làm để bảo quản đồ dùng cá nhân, gia đình tùy theo tính chất, công dụng cùa đồ dùng đó.  - Đồng tình với thái độ, hành vi biết bảo quản đồ dùng cá nhân, gia đình; không đồng tình với thái độ, hành vi không biết bảo quản đồ dùng cá nhân, gia đình.  - Năng lực:  *+* Năng lực tự chủ và tự học*:* Nhận ra được một số biểu hiện của việc biết bảo quản đồ dùng cá nhân, gia đình; nêu được vì sao phải bảo quản đồ dùng cá nhân, gia đình.  + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*:* Đưa ra ý kiến và sắm vai để giải quyết tình huống bảo quản đồ dùng cá nhân, gia đình đúng cách.  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được những việc làm để bảo quản đồ dùng cá nhân, gia đình tùy theo tính chất, công dụng của đồ dùng đó.  + Năng lực phát triển bản thân: Đồng tình với thái độ, hành vi biết bảo quản đồ dùng cá nhân, gia đình; không đồng tình với thái độ, hành vi không biết bảo quản đổ dùng cá nhân, gia đình.  - Phẩm chất:  *+* Trách nhiệm: thực hành tiết kiệm, chủ động thực hiện những việc làm để bảo quản đồ dùng cá nhân, gia đình.  + Chăm chỉ: Biết tích cực tham gia các công việc ở nhà và ở trường.  + Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn. | 1/ 35 phút |  |  |
| 6 | 2/ 35 phút |  |
| 7 | **Bài 4:** Bảo quản đồ dùng gia đình | 1/ 35 phút |  |  |
| 8 | 2/ 35 phút |  |
| 9 | **KÍNH TRỌNG THẦY GIÁO, CÔ GIÁO VÀ YÊU QUÝ BẠN BÈ** | Bài 5. Kính trọng thầy giáo, cô giáo | - Nêu được một số biểu hiện của sựkính trọng thầy giáo,cô giáo và yêu quý bạn bè.  - Thực hiện được hành động và lời nói thể hiện sự kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè.  - Sẵn sàng tham gia hoạt động phù hợp với lứa tuổi để giúp đỡ các bạn gặp khó khăn hoặc có hoàn cảnh không may mắn, các bạn ở vùng sâu vùng xa hoặc vùng bị thiệt hại vì thiên tai.   * Năng lực:   *+* Năng lực tự chủ và tự học*.* Nhận ra được một số biểu hiện của sự kính trọng thầy giáo, cô giáo; lựa chọn và thực hiện được những hành động, lời nói thể hiện sự kính trọng thầy giáo, cô giáo và bạn bè.  + Năng lực giỏi quyết vấn đề và sáng tạo*:* Đưa ra ý kiến và sắm vai để giải quyết tình huống thể hiện sự kính trọng thầy giáo, cô giáo và bạn bè.  + Năng lực điều chỉnh hành vi*:* Thực hiện được những lời nói, việc làm thể hiện sự kính trọng thầy giáo, cô giáo và bạn bè. i \*  *+* Năng lực phát triển bản thân*:Đồng* tình với thái độ, hành vi thể hiện sự kính trọng thầy giáo, cô giáo; không đồng tình với thái độ, hành vi không kính trọng thầy giáo, cô giáo, không yêu quý bạn bè.  - Phẩm chất:  + Nhân ái: Chủ động thực hiện những việc làm thể hiện sự yêu quý, kính trọng thầy giáo, cô giáo.  + Chăm chỉ: Biết tích cực tham gia các công việc ở nhà và ở trường.  + Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn.  + Trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập, trong các hoạt động sinh hoạt của bản thân. | 1/ 35 phút |  |  |
| 10 | 2/ 35 phút |  |
| 11 | Bài 6. Yêu quý bạn bè | 1/ 35 phút |  |  |
| 12 | Bài 7. Quan tâm, giúp đỡ bạn | 1/ 35 phút |  |  |
| 13 | Bài 8. Chia sẻ yêu thương | 1/ 35 phút |  |  |
| 14 | **THỂ HIỆN CẢM XÚC BẢN THÂN** | Bài 9. Những sắc màu cảm xúc | - Phân biệt được cảm xúc tích cực (thích, yêu, tự tin, vui vẻ, vui sướng, phấn khởi,...), cảm xúc tiêu cực (giận dữ, buồn chán, sợ hãi, tự ti, thất vọng,...).  - Biết được ảnh hưởng của cảm xúc tích cực, cảm xúc tiêu cực đối với bản thân và mọi người xung quanh.  - Biết kiềm chế các cảm xúc tiêu cực.  - Năng lực:  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Bước đầu biết điều chỉnh và thể hiện được cảm xúc phù hợp trong các tình huống khác nhau; phân biệt được cảm xúc tích cực (thích, yêu, tự tin, vui vẻ, vui sướng, phấn khởi,...), cảm xúc tiêu cực (giận dữ, buồn chán, sợ hãi, tự ti, thất vọng,...); nhận biết được ảnh hưởng của cảm xúc tích cực, cảm xúc tiêu cực đối với hành vi đạo đức của bản thân và mọi người.  + Năng lực tự chủ và tự học: Nhận ra được cảm xúc tiêu cực của bản thân, lựa chọn và thực hiện được những việc làm để làm chủ cảm xúc tiêu cực.  *+* Năng lực giỏi quyết vấn đề và sáng tạo: Đưa ra ý kiến và sắm vai để giải quyết tình huống; thực hiện các việc làm cần thiết để làm chủ được cảm xúc tiêu cực.  *+* Năng lực phát triển bản thân: Nêu được các bước làm chủ cảm xúc tiêu cực.  - Phẩm chất:  + Chăm chỉ: Tích cực tham gia các hoạt động học tập của nhóm, lớp  + Trung thực: Thật thà trong đánh giá bản thân và đánh giá bạn.  + Trách nhiệm: Thể hiện qua việc chủ động thực hiện những việc làm để làm chủ cảm xúc của bản thân | 1/ 35 phút |  |  |
| 15 | 2/ 35 phút |  |
| 16 | Bài 10. Kiềm chế cảm xúc tiêu cực | 1/ 35 phút |  |  |
| 17 | 2/ 35 phút |  |
| 18 |  | **Ôn tập** |  | 1/ 35 phút |  |  |
|  | | | | | | |
| 19 | **TÌM KIẾM SỰ HỖ TRỢ** | Bài 11. Tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường | -Nêu được một số tình huống cần tìm kiếm sự hỗ trợ.  - Biết vì sao phải tìm kiếm sự hỗ trợ.  - Biết tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết.  **-** Năng lực:  *+* Năng lực điều chỉnh hành vi: Nêu được một số tình huống cần tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác khi ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng; thực hiện được việc tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác khi ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng.  **-** Phẩm chất:  + Trách nhiệm: Biết tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường, nơi công cộng và nhắc nhở bạn bè, người thân tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết.  + Chăm chỉ: Biết chăm chỉ rèn luyện những hành vi chuẩn mực.  + Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn. | 1/ 35 phút |  |  |
| 20 | 2/ 35 phút |  |
| 21 | 3/ 35 phút |  |
| 22 | Bài 12. Tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nơi công cộng | 1/ 35 phút | GD ĐP CĐ 4:  Tích hợp bộ phận vào hoạt động chia sẻ: HS chia sẻ cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nơi công cộng- NDTH: Tích hợp vào hoạt động thực hành: Hình thành kỹ năng khi tham gia lễ hội. |  |
| 23 | 2/ 35 phút | GD ĐP CĐ 3:  Tích hợp bộ phận vào hoạt động vận dụng: Hình thành kỹ năng khi tham gia lễ hội: Tích hợp vào hoạt động: Chia sẻ với các bạn về cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn ở nơi công cộng |  |
| 24 | **QUÊ HƯƠNG EM** | Bài 13. Em yêu quê hương | - Nêu được địa chỉ của quê hương.  - Bước đầu nhận biết được vẻ đẹp của thiên nhiên và con người ở quê hương mình.  - Thực hiện được việc làm thiết thực, phù hợp với lứa tuổi thể hiện tình yêu quê hương: yêu thương gia đình; chăm sóc, bảo vệ vẻ đẹp thiên nhiên của quê hương; kính trọng, biết ơn những người có công với quê hương;…  - Năng lực:  + Năng lực tự chủ và tự học: Tự xác định và chủ động thực hiện những việc làm giữ gìn, bảo vệ cảnh quan phù hợp với khả năng của bản thân.  + Năng lực giao tiếp:Trao đổi, chia sẻ ý kiến với bạn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập. ^ I on,  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Nêu và thực hiện được những việc làm giữ gìn cảnh đẹp thiên nhiên ở quê hương.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoọt động kinh tế - xã hội: Quan sát, tìm hiểu về cảnh đẹp thiên nhiên quê hương; tham gia thực hiện các hoạt động, việc làm thiết thực, phù hợp với lứa tuổi để bảo vệ vẻ cảnh đẹp của quê hương.  - Phẩm chất:  + Yêu nước, nhân ái: Bước đầu nhận biết được vẻ đẹp của thiên nhiên và con người ở quê hương mình. Bồi dưỡng tình yêu quê hương: yêu thương gia đình; kính trọng, biết ơn người có công với quê hương  + Chăm chỉ: Biết chăm chỉ rèn luyện những hành vi chuẩn mực.  + Trách nhiệm: Chủ động thực hiện những việc làm giữ gìn, bảo vệ cảnh đẹp của quê hương. | 1/ 35 phút | \* GD ĐP CĐ3:  - Tích hợp vào hoạt động: Kiến tạo tri thức mới- HĐ1:Giới thiệu với bạn bè về quê hương em và nêu cảm nhận của em về quê hương.  - Tích hợp bộ phận vào hoạt động vận dụng:  *Sắm vai hướng dẫn viên để chia sẻ được thông tin, nét đẹp của lễ hội đến với bạn bè, người thân*  *\* GD ĐP CĐ 4:* Tích hợp bộ phận vào hoạt động: Kiến tạo tri thức mới (HĐ1: Giới thiệu với bạn về quê hương em). NDTH: Tích hợp vào hoạt động vận dụng:  Chia sẻ được thông tin, nét đẹp của lễ hội đến với bạn bè, người thân. (Hoạt động 1: Sắm vai hướng dẫn viên du lịch). |  |
| 25 | 2/ 35 phút |  |
| 26 | 3/ 35 phút |  |
| 27 | Bài 14. Giữ gìn cảnh đẹp quê hương | 1/ 35 phút | - GD ĐP CĐ 3, 4:  - Tích hợp bộ phận vào hoạt động: Kiến tạo tri thức mới- HĐ2: Nêu thêm những việc cần làm để chăm sóc, bảo vệ vẻ đẹp quê hương. |  |
| 28 | 2/ 35 phút | - GD ĐP CĐ3:  - Tích hợp bộ phận vào hoạt động vận dụng**:**  *Chia sẻ cảm nhận của em về nét đẹp của lễ hội đến với bạn bè, người thân:* |  |
| 29 | **TUÂN THỦ QUY ĐỊNH NƠI CÔNG CỘNG** | Bài 15. Thực hiện quy định nơi công cộng | - Nêu được một số quy định cần tuân thủ ở nơi công cộng.  - Biết vì sao phải tuân thủ quy định nơi công cộng.  - Thực hiện được các hành vi phù hợp để tuân thủ quy định nơicông cộng.  - Đồng tình với những lời nói, hành động tuân thủ quy định nơi công cộng; không đồng tình với những lời nói, hành động vi phạm quy định nơi công cộng.  - Năng lực:  + Nhận biết chuẩn mực hành vi: Nhận biết được một số chuẩn mực hành vi đạo đức, nêu được một số quy định cẩn tuân thủ ở nơi công cộng; nhận biết được sự cẩn thiết phải tuân thủ quy định nơi công cộng.  + Đánh giá hành vi của bản thân và người khác thể hiện được thái độ đổng tình với những lời nói, hành vi tuân thủ quy định nơi công cộng; không đồng tình với những lời nói, hành vi vi phạm quy định nơi công cộng.  + Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được các hành vi phù hợp để tuân thủ quy định nơi công cộng; nhắc nhở bạn bè cùng tuân thủ các quy định nơi công cộng.  - Phẩm chất:  + Chăm chỉ: Biết chăm chỉ rèn luyện những hành vi chuẩn mực.  *+ Trách nhiệm:* Thể hiện trách nhiệm của bản thân khi thực hiện các quy định nơi công cộng. | 1/ 35 phút |  |  |
| 30 | 2/ 35 phút |  |  |
| 31 | 3/35 phút |  |  |
| 32 | 4/ 35 phút |  |  |
| 33 |  | **Ôn tập** |  | 1/ 35 phút |  |  |
| 34 | 2/ 35 phút |  |
| 35 | 3/ 35 phút |  |

**MÔN TỰ NHIÊN XÃ HỘI**

Mỗi tuần:2 tiết x 35 tuần = 70 tiết

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA MÔN HỌC:**

1. Gia đình:

1.2. Các thế hệ trong gia đình

-Nêu được các thành viên trong gia đình hai thế hệ, ba thế hệ và (hoặc) bốn thế hệ.

-Vẽ, viết hoặc cắt dán ảnh gia đình có hai thế hệ, ba thế hệ vào sơ đồ cho trước.

- Nói được sự cần thiết của việc chia sẻ, dành thời gian quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau giữa các thế hệ trong gia đình.

- Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc yêu thương của bản thân với các thế hệ trong gia đình.

1.2. Nghề nghiệp của người lớn trong gia đình

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu thông tin về tên công việc, nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình và ý nghĩa của những công việc, nghề nghiệp đó đối với gia đình và xã hội.

-Thu thập được một số thông tin về những công việc, nghề có thu nhập, những công việc tình nguyện không nhận lương.

- Chia sẻ được với các bạn, người thân về công việc, nghề nghiệp yêu thích sau này.

1.3. Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà

- Kể được tên một số đồ dùng và thức ăn, đồ uống nếu không được cất giữ, bảo quản cẩn thận có thể gây ngộ độc.

-Thu thập được thông tin về một số lí do gây ngộ độc qua đường ăn uống.

-Đề xuất được những việc bản thân và các thành viên trong gia đình có thể làm để phòng tránh ngộ độc.

- Đưa ra được cách xử lí tình huống khi bản thân hoặc người nhà bị ngộ độc.

1.4. Giữ vệ sinh nhà ở

- Giải thích được tại sao phải giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh).

- Làm được một số việc phù hợp để giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh).

2. Trường học

2.1. Một số sự kiện thường được tổ chức ở trường học

-Nêu được tên, một số hoạt động và ý nghĩa của một đến hai sự kiện thường được tổ chức ở trường (ví dụ: lễ khai giảng; văn nghệ đầu tuần; ngày kỉ niệm 20/11, 8/3; hội chợ xuân, hội chợ sách,...).

- Nhận xét được về sự tham gia của học sinh trong những sự kiện đó và chia sẻ cảm nhận của bản thân

2.2. An toàn khi tham gia một số hoạt động ở trường và giữ vệ sinh trường học

- Xác định được một số tình huống nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra trong khi tham gia những hoạt động ở trường và cách phòng tránh.

- Thực hiện được việc giữ vệ sinh khi tham gia một số hoạt động ở trường.

3. Cộng đồng địa phương

3.1. Hoạt động mua bán hàng hoá

- Kể được tên một số hàng hoá cần thiết cho cuộc sống hằng ngày.

- Nêu được cách mua, bán hàng hoá trong cửa hàng, chợ, siêu thị hoặc trung tâm thương mại.

-Nêu được lí do vì sao phải lựa chọn hàng hoá trước khi mua.

Thực hành (theo tình huống giả định) lựa chọn hàng hoá phù hợp về giá cả và chất lượng.

3.2. Hoạt động giao thông

- Kể được tên các loại đường giao thông.

-Nêu được một số phương tiện giao thông và tiện ích của chúng.

- Phân biệt được một số loại biển báo giao thông (biển báo chỉ dẫn; biển báo cấm; biển báo nguy hiểm) qua hình ảnh.

- Giải thích được sự cần thiết phải tuân theo quy định của các biển báo giao thông.

- Nêu được quy định khi đi trên một số phương tiện giao thông (ví dụ: xe máy, xe buýt, đò, thuyền,...) và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.

4. Thực vật và động vật:

4.1.Môi trường sống của thực vật và động vật

- Đặt và trả lời được câu hỏi về nơi sống của thực vật và động vật thông qua quan sát thực tế, tranh ảnh và (hoặc) video.

- Nêu được tên và nơi sống của một số thực vật, động vật xung quanh.

- Phân loại được thực vật, động vật theo môi trường sống.

- Tìm hiểu, điều tra một số thực vật và động vật có ở xung quanh và mô tả được môi trường sống của chúng.

4.2. Bảo vệ môi trường sống của thực vật, động vật

Thu thập được thông tin về một số việc làm của con người có thể làm thay đổi môi trường sống của thực vật, động vật.

Giải thích được ở mức độ đơn giản sự cần thiết phải bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.

- Nêu được những việc có thể làm để bảo vệ, hạn chế sự thay đổi môi trường sống của thực vật, động vật và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.

4.3. Động vật, thực vât quanh em

-Tìm hiểu và điều tra được một số động vật, thực vật xung quanh.

- Mô tả được một số động vật, thực vật xung quanh.

- Tim hiểu những việc làm của người dân tác đông đến môi trường động vật, thực vật.

- Yêu quý động vật, thực vật.

5. Con người và sức khỏe

5.1. Một số cơ quan bên trong cơ thể: vận động, hô hấp, bài tiết nước tiểu

- Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của các cơ quan vận động, hô hấp và bài tiết nước tiểu trên sơ đồ, tranh ảnh.

- Nhận biết được chức năng của các cơ quan nêu trên ở mức độ đơn giản ban đầu qua hoạt động hằng ngày của bản thân (ví dụ: nhận biết chức năng của xương và cơ qua hoạt động vận động; chức năng của cơ quan hô hấp qua hoạt động thở ra và hít vào; chức năng của cơ quan bài tiết qua việc thải ra nước tiểu).

5.2. Chăm sóc, bảo vệ các cơ quan trong cơ thể

- Nhận biết và thực hiện được đi, đứng, ngồi, mang cặp đúng tư thế để phòng tránh cong vẹo cột sống.

- Nêu được sự cần thiết và thực hiện được việc hít vào, thở ra đúng cách và tránh xa nơi có khói bụi để bảo vệ cơ quan hô hấp.

- Nêu được sự cần thiết và thực hiện được việc uống đủ nước, không nhịn tiểu để phòng tránh bệnh sỏi thận.

6. Trái đất và bầu trời

6.1. Các mùa trong năm

- Nêu được tên và một số đặc điểm của các mùa trong năm (ví dụ: mùa xuân, mùa hè, mùa thu, mùa đông; mùa mưa và mùa khô).

- Lựa chọn được trang phục phù hợp theo mùa để giữ cơ thể khoẻ mạnh.

6.2. Một số thiên tai thường gặp

- Nhận biết và mô tả được một số hiện tượng thiên tai (ví dụ: bão, lũ, lụt, giông sét, hạn hán,...) ở mức độ đơn giản.

- Nêu được một số rủi ro dẫn đến các thiệt hại về tính mạng con người và tài sản do thiên tai gây ra.

- Đưa ra được một số ví dụ về thiệt hại tính mạng con người và tài sản do thiên tai gây ra.

- Nêu và luyện tập được một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai thường xảy ra ở địa phương.

- Chia sẻ với những người xung quanh và cùng thực hiện phòng tránh rủi ro thiên tai.

1. **KẾ HOẠCH DẠY HỌC:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, tháng** | **Chương trình và sách giáo khoa** | | | | | **Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)**  *(Những điều chỉnh về nội dung, thời lượng, thiết bị dạy học và học liệu tham khảo; xây dựng chủ đề học tập, bổ sung tích hợp liên môn; thời gian và hình thức tổ chức…)* | **Ghi chú** |
| **Chủ đề/**  **Mạch nội dung** | **Tên bài học** | **Yêu cầu cần đạt** | **Tiết học/**  **thời lượng** | |  |  |
| **HỌC KÌ 1** | | | | | | | |
| 1 | **GIA ĐÌNH** | Bài 1: Các thế hệ trong gia đình | -Nêu được các thành viên trong gia đình hai thế hệ, ba thế hệ và (hoặc) bốn thế hệ.  -Vẽ, viết hoặc cắt dán ảnh gia đình có hai thế hệ, ba thế hệ vào sơ đồ cho trước.  - Nói được sự cần thiết của việc chia sẻ, dành thời gian quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau giữa các thế hệ trong gia đình.  - Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc yêu thương của bản thân với các thế hệ trong gia đình.  \* Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  \* Năng lực đặc thù:  - Nhận thức khoa học: Nêu và nhận biết ở mức độ cơ bản về mối quan hệ giũa các thế hệ trong một gia đình.  - Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh: Đặt được các câu hỏi đơn giàn về mối quan hệ giũa các thế hệ  - Vận dụng kiến thức, kỹ năng đả học :Biết quan tâm, chăm sóc, yêu thương bản thân và các thế hệ trong gia đình.  \* Phẩm chất:  - Nhân ái: Biết yêu thương, quan tâm, giúp đỡ người thân trong gia đình.  - Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn.  - Trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập , trong các hoạt động sinh hoạt của gia đình. | 1/ 35 phút | |  |  |
| Bài 1: Các thế hệ trong gia đình | 2/ 35 phút | |
| 2 | Bài 1: Các thế hệ trong gia đình | 3/ 35 phút | |
| Bài 2: Nghề nghiệp của người thân trong gia đình | - Đặt được câu hỏi để tìm hiểu thông tin về tên công việc, nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình và ý nghĩa của những công việc, nghề nghiệp đó đối với gia đình và xã hội.  -Thu thập được một số thông tin về những công việc, nghề có thu nhập, những công việc tình nguyện không nhận lương.  - Chia sẻ được với các bạn, người thân về công việc, nghề nghiệp yêu thích sau này.  \* Năng lực khoa học:  ***- Nhận thức khoa học:***Kể tên và nêu được ý nghĩa của một số nghề của những người trong gia đình.  ***- Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh:***Nhận biết được đặc điểm của những nghề có thu nhập và những công việc tình nguyện.  ***- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đả học :***Biết chia sẻ công việc với người thân và nghề nghiệp yêu thích trong tương lai. | 1/ 35 phút | |  |
| 3 | Bài 2: Nghề nghiệp của người thân trong gia đình | 2/ 35 phút | |  |
| Bài 3: Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà | - Kể được tên một số đồ dùng và thức ăn, đồ uống nếu không được cất giữ, bảo quản cẩn thận có thể gây ngộ độc.  -Thu thập được thông tin về một số lí do gây ngộ độc qua đường ăn uống.  -Đề xuất được những việc bản thân và các thành viên trong gia đình có thể làm để phòng tránh ngộ độc.  - Đưa ra được cách xử lí tình huống khi  bản thân hoặc người nhà bị ngộ độc.  \* Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  \* Năng lực đặc thù:  *- Nhận thức khoa học:*Kể tên và nêu được một số thức ăn có thể gây ngộ độc.  *- Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh:*Thu thập được những thông tin về lí do thường gặp gây nên ngộ độc trong ăn uống.  *- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học :*Biết đề xuất và đưa ra cách xử lí khi bản thân hoặc người thân bị ngộ độc.  \* Phẩm chất:  - Chăm chỉ: Yêu thích lao động.  - Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn.  - Trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập , trong lao động. | 1/ 35 phút | |  |
| 4 | Bài 3: Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà | 2/ 35 phút | |  |
| Bài 4: Giữ vệ sinh nhà ở | - Giải thích được tại sao phải giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh).  - Làm được một số việc phù hợp để giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh).  \* Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  \* Năng lực đặc thù:  *- Nhận thức khoa học:*Biết được vì sao phải giữ vệ sinh nhà ở.  *- Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh:*Hiểu được việc giữ sạch vệ sinh nhà ở có ích lợi như thế nào đối với sức khỏe bản thân và gia đình.  *- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đả học :*Biết làm được một số việc phù hợp để giữ sạch nhà ở.  \* Phẩm chất:  - Chăm chỉ: Thường xuyên tham gia các công việc giữ vệ sinh nhà ở.  - Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn.  - Trách nhiệm: Có ý thức tự giác giữ gìn vệ sinh nhà ở. | 1/ 35 phút | |  |
| 5 | Bài 4: Giữ vệ sinh nhà ở | 2/ 35 phút | |
| Bài 5: Ôn tập chủ đề Gia đình | - Chia sẻ về các ứiế hệ ừong gia đìnli của minh.  - Liên liệ về nliững việc đã làm để giữ vệ sinh nhà ở.  - Ứng xử phù họp liên quan đến an toàn khi ở nhà.  - Hệ thống lại nội dung kiến thức về nghề nghiệp.  *\* Năng lực chung:* Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  *\* Năng lực đặc thù:* Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương của bản thân với các thế hệ trong gia đình.  \* Phẩm chất  - Chăm chỉ: Biết yêu thương, quan tâm, giúp đỡ người thân trong gia đình.  - Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn.  - Trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập , trong các hoạt động sinh hoạt của gia đình. | 1/ 35 phút | |  |
| 6 | Bài 5: Ôn tập chủ đề Gia đình | 2/ 35 phút | |
| **TRƯỜNG HỌC** | Bài 6: Một số sự kiện ở trường em | -Nêu được tên, một số hoạt động và ý nghĩa của một đến hai sự kiện thường được tổ chức ở trường (ví dụ: lễ khai giảng; văn nghệ đầu tuần; ngày kỉ niệm 20/11, 8/3; hội chợ xuân, hội chợ sách,...).  - Nhận xét được về sự tham gia của học sinh trong những sự kiện đó và chia sẻ cảm nhận của bản thân.  *\* Năng lực chung:* Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  \* Năng lực đặc thù:  *- Nhận thức khoa học:*Biết được tên và ý nghĩa những ngày lễ của trường.  *- Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh:*Hiểu được những việc cần làm trong các ngày lễ của trường.  *- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:* Tham gia tích cực và nêu được cảm nhận của bản thân.  \*Phẩm chất  - Chăm chỉ: Tích cực tham gia các sự kiện, hoạt động của trường.  - Trách nhiệm: Có ý thức nghiêm túc, trật tự, giữ gìn vệ sinh khi tham gia các sự kiện của trường. | 1/ 35 phút | |  |  |
| 7 | Bài 7: Ngày nhà giáo Việt Nam | - Nêu được tên, một số hoạt động và ý nghĩa của ngày Nhà giáo Việt Nam.  - Chia sẻ cảm nhận của bản thân về ngày Nhà giáo Việt Nam.  - Biết cách thể hiện lòng biết ơn thầy cô giáo.  - Thực hiện giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường. \* Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  \* Năng lực đặc thù:  - Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương của bản thân với thầy cô giáo  \* Phẩm chất:  - Nhân ái: Biết yêu thương, kính trọng thầy cô giáo.  - Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn.  - Trách nhiệm: Có ý thức tự giác giữ gìn vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường. | 1/ 35 phút | |  |  |
| Bài 7: Ngày nhà giáo Việt Nam | 2/ 35 phút | |  |  |
| 8 | Bài 8: An toàn và giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường | - Xác định được một số tình huống nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra trong khi tham gia những hoạt động ở trường và cách phòng tránh.  - Thực hiện được việc giữ vệ sinh khi tham gia một số hoạt động ở trường.  \* Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  \* Năng lực đặc thù:  *Nhận thức khoa học:*Biết được một số tình huống nguy hiểm thường xảy ra khi ở trường và cách phòng chống.  *- Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh:*Nhận biết được những tình huống nguy hiểm có thể xảy ra và đưa ra cách phòng chống.  *- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đả học :*Biết làm được một số việc phù hợp để giữ an toàn và vệ sinh trường học.  \* Phẩm chất:  - Chăm chỉ: thường xuyên tham gia các công việc giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường.  - Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn.  - Trách nhiệm: Có ý thức giữ an toàn cho bản thân và người khác trong khi tham gia các hoạt động ở trường. | 1/ 35 phút | |  |  |
| Bài 8: An toàn và giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường | 2/ 35 phút | |  |  |
| 9 | Bài 8: An toàn và giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường (tt) | 3/ 35 phút | |  |  |
| Bài 8: An toàn và giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường | 4/ 35 phút | |  |  |
| 10 | Bài 9: Ôn tập chủ đề Trường học | * Giới thiệu những sản phẩm, những việc đã làm để chúc mùng thầy cô nhân ngày Nhà giáo Việt Nam. * Chia sẻ những việc em đã làm để đảm bảo an toàn và giữ gìn vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường. * Biết cách ứng xử khi gặp các tình huống nguy hiểm, rủi ro ở trường học.   *\*Năng lực chung:* Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  *\* Năng lực đặc thù:* Thể hiện được sự quan tâm, yêu thương của bản thân với trường lớp.  \* Phẩm chất:  - Nhân ái: Yêu quý bạn bè, thầy cô; quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè khi đến trường  -Chăm chỉ: Thường xuyên tham gia các công việc của trường lớp cộng đồng vừa sức với bản thân.  - Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình.  **-** Trách nhiệm:  + Tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và các quy định, quy ước của tập thể; giữ vệ sinh chung; bảo vệ của công.  + Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp.  + Có ý thức giữ vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi. | 1/ 35 phút | |  |  |
| Bài 9: Ôn tập chủ đề Trường học | 2/ 35 phút | |  |
| 11 | **CỘNG ĐỒNG**  **ĐỊA PHƯƠNG** | Bài 10: Đường giao thông | - Kể được tên các loại đường giao thông.  - Nên được một số phương tiện giao thông và tiện ích của chúng.  *\*Năng lực chung:* Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  \* Năng lực đặc thù:  - Nhận thức khoa học Kể được tên các loại đường giao thông và một số phương tiện giao thông và tiện ích của chúng.  - Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh: Phân biệt được một số loại biển báo giao thông và giải thích được sự cần thiết phải tuân theo quy định của các biển báo giao thông.  \* Phẩm chất:  - Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày  - Trung thực: ghi nhận kết quả việc làm của mình một cách trung thực, trình bày chính xác nội dung thảo luận.  - Trách nhiệm: ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc tham gia giao thông và chấp hành luật lệ an toàn giao thông. | 1/ 35 phút | |  |  |
| Bài 10: Đường giao thông | 2/ 35 phút | |  |
| 12 | Bài 11: Tham gia giao thông an toàn | - Phân biệt được một số loại biển báo giao thông.  - Giải thích được sự cần thiết phải tuân theo quy định của các biển báo giao thông.  - Thực hiện quy định khi đi trên một số phương tiện giao thông.  *\*Năng lực chung:* Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  \* Năng lực đặc thù:  *- Nhận thức khoa học* Kể được tên các loại đường giao thông và một số phương tiện giao thông và tiện ích của chúng.  *- Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh:*Phân biệt được một số loại biển báo giao thông và giải thích được sự cần thiết phải tuân theo quy định của các biển báo giao thông.  *- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đả học :*Nêu được quy định khi đi trên một số phương tiện giao thông và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.  \* Phẩm chất:  - Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày  - Trung thực: ghi nhận kết quả việc làm của mình một cách trung thực, trình bày chính xác nội dung thảo luận.  - Trách nhiệm: ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc tham gia giao thông và chấp hành luật lệ an toàn giao thông. | 1/ 35 phút | |  |  |
| Bài 11: Tham gia giao thông an toàn | 2/ 35 phút | |  |
| 13 | Bài 11: Tham gia giao thông an toàn (tt) | 3/ 35 phút | |  |
| Bài 11: Tham gia giao thông an toàn | 4/ 35 phút | |  |
| 14 | Bài 12: Hoạt động mua bán hàng hoá | - Kể được tên một số hàng hoá cần thiết cho cuộc sống hằng ngày.  - Nêu được cách mua, bán hàng hoá trong cửa hàng, chợ, siêu thị hoặc trung tâm thương mại.  -Nêu được lí do vì sao phải lựa chọn hàng hoá trước khi mua.  - Thực hành (theo tình huống giả định) lựa chọn hàng hoá phù hợp về giá cả và chất lượng.  \* *Năng lực chung:* Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.  \* Năng lực đặc thù:  *- Nhận thức khoa học:*Kể được tên một số hàng hoá cần thiết cho cuộc sống hằng ngày.  *- Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh:*Nêu được cách mua, bán hàng hoá trong cửa hàng, chợ, siêu thị hoặc trung tâm thương mại.  *- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đả học :*Biết lựa chọn hàng hoá phù hợp về giá cả và chất lượng.  \* Phẩm chất:  - Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày  - Trung thực: ghi nhận kết quả việc làm của mình một cách trung thực, trình bày chính xác nội dung thảo luận.  - Trách nhiệm: ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc lụa chọn mua bán hàng hóa đảm bảo về giá cả và chất lượng. | 1/ 35 phút | |  |  |
| Bài 12: Hoạt động mua bán hàng hoá | 2/ 35 phút | |  |
| 15 | Bài 12: Hoạt động mua bán hàng hoá | 3/ 35 phút | |  |
| Bài 12: Hoạt động mua bán hàng hoá | 4/ 35 phút | |  |
| 16 | Bài 13: Ôn tập chủ đề Cộng đồng địa phương | - Liên hệ được các hàng hoá cần thiết cho cuộc sống hằng ngày.  - Thực hiện ứng xử thể liiện cách mua bán hàng hoá ở chợ, siêu thị, trung tâm thương mại.  - Liên hệ được các phương tiện giao thông và tiện ích của chúng.  - Ứng xử một số tình huống thể hiện an toàn khi tham gia các phương tiện giao thông.  \* Năng lực chung;  - Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  \* Năng lực đặc thù.  - Liên hệ được các hàng hóa cần thiết cho cuộc sống hằng ngày.  - Thực hiện ứng xử có thể thực hiện cách mua bán hàng hóa ở chợ, siêu thị, trung tâm thương mại.  \* Phẩm chất:  - Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày  - Trung thực: ghi nhận kết quả việc làm của mình một cách trung thực, trình bày chính xác nội dung thảo luận.  - Trách nhiệm: ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện tốt hoạt động mua bán hàng hóa để tiết kiệm tiền của. | 1/ 35 phút | |  |  |
| Bài 13: Ôn tập chủ đề Cộng đồng địa phương | 2/ 35 phút | |  |
| 17 | **ĐỘNG VẬT VÀ THỰC VẬT** | Bài 14 : Thực vật sống ở đâu | - Đặt và trả lời được câu hỏi về nơi sống của thực vật.  - Nêu được tên và noi sống của một số thực vật xung quanh.  - Phân loại được thực vật theo môi trường sống.  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  \* Năng lực đặc thù:  *- Nhận thức khoa học*: Đặt và trả lời được câu hỏi về nơi sống của thực vật thông qua quan sát. Nêu được tên và nơi sống của một số thực vật xung quanh.  *- Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh:*Phân loại được thực vật theo môi trường sống.  *- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đả học :*Mô tả được môi trường sống của một số thực vật có ở xung quanh.  \* Phẩm chất:  - Yêu nước: Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên.  - Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.  - Trung thực: ghi nhận kết quả việc làm của mình một cách trung thực, trình bày chính xác nội dung thảo luận.  - Trách nhiệm:  + Không đồng tình với những hành vi xâm hại thiên nhiên.  + Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh.  + Có ý thức giữ vệ sinh môi trường không xả rác bừa bãi. | 1/ 35 phút | |  |  |
| Bài 14 : Thực vật sống ở đâu | 2/ 35 phút | |  |
| 18 | Bài 15: Động vật sống ở đâu? | - Đặt và trả lời được câu hỏi về nơi sống của động vật.  - Nêu được tên và noi sống của một số động vật xung quanh.  - Phân loại được động vật theo môi trường sống.  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  \* Năng lực đặc thù:  *- Nhận thức khoa học*: Đặt và trả lời được câu hỏi về nơi sống của động vật thông qua quan sát. Nêu được tên và nơi sống của một số, động vật xung quanh.  *- Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh:*Phân loại được động vật theo môi trường sống.  *- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đả học :*Mô tả được môi trường sống của một số động vật có ở xung quanh.  \* Phẩm chất:  - Yêu nước: Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên.  - Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.  - Trung thực: ghi nhận kết quả việc làm của mình một cách trung thực, trình bày chính xác nội dung thảo luận.  - Trách nhiệm:  + Không đồng tình với những hành vi xâm hại thiên nhiên.  + Có ý thức chăm sóc, bảo vệ các con vật có ích.  + Có ý thức giữ vệ sinh môi trường không xả rác bừa bãi. | 1/ 35 phút | |  |
| Bài 15: Động vật sống ở đâu? | 2/ 35 phút | |  |
| 19 | **HỌC KÌ 2** | | | | | |
| Bài 16: Bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật | * Thu thập được thông tin về một số việc làm của con người có thể làm thay đổi môi trường sống của thực vật và động vật. * Giải thích được ở mức độ đơn giản sự cần thiết phải bảo vệ môi trường sống của ứiực vật và động vật. * Nêu được những việc có thể làm để bảo vệ, hạn chế sự thay đổi môi trường sống của thực vật, động vật và chia sẻ với những người xung quanh cìmg thực hiện.   \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  \* Năng lực khoa học:  *Nhận thức khoa học*: Thu thập được thông tin về một số việc làm của con người có thể làm thay đổi môi trường sống của thực vật, động vật.  *- Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh:*Nêu được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.  *- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đả học :*Nêu được những việc có thể làm để bảo vệ môi trường sống của thực vật, động vật và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.  \* Phẩm chất:  - Yêu nước: Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên.  - Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.  - Trung thực: ghi nhận kết quả việc làm của mình một cách trung thực, trình bày chính xác nội dung thảo luận.  - Trách nhiệm:  + Không đồng tình với những hành vi xâm hại thiên nhiên.  + Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích.  + Có ý thức giữ vệ sinh môi trường không xả rác bừa bãi. | | 1/ 35 phút |  |  |
| Bài 16: Bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật | 2/ 35 phút |  |
| 20 | Bài 16: Bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật | 3/ 35 phút |  |
| Bài 17: Thực hành tìm hiểu môi trường sống của thực vật và động vật | - Tìm hiểu, điều tra một số thực vật và động vật có ở xung quanh và mô tả môi trường sống của chúng.  - Có ý thức bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  \* Năng lực khoa học:  *- Nhận thức khoa học*: Tìm hiểu và mô tả được một số động vật, thực vật xung quanh.  *- Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh:*Tim hiểu những việc làm của người dân tác đông đến môi trường động vật, thực vật.  *- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đả học :*Yêu quý động vật, thực vật.  \* Phẩm chất:  - Chăm chỉ: Biết chăm sóc, yêu thương vật nuôi trong gia đình.  - Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn.  - Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật | | 1/ 35 phút |  |  |
| 21 | Bài 17: Thực hành tìm hiểu môi trường sống của thực vật và động vật (tt) | 2/ 35 phút |  |
| Bài 17: Thực hành tìm hiểu môi trường sống của thực vật và động vật | 3/ 35 phút |  |
| 22 | Bài 17: Thực hành tìm hiểu môi trường sống của thực vật và động vật (tt) | 4/ 35 phút |  |
| Bài 18: Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật | - Củng cố một số kiến thức của chủ đề Thực vật và động vật.  - Bày tỏ được thái độ trước những việc làm của con người gây hại cho môi trường sống của thực vật và động vật.  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  \* Năng lực đặc thù:  *- Nhận thức khoa học*: Củng cố một số kiến ​​thức của chủ để Thực vật và động vật.  *- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học :* Bày tỏ được thái độ trước những việc làm của con người gây hại cho môi trường sống của thực vật và động vật.  \* Phẩm chất:  - Chăm chỉ: Biết chăm sóc, yêu thương vật nuôi trong gia đình.  - Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn.  - Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật | | 1/ 35 phút |  |  |
| 23 | Bài 18: Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật | 2/ 35 phút |  |
| **CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE** | Bài 19: Cơ quan vận động | - Chí và nói được tên các bộ phậii chính của cơ quan vận động trên sơ đồ, tranh ảnh.  - Nhận biết được chức năng của cơ quan vậii động ở mức độ đơn giản ban đần qua hoạt động hằng ngày của bản thân.  - Đưa ra được dự đoán điều gì sẽ xảy ra với cơ thể mỗi người nếu cơ quan vận động không hoạt động.  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  \* Năng lực đặc thù:  *-Nhận thức khoa học*: Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của các cơ quan vận động trên sơ đồ, tranh ảnh.  *- Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh:*Nhận biết được chức năng của các cơ quan nêu trên thông qua hoạt động hằng ngày của bản thân  *- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đả học :*Biết vận động hợp lí.  \* Phẩm chất:  - Chăm chỉ: Biết quan tâm, chăm sóc cơ quan vận động.  - Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn.  - Trách nhiệm: Biết quý trọng cơ thể | | 1/ 35 phút |  |  |
| 24 | Bài 19: Cơ quan vận động | 2/ 35 phút |  |
| Bài 20: Chăm sóc và bảo vệ cơ quan vận động | - Nêu được một số việc nên làm để bảo vệ xương và cơ.  - Nhận biết và thực liiện được đi, đứng, ngồi, mang cặp đúng tư thế để phòng tránh cong vẹo cột sống.  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  \* Năng lực đặc thù:  *- Nhận thức khoa học*: Nhận biết và thực hiện được đi, đứng, ngồi, mang cặp đúng tư thế để phòng tránh cong vẹo cột sống  \* Phẩm chất:  - Chăm chỉ: Biết quan tâm, chăm sóc cơ quan vận động.  - Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn.  - Trách nhiệm: Biết yêu thương và chăm sóc bản thân | | 1/ 35 phút |  |  |
| 25 | Bài 20: Chăm sóc và bảo vệ cơ quan vận động | 2/ 35 phút |  |
| Bài 21: Cơ quan hô hấp | - Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của cơ quan hô hấp trên sơ đồ, tranh ảnh.  - Nhận biết được chức năng của cơ quail hô hấp ở mức độ đoii giản ban đầu qua hoạt động hằng ngày của bản thân.  - Đưa ra được dự đoán điểu gì sẽ xảy ra với cơ thể mỗi người nếu cơ quan hô hấp không hoạt động.  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  \* Năng lực đặc thù:  *-Nhận thức khoa học*: Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của cơ quan hô hấp trên sơ đồ, tranh ảnh.  *- Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh:*Nhận biết được chức năng của cơ quan nêu trên thông qua hoạt động hằng ngày của bản thân  *- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đả học :*Biết tập hít thở đúng  \* Phẩm chất:  - Chăm chỉ: Biết quan tâm, chăm sóc cơ quan hô hấp.  - Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn.  - Yêu nước, trách nhiệm: Yêu con người và có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh chung, vệ sinh cá nhân. | | 1/ 35 phút |  |  |
| 26 | Bài 21: Cơ quan hô hấp | 2/ 35 phút |  |
| Bài 22: Chăm sóc và bảo vệ cơ quan hô hấp | - Phân biệt được một số việc nên làm và không nên làm để bảo vệ cơ quan hô hấp.  - Nêu được sự cần thiết và thực hiện được hít vào, thở ra đúng cách và tránh xa nơi có khói bụi để bảo vệ cơ quan hô hấp. \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  \* Năng lực đặc thù:  *- Nhận thức khoa học*: Phân biệt được một số việc nên làm và không nên làm để bảo vệ cơ quan hô hấp.  *- Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh:* Nêu được sự cần thiết và thực hiện được hít vào, thở ra đúng cách và tránh xa nơi có khói bụi để bảo vệ cơ quan hô hấp.  *- Vân dụng kiến thức kĩ năng đã học: C*ó trách nhiệm giữ gìn vệ sinh chung để không khí trong lành là bảo vệ được các cơ quan hô hấp của chúng ta..  \* Phẩm chất:  - Chăm chỉ: Biết quan tâm, chăm sóc cơ quan hô hấp.  - Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn.  - Yêu nước, trách nhiệm: Yêu con người và có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh chung, vệ sinh cá nhân. | | 1/ 35 phút |  |  |
| 27 | Bài 22: Chăm sóc và bảo vệ cơ quan hô hấp | 2/ 35 phút |  |
| Bài 23: Cơ quan bài tiết nước tiểu | - Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của cơ quan bài tiết nước tiểu trên sơ đồ, tranh ảnh.  - Nhận biết được chức năng của cơ quan bài tiết nước tiểu ở mức độ đơn giản ban đầu qua hoạt động hằng ngày của bản thân.  - Đưa ra được dự đoán điều gì sẽ xảy ra với cơ thể mỗi ngưòi nếu cơ quan bài tiết nước tiểu không hoạt động.  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  \* Năng lực đặc thù:  *-Nhận thức khoa học*: Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của cơ quan v bài tiết nước tiểu trên sơ đồ, tranh ảnh.  *- Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh:*Nhận biết được chức năng của các cơ quan nêu trên thông qua hoạt động hằng ngày của bản thân  *- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đả học :*Biết đi tiểu đúng lúc.  \* Phẩm chất:  - Chăm chỉ: Có ý thức giữ gìn bảo vệ sức khoẻ của bản thân..  - Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn.  - Yêu nước, trách nhiệm: Hiểu được trách nhiệm của bản thân trong việc tự giữ gìn bảo vệ sức khoẻ cho mình. | | 1/ 35 phút |  |  |
| 28 | Bài 23: Cơ quan bài tiết nước tiểu | 2/ 35 phút |  |
| Bài 24: Chăm sóc và bảo vệ cơ quan bài tiết nước tiểu | - Nêu được một số bệnh thường gặp ở cơ quan bài tiết nước tiểu.  - Nêu được sự cần thiết và thực hiện được việc uống đủ nước, không nhịn tiểu để phòng tránh bênli sỏi thận.  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  \* Năng lực đặc thù:  *- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đả học :*Biết được việc uống đủ nước, không nhịn tiểu để phòng tránh bệnh sỏi thận.  \* Phẩm chất:  - Trách nhiệm: có ý thức giữ vệ sinh cá nhân, thực hiện các quy tắc bảo vệ sức khỏe và an toàn cho bản thân. | | 1/ 35 phút |  |  |
| 29 | Bài 24: Chăm sóc và bảo vệ cơ quan bài tiết nước tiểu | 2/ 35 phút |  |
| Bài 25: Ôn tập chủ đề Con người và Sức khỏe | - Củng cố và đánh giá được một số kiến thức của chủ đề Con người và sức klioẻ.  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo   1. \* Phẩm chất:   - Trung thực: ghi nhận kết quả việc làm của mình một cách trung thực, trình bày chính xác nội dung thảo luận.  - Trách nhiệm: ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện tốt hoạt động bảo vệ các cơ quan của cơ thể nhằm giữ sức khỏe tốt. | | 1/ 35 phút |  |  |
| 30 | Bài 25: Ôn tập chủ đề Con người và Sức khỏe | 2/35 phút |  |
| Bài 25: Ôn tập chủ đề Con người và Sức khỏe | 3/ 35 phút |  |
| 31 | **TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI** | Bài 26: Các mùa trong năm | - Nêu được tên và một số đặc điểm của các mùa trong năm (ví dụ: mùa xuân, mùa hè, mùa thu, mùa đông; mùa mưa và mùa khô).  - Lựa chọn được trang phục phù hợp theo mùa để giữ cơ thể khoẻ mạnh.  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  \* Năng lực đặc thù:  - Nhận thức khoa học: Nêu được tên và một số đặc điểm của các mùa trong năm  - Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh: Lựa chọn được trang phục phù hợp theo mùa để giữ cơ thể khoẻ mạnh - Vận dụng kiến thức, kỹ năng đả học : Biết cách bảo vệ súc khỏe theo từng muà.  \* Phẩm chất:  - Yêu nước: Yêu thiên nhiên, có những việc làm thiết thực để bảo vệ thiên nhiên.  - Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả trình bày. Không đồng tình với những hành vi phá hoại môi trường gây ảnh hưởng xấu đến thời tiết.  - Chăm chỉ: Tìm tòi và chia sẻ với những người xung quanh về các hiện tượng thời tiết  - Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ bản thân, sức khỏe của bản thân trước các hiện tượng thời tiết và có ý thức bảo vệ môi trường. | | 1/35 phút |  |  |
| Bài 26: Các mùa trong năm | 2/ 35 phút |  |
| 32 | Bài 26: Các mùa trong năm | 3/35 phút |  |
| Bài 27: Một số hiện tượng thiên tai | - Nhận biết và mô tả được một số hiện tượng thiên tai (ví dụ: bão, lũ, lụt, giông sét, hạn hán,...) ở mức độ đơn giản.  - Nêu được một số rủi ro dẫn đến các thiệt hại về tính mạng con người và tài sản do thiên tai gây ra.  - Đưa ra được một số ví dụ về thiệt hại tính mạng con người và tài sản do thiên tai gây ra.  - Nêu và luyện tập được một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai thường xảy ra ở địa phương.  - Chia sẻ với những người xung quanh và cùng thực hiện phòng tránh rủi ro thiên tai.  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  \* Năng lực đặc thù:  *- Nhận thức khoa học*: Nhận biết và mô tả được một số hiện tượng thiên tai, rủi ro dẫn đến các thiệt hại về tính mạng con người và tài sản do thiên tai gây ra.  *- Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh:* Đưa ra được một số ví dụ về thiệt hại tính mạng con người và tài sản do thiên tai gây ra  *- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đả học :* Luyện tập và chia sẻ cùng thực hiện với những người xung quanh một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai thường xảy ra ở địa phương.  \* Phẩm chất:  - Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ môi trường.  - Chăm chỉ: Thường xuyên tìm hiểu và chia sẻ với những người xung quanh về các hiện tượng thiên tai xung quanh.  - Trung thực:  + Báo cáo chính xác kết quả trình bày.  + Không đồng tình với những hành vi phá hoại môi trường gây ảnh hưởng xấu đến thời tiết. | | 1/35 phút |  |  |
| 33 | Bài 27: Một số hiện tượng thiên tai | 2/35 phút |  |
| Bài 28: Phòng tránh rủi ro thiên tai | - Nêu và luyện tập được một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro khi bão, lũ, lụt xảy ra.  - Chia sẻ với những người xung quanh và cùng thực hiện phòng tránh rủi ro khi có  bão, lũ, lụt.  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  \* Năng lực đặc thù:  - Luyện tập và chia sẻ cùng thực hiện với những người xung quanh một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai thường xảy ra ở địa phương.  \* Phẩm chất:  - HS có ý thức và trách nhiệm tham gia vào công tác ứng phó thiên tai. | | 1/35 phút |  |  |
| 34 | Bài 28: Phòng tránh rủi ro thiên tai | 2/35 phút |  |  |
| Bài 29: Ôn tập chủ đề Trái đất và bầu trời | - Ôn tập và củng cố lại cho HS các nội dung của chủ đề Trái Đất và bầu trời.  - Hình thành và phát triển năng lực vận đụng kiến thức của chủ đề đề mặc trang phục phù hợp với thơi tiết ở địa phương, biết ứng phó với các thiển tai: hạn hán, bão, lũ, lụt.  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  \* Năng lực khoa học:   * Nhận thức khoa học: Nêu được tên và một số đặc điểm của các mùa trong năm. * Tìm hiểu môi trường TNXH xung quanh: Lựa chọn được trang phục phù hợp theo mùa để giữ cơ thể khoẻ mạnh. * Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:Biết cách bảo vệ sức khỏe theo từng mùa. * Ôn tập và củng cố lại cho HS các nội dung của chủ đề Trái Đất và bầu trời.   \* **Phẩm chất**:   * Biết quan tâm,chăm sóc bản thân và biết bảo vệ môi trường sống. | | 1/35 phút |  |  |
| 35 | Bài 29: Ôn tập chủ đề Trái đất và bầu trời | 21/35 phút |  |
| Bài 29: Ôn tập chủ đề Trái đất và bầu trời | 3/ 35 phút |  |

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Mỗi tuần: 3 tiết x 35 tuần = 105 tiết

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA MÔN HỌC:**

**1. Hoạt động hướng vào bản thân**

- Hoạt động khám phá bản thân:

+ Nhận diện được hình ảnh thân thiện, luôn vui vẻ của bản thân.

+ Thể hiện được sự khéo léo, cẩn thận của bản thân thông qua sản phẩm tự làm.

- Hoạt động rèn luyện bản thân:

+ Biết sắp xếp đồ dùng sinh hoạt cá nhân ngăn nắp, gọn gàng.

+ Thực hiện được một số công việc tự phục vụ phù hợp với lứa tuổi.

+ Nhận biết được những tình huống có nguy cơ bị lạc, bị bắt cóc và thực hiện được những việc làm để phòng tránh bị lạc, bị bắt cóc.

+ Nhận biết đồng tiền được sử dụng trong trao đổi hàng hoá.

**2. Hoạt động hướng đến xã hội**

- Hoạt động chăm sóc gia đình:

+ Thực hiện được một số việc làm thể hiện sự quan tâm chăm sóc, lòng biết ơn đến các thành viên trong gia đình phù hợp với lứa tuổi.

+ Trao đổi được với người thân về một số hoạt động chung trong gia đình.

- Hoạt động xây dựng nhà trường:

+ Nhận diện được những việc làm để thể hiện tình bạn và biết nói những lời phù hợp khi giao tiếp với bạn.

+ Biết tìm kiếm sự hỗ trợ từ thầy cô, bạn bè khi tự mình không giải quyết được vấn đề trong mối quan hệ với bạn.

+ Biết thể hiện lòng biết ơn với thầy cô.

+ Tham gia hoạt động lao động giữ gìn cảnh quan nhà trường.

+ Tham gia hoạt động giáo dục của Sao Nhi Đồng, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và của nhà trường.

- Hoạt động xây dựng cộng đồng:

+ Làm quen được với những người bạn hàng xóm, tạo được quan hệ gần gũi, thân thiện với bạn bè trong cộng đồng.

+ Biết thể hiện sự đồng cảm và chia sẻ với người gặp hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống và trong hoạt động vì cộng đồng.

+ Tham gia vào một số hoạt động hướng đến cộng đồng do nhà trường tổ chức.

**3. Hoạt động hướng đến tự nhiên**

- Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên:

+ Giới thiệu được với bạn bè, người thân về vẻ đẹp của cảnh quan ở địa phương.

+ Biết cách chăm sóc, bảo vệ cảnh quan xung quanh nơi mình sinh sống.

- Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường:

+ Tìm hiểu được thực trạng vệ sinh môi trường xung quanh.

+ Thực hiện được những việc làm phù hợp với lứa tuổi để giữ gìn vệ sinh môi trường ở nhà trường.

**4. Hoạt động hướng nghiệp**

- Hoạt động tìm hiểu về nghề nghiệp:

+ Tìm hiểu được công việc của bố mẹ hoặc người thân.

+ Nêu được một số đức tính của bố, mẹ, người thân có liên quan đến nghề nghiệp của họ. – Biết cách sử dụng an toàn một số dụng cụ lao động quen thuộc.

1. **KẾ HOẠCH DẠY HỌC:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, tháng** | **Chương trình và sách giáo khoa** | | | | **Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)**  *(Những điều chỉnh về nội dung, thời lượng, thiết bị dạy học và học liệu tham khảo; xây dựng chủ đề học tập, bổ sung tích hợp liên môn; thời gian và hình thức tổ chức…)* | **Ghi chú** |
| **Chủ đề/**  **Mạch nội dung** | **Tên bài học** | **Yêu cầu cần đạt** | **Tiết học/**  **thời lượng** |  |  |
| **HỌC KÌ 1** | | | | | | |
| **1** | **Chủ đề 1. Em và mái trường mến yêu** | Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia Lễ khai giảng | - Chỉ ra được hình ảnh vui vẻ, thân thiện của bản thân.  - Nói được những lời phù hợp khi giao tiếp với bạn.  - Thể hiện được sự khéo léo, cẩn thận khi làm quà tặng bạn.  - Tham gia được các hoạt động chung của trường, lớp.  \* Năng lực:  - Thích ứng với cuộc sống.  - Thiết kế và tổ chức hoạt động.  \* Phẩm chất:  - Nhân ái.  - Chăm chỉ. | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Chơi trò chơi “Tôi có thể...”  - Nhận biết những việc làm thể hiện sự thân thiện, vui vẻ của bản thân | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Bầu chọn lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng,... | 3/ 35 phút |  |  |
| **2** | Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia học tập nội quy nhà trường | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Tìm hiểu những việc làm để xây dựng hình ảnh của bản thân  - Đề xuất những việc làm để xây dựng hình ảnh bản thân | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Tham gia xây dựng nội quy lớp học | 3/ 35 phút |  |  |
| **3** | Sinh hoạt dưới cờ: Hoạt động vui Trung thu | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Lập bảng theo dõi việc làm của em để xây dựng hình ảnh bản thân  - Thực hành giao tiếp phù hợp với bạn bè | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Tham gia vui Trung thu ở lớp | 3/ 35 phút |  |  |
| **4** | Sinh hoạt dưới cờ: Múa hát tập thể theo chủ đề “Em và mái trường mến yêu” | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Chia sẻ kết quả việc làm xây dựng hình ảnh đẹp của em  - Làm món quà tặng bạn | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Rèn luyện nền nếp học tập và sinh hoạt ở trường Đánh giá hoạt động |  | 3/ 35 phút |  |  |
| **5** | **Chủ đề 2. Vì một cuộc sổng an toàn** | Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia chương trình “Vì một cuộc sống an toàn” | - Kể được những tình huống có nguy cơ bị lạc, bị bắt cóc.  - Thực hiện được những việc làm để phòng tránh bị lạc, bị bắt cóc.  - Chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ từ những người đáng tin cậy khi cần thiết.  - Tham gia được các hoạt động của trường, lớp về an toàn giao thông.  \* Năng lực:  - Thích ứng với cuộc sống.  - Thiết kế và tổ chức hoạt động.  \* Phẩm chất:  - Trách nhiệm | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Nghe kể câu chuyện về một tình huống bị lạc hoặc bị bắt cóc  - Nhận biết những địa điểm dễ bị lạc  - Nhận diện tình huống có nguy cơ bị bắt cóc | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Chia sẻ cách giữ an toàn cho bản thân | 3/ 35 phút |  |  |
| **6** | Sinh hoạt dưới cờ: Nghe nói chuyện về an toàn giao thông | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Tìm hiểu về cách phòng tránh, bị lạc  - Tìm hiểu về cách phòng tránh bị bắt cóc | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Thực hành: Em tham gia giao thông an toàn | 3/ 35 phút |  |  |
| **7** | Sinh hoạt dưới cờ: Văn nghệ theo chủ đề “Vì một cuộc sống an toàn” | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo đục theo chủ đề:  - Chơi trò chơi “Bingo”  - Xác định các bước xử trí khi bị lạc | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Thực hành những cách bảo vệ bản thân | 3/ 35 phút |  |  |
| **8** | Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia tổng kết hoạt động chủ đề “Vì một cuộc sống an toàn” | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Xây dựng những lưu ý để phòng tránh bị lạc, bị bắt cóc  - Sắm vai thực hành cảch xử li tình huống khi bị lạc | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Chia sẻ những hiểu biết của em về cách phòng tránh bị lạc, bị bắt cóc. Đánh giá hoạt động | 3/ 35 phút |  |  |
| **9** | **Chủ đề 3. Kính yêu thầy cô thân thiện với bạn bè** | Sinh hoạt dưới cờ: Tháng hành động “Em là HS thân thiện” | - Thực hiện được một số việc làm thể hiện lòng biết ơn thầy cô.  - Nhận diện được những việc làm để thể hiện tình bạn.  - Chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ từ thầy cô, bạn bè khi tự mình không giải quyết được vấn đề trong mối quan hệ với bạn.  - Làm quen được với những người bạn hàng xóm, tạo được quan hệ gần gũi, thân thiết với bạn bè trong cộng đồng.  \* Năng lực:  - Thích ứng với cuộc sống.  - Thiết kế và tổ chức hoạt động.  \* Phẩm chất:  - Nhân ái. | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Hát bài hát về thầy cô và mái trưởng  - Làm sản phẩm theo chủ đề “Thầy cô trong trái tim em” | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Chia sẻ về sản phẩm đã làm theo chủ đề “Thầy cô trong trái tim em” | 3/ 35 phút |  |  |
| **10** | Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia kể chuyện “Thầy cô trong trái tim em” | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Tìm hiểu những việc làm thể hiện sự kính yêu thầy cô  - Thực hành ứng xử với thầy cô | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Chơi trò chơi “Ong tìm chữ” | 3/ 35 phút |  |  |
| **11** | Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo việt Nam | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Nghe và hát bài hát “Lớp chúng ta đoàn kết  - Tìm hiểu những việc làm thể hiện sự thân thiện với bạn bè  - Em cách hoà giải với bạn khi có mâu thuẫn | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Làm “Hộp thư niềm vui” | 3/ 35 phút |  |  |
| **12** | Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia tổng kết tháng hành động “Em là HS thân thiện” | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Chơi trò chơi “Kết bạn”  - Thực hành tìm đến sự hỗ trợ khi hoà giải với bạn | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Tham gia “Hái hoa dân chủ” Đánh giá hoạt động | 3/ 35 phút |  |  |
| **13** | **Chủ đề 4. Truyền thống quê em** | Sinh hoạt dưới cờ: Hưởng ứng hoạt động giữ “Truyền thống quê em” | - Nhận biết được những nét đẹp truyền thống quê em.  - Thực hiện được một số việc làm phù hợp để chia sẻ với những người gặp hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống và hoạt động cộng đồng.  - Tham gia tích cực vào một số hoạt động hướng đến cộng đồng do nhà trường tổ chức.  \* Năng lực:  - Thích ứng với cuộc sống.  - Thiết kế và tổ chức hoạt động.  \* Phẩm chất:  - Nhân ái.  - Trách nhiệm. | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Hát bài “Bầu và bí”  - Nhận biết những người gặp hoàn cảnh khó khăn | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Xây dựng kế hoạch giúp đỡ những người gặp hoàn cảnh khó khăn | 3/ 35 phút |  |  |
| **14** | Sinh hoạt dưói cờ: Truyền thống quê em | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Chia sẻ điều em biểt về các hoạt động của cộng đồng nhằm giúp đỡ những người gặp hoàn cảnh khó khăn | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp:  Tìm hiểu truyền thống quê em | 3/ 35 phút |  |  |
| **15** | Sinh hoạt dưới cờ: Giao lưu tìm hiểu truyền thống quê em | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Chia sẻ những việc làm để giúp đỡ người gặp hoàn cảnh khỏ khăn  - Chia sẻ vói nhũng người gặp hoàn cảnh khó khăn | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp:  Vẽ tranh theo chủ đề “Chú bộ đội bảo vệ quê hương” | 3/ 35 phút |  |  |
| **16** | Sinh hoạt dưới cờ: Chào mừng ngày thảnh lập Quân đội Nhân dân Việt Nam | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Trao gửi yêu thương với những bạn gặp hoàn cảnh khó khăn  - Thực hiện giúp đỡ người gặp hoàn cảnh khó khăn | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Thực hiện kế hoạch quyên góp, giúp đỡ người gặp hoàn cảnh khó khăn ở địa phương Đánh giá hoạt động | 3/ 35 phút |  |  |
| **17** | **Chủ đề 5. Chào năm mới** | Sinh hoạt duỗi cờ: Hội diễn văn nghệ chào năm mới | - Tham gia được các hoạt động chào năm mới của trường, lớp.  - Nhận biết được đồng tiền được sử dụng trong trao đổi hàng hóa.  - Làm được sản phẩm thể hiện sự khéo léo, cẩn thận của bản thân.  - Tham gia được Hội chợ Xuân.  \* Năng lực:  - Thích ứng với cuộc sống.  - Thiết kế và tổ chức hoạt động.  \* Phẩm chất:  - Chăm chỉ.  - Trách nhiệm. | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề  - Chơi trò chơi “Đi chợ”  - Tìm hiểu việc sử dụng tiền trong trao đổi hàng hoá | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp:  Tìm hiểu một sổ đồ đùng để trang trí năm mới | 3/ 35 phút |  |  |
| **18** | Sinh hoạt dưới cờ: Tìm hiểu phong tục đón năm mới của địa phương | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề  - Tỉm hiểu hoạt động mua bán hàng hoá  - Nhận biết tiền Việt Nam | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Làm sản phẩm chuẩn bị cho Hội chợ Xuân | 3/ 35 phút | - GD ĐP CĐ 6: Sinh hoạt lớp: Tham gia chuẩn bị hội chợ xuân: HĐ: Chọn những hình ảnh món ăn có sử dụng nem và nêu cảm nhận về món ăn  - GD ĐP CĐ 5: Tích hợp bộ phận: HĐ: Chọn những hình ảnh món ăn có sử dụng nem và nêu cảm nhận về món ăn. -HĐ1: Trò chơi đi chợ  -Sinh hoạt lớp: Tham gia chuẩn bị hội chợ xuân |  |
| **19** | **HỌC KÌ 2** |  | | |
| Sinh hoạt dưới cờ: Tìm hiểu trang phục đón năm mới của một số dân tộc | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề  - Sử dụng các đồng tiền phù hợp đề mua sắm  - Thực hành mua sắm hàng hoá | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Tham gia chuẩn bị tổ chức Hội chợ Xuân | 3/ 35 phút |  |  |
| **20** | Sinh hoạt dưới cờ: Tổng kết chủ đề “Chào năm mới” | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  Mua sắm trong Hội chợ Xuân lớp em | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Chia sẻ cảm nhận sau khi tham gia Hội chợ Xuân. Đánh giá hoạt động | 3/ 35 phút |  |  |
| **21** | **Chủ đề 6. Chăm sóc và phục vụ bản thân** | Sinh hoạt dưới cờ: Hưởng ứng phong trào “Chăm sóc và phục vụ bản thân” | - Sắp xếp được đồ dùng sinh hoạt cá nhân ngăn nắp, gọn gàng.  - Tự thực hiện được một số cộng việc nhà phù hợp với lứa tuổi.  - Thực hiện được một số công việc tự chăm sóc và phục vụ bản thân.  \* Năng lực:  - Thích ứng với cuộc sống.  \* Phẩm chất:  - Chăm chỉ.  - Trách nhiệm. | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Chơi trò chơi ‘Tiếp sức”  - Nhận biết những việc nhà em có thể thực hiện | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp:Tìm hiểu việc làm chăm sóc và phục vụ bản thân | 3/ 35 phút |  |  |
| **22** | Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia hoạt động “Gọn-Nhanh-Khéo” | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Tìm hiểu cách làm một số công việc nhà phù hợp với lứa tuổi  - Làm dụng cụ gấp quần áo | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Rèn luyện thói quen chăm sóc và phục vụ bản thân | 3/ 35 phút |  |  |
| **23** | Sinh hoạt dưới cờ: Tổng kết phong trào “Chăm sóc vả phục vụ bản thân” | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  -Thực hành sắp xếp đồ dùng cá nhân ở lớp - Sắm vai xử lí tình huống sắp xểp đồ dùng ngăn nắp, gọn gàng | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Chia sẻ những việc tự phục vụ bản thân và việc nhà em đã làm Đánh giá hoạt động | 3/ 35 phút |  |  |
| **24** | **Chủ đề 7. Yên thương gia đình - Quý trọng phụ nữ** | Sinh hoạt dưới cờ: Múa hát chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 8 - 3 | - Thực hiện được một số việc làm phù hợp với lứa tuổi thể hiện sự quan tâm chăm sóc, lòng biết ơn đến các thành viên trong gia đình.  - Trao đổi được với người thân về một số hoạt động chung của gia đình.  - Thực hiện được một số việc làm thể hiện sự quý trọng phụ nữ.  \* Năng lực:  - Thích ứng với cuộc sống.  - Thiết kế và tổ chức hoạt động.  \* Phẩm chất:  - Nhân ái.  - Chăm chỉ. | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Nhận biết những việc làm thể hiện sự quan tâm chăm sóc, lòng biết ơn với người thân trong gia đình  - Chia sẻ việc em đã làm thể hiện sự quan tâm chăm sóc, lòng biết ơn với người thân trong gia đình | 2/ 35  phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Tham gia chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 8-3 | 3/ 35 phút |  |  |
| **25** | Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia hoạt động “Lởi nhắn nhủ yêu thương” | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Chia sẻ những hoạt động chung của gia đinh  - Lập thời gian biểu hoạt động chung của các thảnh viên trong gia đình | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp:  Làm thiệp hoặc món quà tặng người phụ nữ mà em yêu quý | 3/ 35 phút |  |  |
| **26** | Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia hoạt động giao lưu với những phụ nữ tiêu biểu của địa phương | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề  - Chia sẻ thời gian biểu hoạt động chung của gia đình  - Xây dựng kế hoạch thực hiện một hoạt động chung của gia đình | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Vẽ tranh về gia đình | 3/ 35 phút |  |  |
| **27** | Sinh hoạt duới cờ: Biểu diễn văn nghệ về chủ đề gia đình | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề  - Múa dân vũ theo bài “Chung sống”  - Làm chiếc lọ “Kỉ niệm yêu thương” | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Chia sẻ về việc em đã làm thể hiện tình cảm dành cho người thân trong gia đình. Đánh giá hoạt động | 3/ 35 phút |  |  |
| **28** | **Chủ đề 8. Môi trường xanh- Cuộc sống xanh** | Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia phong trào “Môi trường xanh - Cuộc sống xanh” | - Giới thiệu được với bạn bè, người thân về vẻ đẹp của cảnh quan ở địa phương.  - Thực hiện được những việc làm để chăm sóc và bảo vệ cảnh quan.  - Nhận biết được thực trạng vệ sinh môi trường xung quanh.  - Sử dụng được một số dụng cụ lao động một cách an toàn.  - Thực hiện được một số việc làm phù hợp với lứa tuổi để giữ gìn vệ sinh môi trường và cảnh quan trường, lớp.  \* Năng lực:  - Thiết kế và tổ chức hoạt động.  - Định hướng nghề nghiệp.  \* Phẩm chất:  - Yêu nước  - Trách nhiệm. | 1/ 35 phút | - GD ĐP CĐ2:  tích hợp liên hệ ở Hoạt động 1 và 2: Chơi trò chơi khám phá địa danh và giới thiệu cảnh đẹp của địa phương em  - GD ĐP CĐ 3: HĐ 2: Giới thiệu cảnh đẹp của địa phương em: Vận dụng: Kể tên các đường phố,…Đóng vai hướng dẫn viên du lich…nêu những việc làm thể hiện lòng biết ơn… |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề  - Chơi trò chơi “Khám phá địa danh”  - Giới thiệu cảnh đẹp của địa phương em | 2/ 35 phút |  |
| Sinh hoạt lớp: Tìm hiểu thực trạng vệ sinh môi trường nơi em sống | 3/ 35 phút |  |
| **29** | Sinh hoạt dưới cờ : Truyền thông điệp “Chung tay bảo vệ môi trường” | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Chơi trò chơi “Chuyền hoa”  - Báo cáo kết quả tìm hiểu thực trạng vệ sinh môi trường quanh em | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Làm chậu trồng cây từ đồ vật đã qua sử dụng | 3/ 35 phút |  |  |
| **30** | Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia hoạt động “Ngày hội đọc sách.” | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Nhận biết những dụng cụ phù hợp khi lao động  - Tìm hiểu cách sử dụng an toàn một số dụng cụ lao động | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Tham gia hoạt động “Đổi giấy lấy cây” | 3/ 35 phút |  |  |
| **31** | Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia hoạt động làm kế hoạch nhỏ | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  Xây dựng kế hoạch giữ gìn vệ sinh môi trường ở trường | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Thực hiện một số việc làm để giữ gìn vệ sinh môi trường và bảo vệ cảnh quan. Đánh giá hoạt động | 3/ 35 phút |  |  |
| **32** | **Chủ đề 9.**  **Những người sống quanh em** | Sinh hoạt dưới cờ: Kể chuyện “Gương người tốt, việc tốt | - Tìm hiểu được công việc của bố, mẹ hoặc người thân.  - Nêu được một số đức tính của của bố, mẹ hoặc người thân có liên quan đến nghề nghiệp của họ.  - Thể hiện được sự trân trọng đối với nghề nghiệp của bố, mẹ hoặc người thân.  - Kể được việc làm tốt với những người xung quanh.  \* Năng lực:  - Định hướng nghề nghiệp.  \* Phẩm chất:  - Trách nhiệm. | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Chơi trò chơi “Nhìn hành động đoán nghề nghiệp”  - Giới thiệu nghề nghiệp của bố, mẹ, người thân | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Nghe hướng dẫn tìm hiểu nghề nghiệp của bố, mẹ hoặc người thân | 3/ 35 phút |  |  |
| **33** | Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia kể chuyện về việc làm tốt của em | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Chia sẻ về nghề nghiệp của bố, mẹ hoặc người thân  - Chia sẻ những đức tính liên quan đến nghề nghiệp của bố, mẹ hoặc người thân | 2/ 35 phút | -GD ĐP CĐ 5: Tích hợp bộ phận: Thực hành: giới thiệu các bước để chế biến nem.  HĐ3: Chia sẻ về nghề nghiệp của bố mẹ hoặc người thân  - GD ĐP CĐ 6: HĐ3: Chia sẻ về nghề nghiệp của bố mẹ hoặc người thân: Thực hành: giới thiệu các bước để chế biến nem |  |
| Sinh hoạt lớp: Hát về chủ đề nghề nghiệp | 3/ 35 phút |  |  |
| **34** | Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia kỉ niệm sinh nhật Bác Hồ | 1/ 35 phút |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  - Sắm vai trải nghiệm với một số nghề  - Bày tỏ cảm xúc về nghề nghiệp của bố, mẹ hoặc người thân | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Trò chơi giải ô chữ về nghề nghiệp. Đánh giá hoạt động | 3/ 35 phút |  |  |
| **35** | **Tuần Tổng kết** | Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia cam kết “Mùa hè ý nghĩa và an toàn” |  | |  | | --- | | 1/ 35 phút | | 2/ 35 phút | | 3/ 35 phút | |  |  |
| Hoạt động giáo dục theo chủ đề:  Làm thiệp chia tay bạn bè |  | 2/ 35 phút |  |  |
| Sinh hoạt lớp: Múa hát tập thể chia tay thầy cô, bạn bè. Đánh giá hoạt động |  | 3/ 35 phút |  |  |

**MÔN ÂM NHẠC**

**NĂM HỌC: 2022 – 2023**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời**  **gian** | **Chủ đề** | **Tuần**  **(Tiết)** | **Nội dung dạy học** | **YCCĐ của chủ đề** |
| Tháng 9 & Tháng 10 | Chủ đề 1:  Rộn ràng ngày mới  (4 tiết) | Tuần 1  (Tiết 1) | - Khám phá: Sự khác nhau của âm thanh.  - Trò chơi âm nhạc. | - Bước đầu phân biệt được sự khác nhau của các âm thanh trong cuộc sống và trong âm nhạc. |
| Tuần 2  (Tiết 2) | - Học hát: *Ngày mùa vui* | - Hát bài hát với giọng hát tự nhiên, tư thế phù hợp; Hát rõ lời và thuộc lời; nêu được tên bài hát và tên tác giả. |
| Tuần 3  (Tiết 3) | - Hát ôn: *Ngày mùa vui*  - Đóc nhạc. | - Hát kết hợp vận động phụ hoạ theo nội dung bài hát  - Đọc đúng tên nốt; đúng cao độ, trường độ các mẫu âm. |
| Tuần 4  (Tiết 4) | - Nhạc cụ  - Nhà ga âm nhạc. | - Chơi nhạc cụ đúng tư thế, đúng cách; thể hiện đúng trường độ các mẫu tiết tấu; biết sử dụng nhạc cụ để gõ đệm. |
| Tháng 10 &  Tháng 11 | Chủ đề 2:  Nhịp điệu bạn bè  (4 tiết) | Tuần 5  (Tiết 5) | - Khám phá: Âm thanh dài hơn – âm thanh ngắn hơn.  - Nghe nhạc: *Ước mơ thấn tiên.* | - Bước đầu biết cảm nhận và phân biệt được âm thanh dài – ngắn.  - Biết lắng nghe và vận động cơ thể phù hợp với bài hát. |
| Tuần 6  (Tiết 6) | - Học hát: *Múa vui.* | - Hát bài hát *Múa vui* đúng cao độ; các với các hình thức đơn ca, song ca, tóp ca; hát kết hợp với gõ đệm. |
| Tuần 7  (Tiết 7) | - Hát ôn: Múa vui  - Đọc nhạc | - Hát kết hợp vận động đơn giản phù hợp nội dung bài hát.  - Đọc đúng tên nốt trong thang âm và bài đọc nhạc; bước đầu thể hiện đúng cao độ và trường độ các mẫu âm. |
| Tuần 8  (Tiết 8) | - Nhạc cụ  - Thường thức âm nhạc.  - Nhà ga âm nhạc. | - Thể hiện đúng trường độ các mẫu tiết tấu. Biết sử dụng nhạc cụ để đệm cho bài hát *Múa vui*.  - Nhận biết và kêu được tên của nhạc cụ Sênh tiền. |
| Tháng 11 &  Tháng 12 | Chủ đề 3:  Vui bước tới trường  (4 tiết) | Tuần 9  (Tiết 9) | - Khám phá: Đường nét chuyển động của âm thanh.  - Nghe nhạc: *A Ram Sam Sam* | - Cảm nhận được đường nét chuyển động của âm thanh.  - Biết lắng nghe và vận động cơ thể phù hợp với bài hát *A Ram Sam Sam.* |
| Tuần 10  (Tiết 10) | - Học hát: *Trên con đường đến trường.* | - Hát được bài hát *Trên con* *đường đến trường* rõ lời và thuộc lời; duy trì được tốc độ ổn định. |
| Tuần 11  (Tiết 11) | - Hát ôn: *Trên con đường đến trường.*  - Đọc nhạc: | - Hát kết hợp vận động phụ hoạ  - Nhận biết và đọc được cao độ các nốt nhạc theo kí hiệu nốt nhạc bàn tay. |
| Tuần 12  (Tiết 12) | - Nhạc cụ  - Nhà ga âm nhạc. | - Sử dụng được Song loan, Tambourrine và vận động cơ thể để gõ đệm cho bài hát.  - Nhận biết và kêu được tên của nhạc cụ. |
| Tháng 12 &  Tháng 01 | Chủ đề 4:  Thiên nhiên tươi đẹp  (4 tiết) | Tuần 13  (Tiết 13) | - Khám phá: Âm thanh đi lên – đi xuống.  -Nghe nhạc: *Trong hang động của vua Núi* | - Nghe và vận động theo chuỗi âm thanh đi lên – đi xuống.  - Biết lắng nghe và vận động cơ thể phù hợp theo âm thanh cao – thấp khi nghe nhạc |
| Tuần 14  (Tiết 14) | - Học hát: *Giọt mưa và em bé.* | - Hát bài *Giọt mưa và em bé* với giọng hát tự nhiên, tư thế phù hợp.  - Sử dụng Song loan, Thanh phách gõ đệm cho bài hát. |
| Tuần 15  (Tiết 15) | - Hát ôn: *Giọt mưa và em bé.*  - Đọc nhạc | - Hát kết hợp vận động phụ hoạ  - Bước đầu thể hiện đúng cao độ và trường độ các mẫu âm. |
| Tuần 16  (Tiết 16) | - Nhạc cụ  - Thường thức âm nhạc  - Nhà ga âm nhạc. | - Thực hành gõ mẫu tiết tấu  - Bước đầu biết minh hoạ cho một số hình tiết tấu của câu chuyện *Vương quốc bánh kẹo* bằng động tác. Nêu được tên nhân vật yêu thích trong câu chuyện. |
| Tháng 01 | Ôn tập HKI | Tuần 17  (Tiết 17) | - Ôn tập các hoạt động: Khám phá; Nghe nhạc và Hát. | - Cảm nhận và phân biệt được các loại âm thanh khác nhau  - Biết lắng nghe và vận động cơ thể phù hợp với bài hát *Ước mơ thần tiên.*  - Hát đúng giai điệu bài hát, rõ lời; Biểu diễn một số bài hát. |
| Tháng 01 | Ôn tập HKI | Tuần 18  (Tiết 18) | - Ôn tập các hoạt động: Đọc nhạc; Nhạc cụ và Âm nhạc thường thức. | - Đọc đúng tên nốt, đúng cao độ và trường độ của nốt nhạc.  - Thực hiện được mẫu tiết tấu theo hướng dẫn của giáo viên.  - Nêu được tên và cách sử dụng một số nhạc cụ đã được học. |
| Tháng 01  &  Tháng 2 | Chủ đề 5:  Mùa xuân  hân hoan  (4 tiết) | Tuần 19  (Tiết 19) | - Khám phá: Âm thanh to dần – nhỏ dần.  - Nghe nhạc: *Mùa xuân* | - Bước đầu phân biệt và mô phỏng được âm thanh to dần – nhỏ dần.  - Biết vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu. |
| Tuần 20  (Tiết 20) | - Học hát: *Năm mới bình an.* | - Hát bài hát với giọng hát tự nhiên, tư thế phù hợp; hát rõ lời và thuộc lờ; nêu được tên bài hát và tên tác giả. |
| Tuần 21  (Tiết 21) | - Hát ôn: *Năm mới bình an.*  - Thường thức âm nhạc | - Hát kết hợp vận động phụ hoạ  - Biết vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu. |
| Tuần 22  (Tiết 22) | - Nhạc cụ.  - Nhà ga âm nhạc. | - Chơi nhạc cụ đúng tư thế, đúng cách; biết sử dụng nhạc cụ đệm cho bài hát.  - Nhận biết và nêu được tên của nhạc cụ bộ chuông cầm tay. |
| Tháng 2  &  Tháng 3 | Chủ đề 6:  Lời ru yêu thương  (4 tiết) | Tuần 23  (Tiết 23) | - Khám phá: Nhịp điệu nhanh – chậm.  - Nghe nhạc: *Mẹ ơi có biết.* | - Bước đầu phân biệt và mô phỏng được nhịp điệu nhanh – chậm.  - Biết vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu. |
| Tuần 24  (Tiết 24) | - Học hát: *Chúc ngủ ngon.* | - Hát bài hát với giọng hát tự nhiên, tư thế phù hợp; Hát rõ lời và thuộc lời; nêu được tên bài hát và tên tác giả. |
| Tuần 25  (Tiết 25) | - Hát ôn: *Chúc ngủ ngon.*  - Đọc nhạc. | - Hát kết hợp vận động phụ hoạ  - Bước đầu thể hiện đúng cao độ và trường độ các mẫu âm. |
| Tuần 26  (Tiết 26) | - Thường thức âm nhạc  - Nhạc cụ  - Nhà ga âm nhạc. | - Biết vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu.  - Biết minh hoạ cho một số hình tiết tấu của câu chuyện *Khúc hát ru trên lưng mẹ.* |
| Tháng 3  &  Tháng 4 | Chủ đề 7:  Giai điệu quê hương (4 tiết) | Tuần 27  (Tiết 27) | - Khám phá: Âm nhạc dân tộc.  - Nghe nhạc: *Hoa rung reng.* | - Nhận biết và cảm thụ được âm nhạc dân tộc.  - Biết vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu khi nghe bài hát. |
| Tuần 28  (Tiết 28) | - Học hát: *Bắc kim thang.* | - Hát bài hát với giọng hát tự nhiên, tư thế phù hợp; hát rõ lời và thuộc lời; nêu được tên bài hát và tên tác giả. |
| Tuần 29  (Tiết 29) | - Hát ôn: *Bắc kim thang*  - Đọc nhạc. | - Hát kết hợp vận động phụ hoạ  - Đọc đúng tên nốt của thang âm; thể hiện đúng cao độ và trường độ các mẫu âm. |
| Tuần 30  (Tiết 30) | - Nhạc cụ  - Nhà ga âm nhạc. | - Tích cực, chủ động, sáng tạo thông qua hoạt động *Nhạc cụ.*  - Chơi nhạc cụ đúng tư thế, đúng cách, thể hiện đúng trường độ các mẫu tiết tấu. |
| Tháng 4  &  Tháng 5 | Chủ đề 8:  Vui cùng âm nhạc  (4 tiết) | Tuần 31  (Tiết 31) | - Khám phá: Trò chơi dân gian.  - Nghe nhạc: Nhịp điệu tuổi thơ. | - Tham gia các trò chơi dân gian kết hợp với âm nhạc như hát đồng dao, các trò chơi vận động.  - Biết vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu. |
| Tuần 32  (Tiết 32) | - Học hát: *Em học nhạc.* | - Hát bài hát Em học nhạc với giọng hát tự nhiên, tư thế phù hợp; hát rõ lời và thuộc lời; nêu được tên bài hát và tên tác giả. |
| Tuần 33  (Tiết 33) | - Hát ôn: *Em học nhạc.*  - Đọc nhạc | - Hát kết hợp vận động phụ hoạ  - Đọc đúng tên nốt của thang âm; thể hiện đúng cao độ và trường độ các mẫu âm. |
| Tuần 34  (Tiết 34) | - Nhạc cụ  - Nhà ga âm nhạc. | - Chơi nhạc cụ đúng tư thế, đúng cách, thể hiện đúng trường độ các mẫu tiết tấu.  - Biết vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu. |
| Tháng 5 | Ôn tập HKII | Tuần 35  (Tiết 35) | - Ôn tập các hoạt động: Nghe nhạc; Hát; Đọc nhạc và Nhạc cụ. | - Biết lắng nghe và vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu.  - Biết hát kết hợp vận động phụ họa đơn giản theo các bài hát.  - Đọc đúng tên nốt, đúng cao độ và trường độ của nốt nhạc.  - Thực hiện được mẫu tiết tấu theo hướng dẫn của giáo viên.  - Nêu được tên và cách sử dụng một số nhạc cụ đã được học. |

**MÔN MỸ THUẬT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Chương trình và sách giáo khoa** | | | **Nội dung**  **gợi ý giảng dạy** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **Chủ đề/**  **Mạch nội dung** | **Tên bài học** | **Tiết học/**  **thời lượng** |
| **1** | **Đại dương mênh mông**  (6 tiết) | **Bài 1**: Bầu trời và biển | 2 | Tiết 1: Vẽ bầu trời và biển | * Nêu được màu đậm, nhạt; cách phối hợp màu trong tranh vẽ * Tạo được tranh về bầu trời và biển đơn giản |
| **2** | Tiết 2: Vẽ, cắt, xé dán tranh (bầu trời, biển, đảo, thuyền…) |
| **3** | **Bài 2:** Những con vật dưới đại dương | 2 | Tiết 1: Tìm hiểu và tập vẽ con vật dưới đại dương | - Nhận biết được 1 số con vật sống ở đại dương; vẽ được con vật theo ý thích  - Hoàn thành được tranh con vật ở biển có màu sắc |
| **4** | Tiết 2: Vẽ tiếp để hoàn chỉnh tranh có màu sắc |
| **5** | **Bài 3:** Đại dương trong mắt em | 2 | Tiết 1: Cùng nhau sáng tác tranh về các con vật dưới đại dương | - Hợp tác nhóm tạo được tranh có các con vật dưới biển (vẽ, xé, cắt dán)  - Cảm nhận được sự hài hòa của chấm, nét, màu sắc trong tranh  - Biết yêu thiên nhiên, biển đảo và có ý thức bảo vệ môi trường |
| **6** | Tiết 2: Hoàn chỉnh tranh trưng bày, thuyết trình |
| **7** | **Đường đến trường em**  (6 tiết) | **Bài 1:** Phương tiện giao thông | 2 | Tiết 1: Tìm hiểu và vẽ tranh về phương tiện giao thông (vẽ nét) | - Biết được các phương tiện giao thông  - Vẽ được tranh về phương tiện giao thông theo ý thích có màu sắc |
| **8** | Tiết 2: Hoàn chỉnh tranh có màu sắc phong phú |
| **9** | **Bài 2:** Cặp sách xinh xắn | 2 | Tiết 1: Tạo hình và trang trí chiếc cặp theo ý thích | - Tạo và trang trí được chiếc cặp theo ý thích (vẽ, cắt dán)  - Biết chia sẻ và nhận xét sản phẩm lẫn nhau; có ý thức giữ gìn đồ dùng học tập… |
| **10** | Tiết 2: Trưng bày sản phẩm và chia sẻ |
| **11** | **Bài 3:** Cổng trường nhộn nhịp | 2 | Tiết 1: Vẽ tranh cổng trường nhộn nhịp | - Vẽ được tranh cổng trường vào trước giờ học hoặc giờ ra về  - Biết chia sẻ tranh vẽ cùng bạn bè; yêu mến trường lớp, bạn bè, kính trọng thầy cô giáo. |
| **12** | Tiết 2: Hoàn chỉnh tranh, trưng bày và chia sẻ |
| **13** | **Gia đình nhỏ**  (6 tiết) | **Bài 1:** Con mèo tinh nghịch | 2 | Tiết 1: Tập nặn và tạo dáng con mèo.  Nếu HS không có đất nặn (hướng dẫn HS dùng vật liệu khác thay thế) | - Biết được các hình khối; biết cách kết hợp để tạo hình con mèo theo suy nghĩ riêng  - Biết chia sẻ sản phẩm, nhận xét và đánh giá lẫn nhau  - Yêu quý vật nuôi, có ý thức bảo vệ động vật  - Nhận biết và tạo hình được chiếc bánh sinh nhật theo sự sáng tạo của nhóm (cá nhân)  - Biết chia sẻ ý tưởng về sản phẩm tạo ra. |
| **14** | Tiết 2: Hoàn thành sản phẩm, trưng bày và chia sẻ |
| **15** | **Bài 2:** Chiếc bánh sinh nhật | 2 | Tiết 1: Nặn và tạo hình chiếc bánh sinh nhật |
| **16** | Tiết 2: Trang trí chiếc bánh sinh nhật yêu thích |
| **17** | **Bài 3:** Sinh nhật vui vẻ | 2 | Tiết 1: Vẽ tranh sinh nhật vui vẻ | - Vẽ được tranh về sinh nhật của mình, người thân hoặc bạn bè.  - Chia sẻ được nội dung tranh vẽ cùng bạn bè  - Yêu quý gia đình và bạn bè mình nhiều hơn. |
| **18** | Tiết 2: Hoàn thành tranh vẽ và chia sẻ |
| **19** | **Khu rừng nhiệt đới**  (10 tiết) | **Bài 1:** Rừng cây rậm rạp | 2 | Tiết 1: Khám phá chấm và nét bằng hình thức xé giấy | - Biết ứng dụng chấm và nét qua hình thức xé dán để tạo hình cây, lá…  - Biết phối hợp nhóm để tạo tranh rừng cây (xé dán); chia sẻ tranh vẽ. |
| **20** | Tiết 2: Tạo hình tranh rừng cây (xé dán 2D) |
| **21** | **Bài 2:** Chú chim nhỏ | 2 | Tiết 1: Tạo hình chú chim (In màu từ lá cây) | - Biết cách tạo hình từ in màu trên lá cây; tạo được hình chú chim đơn giản |
| **22** | Tiết 2: Cắt dán hình chú chim vào tranh rừng cây ở bài 1 | Lắp ghép được hình chú chim vào tranh rừng cây theo ý tưởng của nhóm |
| **23** | **Bài 3:** Tắc kè hoa | 2 | Tiết 1: Vẽ tắc kè hoa | Nhận biết và vẽ được hình tắc kè hoa theo cảm nhận riêng có màu sắc |
| **24** | Tiết 2: Cắt dán hình tắc kè hoa vào tranh rừng cây | Biết lắp ghép hình tắc kè hoa vào tranh rừng cây; chia sẻ được tranh |
| **25** | **Bài 4:** Chú hổ trong rừng | 2 | Tiết 1: Tạo hình con hổ (vẽ hoặc cắt dán) | - Tạo được hình con hổ theo cảm nhận và ý thích (vẽ, cắt dán)  - Biết ghép hình con hổ vào rừng cây; biết chia sẻ ý tưởng của tranh. |
| **26** | Tiết 2: Chia sẻ tranh chú hổ trong rừng |
| **27** | **Bài 5:** Khu rừng thân thiện | 2 | Tiết 1: Vẽ tranh các con vật trong rừng theo ý thích | * Vẽ được tranh các con vật trong rừng cây (cá nhân hoặc nhóm) * Chia sẻ nội dung tranh vẽ; cảm nhận được vẽ đẹp của thiên nhiên thông qua tranh vẽ được trưng bày * Nêu được suy nghĩ của mình về ý thức bảo vệ môi trường thiên nhiên |
| **28** | Tiết 2: Hoàn thành tranh vẽ và trưng bày sản phẩm |
| **29** | **Đồ chơi thú vị**  (6 tiết) | **Bài 1:** Khuôn mặt ngộ nghĩnh | 2 | Tiết 1: Tạo hình khuôn mặt (Vật liệu tìm được) | - Biết tận dụng những vật liệu đã qua sử dụng để tạo hình khuôn mặt theo ý thích  - Biết chia sẻ sản phẩm khuôn mặt do mình tạo ra |
| **30** | Tiết 2: Hoàn chỉnh sản phẩm và chia sẻ |
| **31** | **Bài 2:** Tạo hình rô-bốt | 2 | Tiết 1: Tạo hình rô-bốt theo ý thích (vỏ hộp, giấy bìa cứng) | - Kích thích được sự sáng tạo, ý tưởng riêng của học sinh khi tạo hình robot từ vật liệu tái chế  - Chia sẻ được sản phẩm của mình cùng bạn bè; cảm nhận được vẽ đẹp của sản phẩm tái chế. |
| **32** | Tiết 2: Hoàn thành sản phẩm và chia sẻ |
| **33** | **Bài 3:** Con rối đáng yêu | 2 | Tiết 1: Tạo hình con rối (vẽ, giấy màu, vật liệu khác) | * Biết cách tạo hình con rối đơn giản bằng vật liệu có sẵn * Trang trí và hoàn thành con rối theo ý tưởng riêng * Trưng bày và chia sẻ sản phẩm; cảm nhận được vẻ đẹp của từng sản phẩm tạo ra. |
| **34** | Tiết 2: Hoàn thành sản phẩm và chia sẻ |
| **35** | **Những bài em đã học**  (1 tiết) | | 1 | Tạo sơ đồ tên các bài học (Vẽ, cắt dán) | - Biết kết hợp nhóm để tạo ra sơ đồ về các bài đã học có màu sắc phong phú  - Trưng bày và chia sẻ được sản phẩm của nhóm |

**MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | | **Chủ đề/**  **Mạch nội dung** | **Bài học** | **Tiết học** | | **Nội dung Điều chỉnh, bổ sung** | **Ghi chú** |
| Tháng | *Tuần* | SL | Nội dung |
|  |  | **Kiến thức chung về GDTC** | - Vệ sinh cá nhân  - Đảm bảo an toàn trong tập luyện | | | Được hướng dẫn tích hợp vào tất cả các nội dung trong các giờ học một cách phù hợp. |  |
|  | **1-3** | **Đội hình đội ngũ** | Chuyển đội hình hàng dọc, hàng ngang thành đội hình vòng tròn | **5**  *(1-5)* | − Chuyển đội hình hàng dọc thành đội hình vòng tròn  − Chuyển đội hình hàng ngang thành đội hình vòng tròn  - Trò chơi bổ trợ khéo léo |  |  |
|  | **3-5** | Chuyển đội hình vòng tròn thành đội hình hàng dọc, hàng ngang | **5**  *(6-10)* | − Chuyển đội hình vòng tròn thành đội hình hàng dọc, hàng ngang  − Trò chơi vận động gắn với nội dung bài học |  |
|  | **6-7** | Giậm chân tại chỗ, đứng lại | **4**  *(11-14)* | − Động tác quay trái, quay phải, quay sau  − Trò chơi vận động gắn với nội dung bài học |  |
|  | **8** | Kiểm tra đánh giá | **1**  *(15)* | **−** Các nội dung ĐHĐN đã học  *(GV linh hoạt lựa chọn thời điểm, hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp)* |  |
|  | **8** | **Bài thể dục** | Động tác vươn thở, động tác tay. | **1**  *(16)* | − Động tác vươn thở, Động tác tay  − Trò chơi bổ trợ khéo léo |  |  |
|  | **9** | Động tác chân, động tác lườn. | **2**  *(17-18)* | − Động tác chân, động tác lườn  − Trò chơi bổ trợ khéo léo |  |
|  | **10** | Động tác bụng, động tác toàn thân | **2**  *(19-20)* | − Động tác bụng, động tác toàn thân  − Trò chơi bổ trợ khéo léo |  |
|  | **11** | Động tác nhảy, động tác điều hòa. | **2**  *(21-22)* | -. Động tác nhảy và động tác điều hòa  − Ôn tập các động tác đã học của Bài thể dục  − Trò chơi bổ trợ khéo léo |  |
|  | **12** | Kiểm tra đánh giá | **1**  *(23)* | Các động tác Bài thể dục đã học  *(GV linh hoạt lựa chọn thời điểm, hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp)* |  |
|  | **12-14** | **Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản** | Đi theo hướng thẳng | **4**  *(24-27)* | − Đi theo hướng thẳng  − Đi theo vạch kẻ thẳng  − Đi kiễng gót theo hướng thẳng  − Đi bằng gót chân theo hướng thẳng  − Đi bước dồn chân theo hướng thẳng  - Trò chơi bổ trợ khéo léo |  |  |
| **14-16** | Đi thay đổi hướng. | **5**  *(28-32)* | − Đi trên đường ngoằn ngoèo  − Đi chuyển hướng phải trái  − Đi luồn vật chuẩn  − Đi theo vòng cung  − Đi theo hướng thẳng-quay đầu  - Trò chơi bổ trợ khéo léo |
| **17-19** | Chạy theo hướng thẳng. | **5**  *(33-37)* | − Chạy theo hướng thẳng.  − Chạy có mang vật trên tay theo hướng thẳng  − Đi kết hợp chạy theo hướng thẳng  - Trò chơi bổ trợ khéo léo |
| **19-21** | Chạy thay đổi hướng | **4**  *(38-41)* | − Chạy trên đường ngoằn ngoèo  − Chạy đổi hướng trái  − Chạy đổi hướng phải-trái  − Chạy luồn vật chuẩn  − Chạy vòng vật chuẩn  - Trò chơi bổ trợ khéo léo |
| **21-22** | Các động tác ngồi cơ bản | **3**  *(42-44)* | − Ngồi kiểng hai gót chân  − Ngồi bệt thẳng chân  − Ngồi khoanh chân  - Trò chơi bổ trợ khéo léo |
| **23-24** | Các động tác quỳ cơ bản. | **3**  *(45-47)* | − Quỳ thấp  − Quỳ cao  − Quỳ trên một chân  - Trò chơi bổ trợ khéo léo |
|  | **24-25** | Kiểm tra đánh giá | **2**  *(48-49)* | *- Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản đã học*  *(GV linh hoạt lựa chọn thời điểm, hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp)* |  |  |
| **25** | Kiểm tra giữa học kì 1 | **1**  *(50)* | *- Hệ thống lại tất cả các nội dung đã học* |  |
|  | **26-27** | **Thể thao tự chọn (thể dục nhịp điệu)** | Bác tư thế đầu, cổ kết hợp chân cơ bản | **4**  *(51-54)* | - Các tư thế đầu cổ kết hợp chân kiễng gót.  - Các tư thế đầu cổ kết hợp đẩy hông.  - Trò chơi bổ trợ khéo léo |  |
| **28-29** | Các tư thế tay kết hợp chân cơ bản | **4**  *(55-58)* | - Các tư thế tay vai kết hợp chân kiễng gót.  - Các tư thế tay, ngực kết hợp nhún gối.  - Trò chơi bổ trợ khéo léo |
| **30-32** | Các tư thế của thân kết hợp nhún gối | **5**  *(59-63)* | - Gập và ngửa thân.  - Nghiêng thân sang trái - phải kết hợp nhún gối. |
| **32-34** | Các tư thế của chân kết hợp nhún gối | **5**  *(64-68)* | - Đặt gót ra trước kết hợp nhún gối.  - Duỗi chân sang ngang kết hợp nhún gối.  - Đưa chân ra sau kết hợp nhún gối.  - Trò chơi bổ trợ khéo léo |
|  | **35** | Kiểm tra | **1**  (69) | - Nội dung môn bóng đá đã học |  |
|  | **35** |  | Kiểm tra + Tổng kết cuối năm học | **1**  *(70)* | - (GV linh hoạt lựa chọn nội dung, hình thức kiềm tra đánh giá cho phù hợp)  - Hệ thống các nội dung đã học |  |